

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ

“Như ngọn núi kiên cố, chẳng bao giờ bị gió lay, những lời phi báng hoặc tán dương chẳng bao giờ lay động được người đại trí.”
(Kinh Pháp Cú, Câu 81)

132

THÁNG 11.2022



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thư quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **PTNorbert (Pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **TU HÀNH** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- ♦ **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7
- ♦ **PHẬT NGÔN** (thơ Thy An), trang 8
- ♦ **BỐN TRƯỜNG HỢP CỦA HIỆU LỰC CẦU NGUYỆN** (Thích Nhuận Châu), trang 9
- ♦ **GIÁC NGỘ** (thơ Mặc Phương Từ), trang 12
- ♦ **LÊN ĐIỆN PHẬT** (Nguyên Siêu), trang 13
- ♦ **BA THỜI CHUYỂN PHÁP** (TN Trí Hải), trang 15
- ♦ **THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN** (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 18
- ♦ **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG**, t.t. (HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 19
- ♦ **THU CA** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 22
- ♦ **THƯ CHÚC MỪNG NGÀY VỀ NGUỒN LÃN 12...** (Sa môn Thích Tín Nghĩa), trang 23
- ♦ **NHỮNG ĐIỀU KHÔNG TƯƠNG...** (thơ Phùng Quân), trang 24
- ♦ **ÁC TỶ KHEO** (Quảng Tánh), trang 25
- ♦ **TAI HỌA DO CÁI MIỆNG** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 26
- ♦ **TẮM RỬA NỘI TÂM** (Thích Nữ Hằng Như), trang 27
- ♦ **VUA TRẦN THÁI TÔNG VÀ TRÚC LÂM YÊN TỬ - Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **THẢO AM VÀ ĐẠI THỤ** (Huệ Trân), trang 31
- ♦ **SIÊU THỊ** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 34
- ♦ **ĐỌC TÁC PHẨM "QUAN ÂM TẾ ĐỘ"...** (Nguyên Giác), trang 39
- ♦ **TRƯỢNG PHU, GIAO MÙA** (thơ Đồng Thiện), trang 42
- ♦ **ĐỌC BÀI THƠ "HOÀNG HẠC LẦU..." CỦA LÝ BẠCH** (Lam Nguyên), trang 43
- ♦ **MẬT PHẬT, TRÊN ĐỈNH NON THIÊNG, DẶN LÒNG** (thơ Tịnh Bình), trang 45
- ♦ **HIỆN THÂN XÁC CHO Y KHOA HỌC** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 46
- ♦ **TUỔI ĐỜI, NHỚ CHÙA** (thơ Giác Nhẫn Thanh Tâm), trang 47
- ♦ **DỪA KHO TIÊU** (Diệu Phương), trang 48
- ♦ **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- ♦ **NGON TỘC CỎ CÒN XANH, HƯƠNG ỒI...** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 50
- ♦ **THU NHỚ NGƯỜI DƯNG** (Tiểu Lục Thân Phong), trang 52
- ♦ **MUÔN ĐỜI HIỆN HỮU** (thơ Diệu Viên), trang 54
- ♦ **TỪ BI TRONG HÀNH ĐỘNG** (TN Hạnh Từ), trang 55
- ♦ **THE STORY OF MARA** (Daw Mya Tin), trang 57
- ♦ **PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI VỚI THẾ HỆ TRẺ** (Thanh Nguyên), trang 58
- ♦ **DUY TUỆ THỊ NGHIỆP** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- ♦ **NGŨ THOÁT - chương 15, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- ♦ **CÔNG CHÚA LY CẦU** (Truyện cổ Phật giáo), trang 65



Báo Chánh Pháp số 132, tháng 11.2022, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

CHÁNH-TÀ, CHÂN-NGUY

Từ nơi cao rộng mới thấy bao quát toàn cảnh bên dưới. Nào là núi, nào là rừng. Núi xa thì màu nhạt đi, núi gần thì sậm màu đất đá. Rừng thưa thì thấy cả những đường mòn quanh co xuyên qua các thảm lá mục và những tảng đá phong rêu; rừng sâu thì chỉ xanh một màu lá. Trên cao đồ xuống thì là thác; chảy về chỗ thấp thì là suối; tràn khắp bình địa, thung lũng thì thành sông; đổ về chỗ tận cùng của bờ cõi thì là đại dương.

Không phải chỉ thấy cái tổng thể của núi rừng, mà còn thấy cả những góc ngách, chi li của những đời sống: này là mòm đá nơi sư tử nằm nghiêng vào sâu giấc ngủ, cũng là nơi vượn mình, rống tiếng đầu ngày vang động sơn lâm; này là những chòm cây mà bấy khi thường tụ tập, chuyện lành, ăn uống, đùa giỡn ỉn ỏi; này là các hang đất, động đá lớn nhỏ cho cọp, beo, chồn, cáo... có khi lăm lăm tránh mặt nhau, có khi găm gù nhe nanh giương vuốt; này là chỗ tụ tập của bầy chó và bầy quạ ồn ào giành nhau miếng ăn... Thú lớn giành nhau mỗi lớn, thú nhỏ tranh nhau mỗi nhỏ. Loài có cánh và loài không cánh. Cho đến những loài côn trùng lớn nhỏ, đâu cũng có nơi có chỗ, có sinh hoạt trong đời dài-ngắn.

Để nhìn thấu nguyên nhân và thực trạng khổ đau của cuộc đời, bậc đại trí đã quán chiếu và thấu rõ tường tận các điều kiện nhân-duyên khởi đi từ vô minh, dẫn đến danh-sắc (1) trong một chuỗi mắt xích liên lạc nối nhau nhiều đời kiếp; từ đó, vạch ra phương pháp dứt trừ, giải thoát khổ đau để đạt đến an vui tịch tịnh. Con đường của bậc đại trí đã được nhiều người khác noi theo, từ đó hình thành những tập thể Tăng (Sangha). Trên đường tu chứng, không ai bị bắt buộc phải theo hay không theo một tập thể Tăng; nhưng nếu đã gia nhập, hòa nhập với một tập thể thì cần phải tuân thủ giới luật, nội quy, điều lệ của tập thể ấy.

Có một tập thể Tăng bị kiểm soát và điều hướng bởi một hệ thống đảng quyền. Có một tập thể Tăng phản đối, từ chối sự kiểm soát ấy ngay từ đầu. Dù hai tập thể ấy chủ trương và sinh hoạt khác nhau như thế nào, vẫn có chung một mục tiêu là tự giác, giác tha, nghĩa là tự tu tập hành trì để đạt đến giải thoát giác ngộ và hướng dẫn kẻ khác đạt được giải thoát giác ngộ như mình. Tất nhiên có những chướng duyên, trở ngại không thể tránh trong việc tu tập và hoằng pháp đối với cả hai tập thể Tăng. Nhưng trong một chừng mức nào đó, từng cá nhân trong hai tập thể này, có thể nhìn thấy nhau trong chánh kiến (kiến đạo) và tương hội với nhau từ những tầng bậc cao thâm của con đường tu chứng (tu đạo). Ở những tầng bậc như thế, không có một thế lực hay khuôn khổ tổ chức nào từ bên trong hay bên ngoài tập thể Tăng có thể ngăn trở, chướng ngại.

Bậc hiền trí có khi phải lên rừng phát rẫy dựng chòi tranh, có khi phải nhập cuộc vì nguyện vọng chung mà chịu khổ hình tù tội, có khi phải lên núi hoặc lang thang trên những dặm dài cô tịch của quê hương, có khi lại phải xuống núi để dựng lại một tập thể Tăng đã bị nghiền nát, xóa sạch từ những nội trùng và ác đảng một thời. Danh gì, lợi gì với cuộc thế nhiều nhương, với một chòi tranh xiêu vẹo chông chênh không cả tường vách khi tuổi đã về chiều, và một cơn bệnh thập tử nhất sinh? — Chỉ vì trọng trách truyền thừa, không thể để mạng mạch của tập thể Tăng này bị đứt mất. Nhu cầu sinh tử của tập thể Tăng này là có một sự tiếp nối, tương tục tồn tại, để từ đó mới có thể vực dậy một ngôi nhà đổ nát; và kỳ vọng một sự hồi sinh kỳ diệu mai sau. Thiết tưởng những ai còn nhớ nghĩ đến cơ đồ của Thầy-Tổ để lại, hãy hết lòng tán trợ

cho sự thừa tiếp này, còn không, hãy im lặng, đừng vọng động: không ủng hộ việc chánh-thiện thì cũng đừng tiếp tay với kẻ ác, ngăn trở, hủy hoại con đường của tiền nhân.

Còn nhớ nhiều năm trước, ai cũng thấy rõ nội lực của tập thể Tăng này chỉ còn tập trung nơi ba nhân vật trụ cột có thể gìn giữ được giềng mối. Đó là lý do ngoại nhân, ác đảng và nội trùng quyết tâm phá hoại, chia rẽ, vu khống, hủy nhục cả ba nhân vật này suốt một thời gian dài. Rồi sau bao trầm thống, nguy nan, tù nhục, lần lượt nhân vật thứ nhất nằm xuống, nhân vật thứ nhì nằm xuống, ắt sẽ truyền đến nhân vật thứ ba. Việc truyền thừa có chính danh hay không, tất nhiên là ở chỗ truyền trao và tiếp nhận tín vật biểu trưng của tập thể Tăng ấy; nhưng ngay cả trường hợp không có tín vật để truyền trao, sự tín nhiệm và ý nguyện của số đông cũng đã đặt lên vai nhân vật thứ ba này rồi. Hướng đi tất yếu của lịch sử phải như thế. Và đây là trách nhiệm cuối cùng vô cùng khó khăn của con sư tử già khi chung quanh có nhiều loài mãnh thú khác cũng chực chờ tranh ngôi, tiêu diệt; cho đến sói rừng, linh cẩu, điều hâu, chim quạ... cũng ngấp nghé thềm thường.

Tượng hình mà kể: Đại bàng thả cánh trên tầng mây cao. Mắt tinh anh, nhìn khắp đất trời. Việc cần làm thì làm, không cần làm thì bay đi. Có những việc chỉ có thể thấy từ trên cao. Chim quạ ở dưới này, biết chi việc ở mấy tầng mây mà nói!

Cho nên, việc phục hoạt hồi sinh một tập thể Tăng đã (gần như) chết, một tổ chức trống rỗng không còn một nhân sự nào, đòi hỏi một bậc trí tuệ cao viễn, đạo lực thâm sâu, chứ không phải chỉ trọng nơi áo mũ hay tuổi đời tuổi đạo; và cũng không thể trông cậy nơi những người mà tâm bồ-đề đã thối thất từ lâu.

Làm sao biết tâm bồ-đề của ai đó đã thối thất từ lâu? — Hãy cùng đọc lại 4 cách đầu trong 8 cách phát tâm bồ-đề (2) đã được khuyến đọc từ thuở còn sa-di:

— Đời có kẻ tu hành mà chỉ tu hành một chiều, không cứu xét tự tâm, chỉ lo những việc ở ngoài, hoặc vụ lợi, hoặc háo danh, hoặc ham cái thú hiện tại, hoặc cầu cái vui mai sau: phát tâm như vậy gọi là Tà;

— Danh lợi không ham, vui thú không màng, chỉ vì thoát sinh tử, vì chúng Bồ-đề:

phát tâm như vậy gọi là Chánh;

— Ý niệm này nối tiếp ý niệm khác, ngược lên mà mong cầu Phật đạo, tư tưởng trước liên tục tư tưởng sau, nhìn xuống mà hóa độ chúng sanh, nghe Phật đạo lâu xa cũng không thoái chí khiếp sợ, xét chúng sanh khó độ mà không chán nản mệt mỏi, như trèo núi cao cả vạn trượng cũng quyết tận đỉnh, như lên tháp lớn đến chín tầng cũng cố tột nóc: phát tâm như vậy gọi là Chân;

— Có tội không sám hối, có lỗi không trừ bỏ, trong bản ngoài sạch, trước siêng sau nhác, tâm tốt dầu có cũng phần lớn bị danh lợi xen lẫn, thiện pháp dầu tu cũng phần nhiều bị vọng nghiệp nhuốm bẩn: phát tâm như vậy gọi là Ngụy.”

Đọc lại để tự nghiệm xét, tự lượng, tự biết nên đặt mình ở vị trí nào trong nẻo đạo, hay trong một tập thể Tăng, chứ đừng vội phê phán, bàn cãi, đổ kỵ và chấp tranh với những ngôi vị. Bởi vì, tâm bồ-đề một khi đã bị mờ nhạt, hoặc quên mất, hoặc bị sai lệch, thì tất cả những hành động (dù là hành vi thiện), lời nói (dù là nói chánh pháp), cho đến ý nghĩ (dù là chánh niệm), cũng đều là hành vi của Ma (3).

Nơi kia có một đốm lửa được nhen nhúm sau những đêm dài u minh thất tán, hãy cùng tiếp sức để thổi bùng lên ánh đạo nhiệm mầu, thiêng liêng.

- 1) *Danh-sắc* ở đây tức ngũ uẩn hay ngũ ấm, là năm yếu tố hội tụ, kết hợp tạo nên đời sống con người. **Danh** chỉ cho phần tinh thần, trừu tượng, chỉ có thể gọi tên, không thấy được, gồm thọ (cảm giác), tưởng (nhận thức, phân biệt), hành (ý chí, khuynh hướng dẫn nghiệp) và thức (ý thức); còn **sắc** là phần thể chất.
- 2) Trích từ “Khuyến Phát Bồ-đề Tâm Văn” - Bài văn khuyến phát tâm Bồ-đề của Đại Sư Tịnh Am, do Hòa thượng Thích Trí Quang dịch Việt.
- 3) “Vong thất bồ-đề tâm tu chư thiện pháp danh vi ma nghiệp” (Kinh Hoa Nghiêm) - Quên mất tâm bồ-đề mà thực hành các thiện pháp thì cũng vẫn là việc làm của Ma.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NEPAL: Sáu họa sĩ bảo tồn bức tranh tường về vị thần Phật giáo Mật tông Chakrasamvara

Sáu họa sĩ đã dành nhiều tháng để chuẩn bị bức tranh tường dài 22 x 5.5 feet về vị thần Chakrasamvara của Phật giáo Mật tông, là ước nguyện cuối cùng của sử gia nổi tiếng Nepal và Yuga Purush-Satya Mohan Joshi.

Sáu họa sĩ nói trên đang tỉ mỉ vẽ một tranh Paubha (Thangka -theo tiếng Tây Tạng) của Chakrasamvara, một vị thần quyền năng của Phật giáo vô cùng phổ biến ở Tây Tạng và Mông Cổ, cùng với Nepal.

Các họa sĩ này đang làm việc từ bình minh đến hoàng hôn để chuẩn bị một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt tuyệt chủng và sẽ là đại diện cho "truyền thống, thực hành và phương pháp nghệ thuật bản địa của Nepal."

Trong bức tranh tường mở rộng từ bên này sang bên kia của bức tranh che một phần của bức tường đối diện với cửa sổ, ở trung tâm của bức họa trải rộng này là bức tranh của thần Chakrasamvara. Các họa sĩ đã đưa các thành viên khác trong gia đình của vị thần vào tranh để làm cho nó sinh động và nhiều thông tin hơn.

Bức tranh tường dự kiến sẽ có chi phí lên tới khoảng 4,23 triệu rupee Nepal sau khi hoàn thành. Dự án cho đến nay đã thu được 25% ngân sách yêu cầu theo ước tính.

(ANI - October 13, 2022)

Các họa sĩ bảo tồn bức Paubha về vị thần Phật giáo Mật tông Chakrasamvara
Photos: ANI



BHUTAN: Vương quốc Phật giáo Bhutan đăng cai tổ chức Hội nghị Kim cương thừa quốc tế lần thứ tư

Vương quốc Hi Mã Lạp Sơn Bhutan đã khởi động Hội nghị Quốc tế lần thứ tư về Phật giáo Kim Cương thừa tại thủ đô Thimphu vào đầu tháng này - lần đầu tiên trong 3 năm tổ chức hội nghị do hạn chế đi lại trong thời kỳ đại dịch. Hội nghị chuyên đề 4-ngày này được tổ chức với chủ đề "Tinh hiện đại của Phật giáo", kéo dài từ ngày 1 đến ngày 4-10-2022.

Diễn đàn đã quy tụ hơn 300 vị chức sắc, khách mời, người tham dự và diễn giả từ Bhutan và 37 quốc gia - bao gồm các học giả và hành giả xuất sắc của Phật giáo Kim Cương thừa, cùng với các nhân vật tôn giáo cao cấp - để trình bày, kiểm tra và thảo luận về các thực hành và truyền thống của Phật giáo Kim Cương thừa và cách họ thích nghi một cách sáng tạo với cuộc sống trong thế kỷ 21.

Hội nghị đề cập đến một loạt các đề tài tiếp cận chủ đề cốt lõi là bối cảnh của Phật giáo Kim Cương thừa trong cuộc sống hiện đại, trong bối cảnh xã hội, môi trường, kinh tế và công nghệ đang phát triển trên khắp thế giới. Sự kiện này được tổ chức bởi Zhung Dratshang, Cơ quan Tu viện Trung ương của Bhutan, và Trung tâm Nghiên cứu Bhutan & GNH (CBS), với sự hỗ trợ từ Liên



đoàn Phật giáo Quốc tế của Ấn Độ.

(Buddhsitdoor Global - October 12, 2022)



Hội nghị Kim cương thừa quốc tế lần thứ tư tại Thimphu, Bhutan
Photo: CBS

PAKISTAN: 150 nhà sư Thái Lan viếng di sản Phật giáo ở Haripur

HARIPUR, Khyber Pakhtunkhwa : Một nhóm 150 nhà sư từ Thái Lan đã đến thăm di sản Phật giáo nổi tiếng thế giới Julian tại thành phố Haripur vào thứ Ba, 11-10-2022.

Hòa thượng Arayawangso, nhà sư Phật giáo nổi tiếng, đã dẫn đầu nhóm các nhà sư này đi một vòng quanh các khu vực khác nhau của di tích và làm lễ cầu nguyện ở đó.

Nawazuddin, nhân viên khảo cổ học tiểu khu vực của thị trấn Hazara, đã tóm lược cho các nhà sư về các di tích trong dịp này.

Ông Nawazuddin cho biết Hòa thượng Arayawangso đã ở Pakistan 3 tháng trước, và sau đó các tăng sĩ khác cũng đến để tham gia cùng nhà sư này. Ông cho biết thời gian lưu trú 3 tháng của họ là một phần của Chương trình An cư Kiết hạ thường được gọi là giai đoạn chú tâm tu tập, khi chư tăng an cư trong mùa mưa để nhập thất 3 tháng theo âm lịch.

Ông Nawazuddin nói nhà sư Arayawangso cũng sẽ hỗ trợ bộ phận khảo cổ tỉnh Khyber Pakhtunkhwa trong việc bảo tồn bảo tháp Phật giáo dài 44 foot vốn được phát hiện cách đây vài năm, nhưng đã bị hư hại một phần.

(Dawn - October 12, 2022)

ẤN ĐỘ: Liên đoàn Phật giáo Quốc tế tổ chức Hội nghị Ngày Vi Diệu Pháp/ Abhidhamma tại thành phố Greater Noida

Chủ nhật ngày 9-10-2022, Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC) đã mời các nhà lãnh đạo Phật giáo từ khắp nơi trên thế giới tham dự Ngày Vi Diệu Pháp, một ngày lễ trong truyền thống Phật giáo Nguyên thủy kỷ niệm ngày Đức Phật giảng trần sau khi dạy mẹ Ngài về Abhidhamma / Vi diệu pháp.

Các đại biểu và các nhà sư lỗi lạc từ Bhutan, Miến Điện, Nepal, Tích Lan, và các nơi khác đã vân tập tại Noida, một thành phố được quy hoạch ngay phía đông của New Delhi ở Uttar Pradesh.

Ngày Abhidhamma được tổ chức bởi các Phật giáo Nguyên thủy vào ngày rằm tháng 7 âm lịch hàng năm.

Để đánh dấu ngày này, IBC và Đại học Gautam Buddha, có trụ sở tại thành phố Greater Noida, đã tổ chức Abhidhamma Divas Quốc tế. Sự kiện bắt đầu bằng việc thắp đèn và dâng hoa lên tượng Phật. Khách mời chính của sự kiện là Tiến sĩ Ashin Nanissara (Sitagu Sayadaw), hiệu trưởng Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu, Miến Điện.

Có trụ sở chính tại New Delhi, IBC là một cơ quan bảo trợ của Phật giáo, đóng vai trò như một nền tảng chung cho Phật tử trên toàn thế giới. Nó được thành lập dưới sự bảo trợ của hệ thống tôn giáo tối cao của Phật giáo. IBC có các thành viên từ 320 tổ chức tu sĩ và cư sĩ - bao gồm các cơ quan thế giới, các liên đoàn, các tu viện quốc gia và khu vực, các tổ chức và các học viện quốc tế.

(Buddhistdoor Global - October 11, 2022)

Hội nghị Ngày Vi Diệu Pháp/ Abhidhamma tại Greater Noida, Ấn Độ
Photo: indianarrative.com



MIẾN ĐIỆN: Hàng ngàn người đổ về chùa Shwedagon để dự lễ hội ánh sáng của Phật giáo

YANGON, Miến Điện - Ngày 9-10-2022, hàng ngàn tín đồ Phật giáo đã lũ lượt về chùa Shwedagon để đánh dấu ngày trăng tròn của lễ hội ánh sáng Thadingyut, một số người đã cầu nguyện cho một đất nước đã rơi vào tình trạng hỗn loạn bởi cuộc đảo chính năm ngoái.

Vào sáng sớm, đã có những đám đông xếp hàng ở trung tâm thương mại Yangon để cầu nguyện tại ngôi chùa dát vàng Shwedagon cao ngất, địa điểm Phật giáo quan trọng nhất của Miến Điện. Biên niên sử địa phương nói rằng chùa này chứa những lọn tóc của Đức Phật.

Lễ hội 3-ngày này đánh dấu sự giảng trần của Đức Phật và thường được đánh dấu bằng các màn bắn pháo hoa náo nhiệt, với những ngọn nến và đèn lồng đầy màu sắc thắp sáng đường phố và nhà cửa.

(AFP - October 9, 2022)



Lễ hội Ánh sáng Thadingyut tại Miến Điện
Photo: AFP & Big News Net Work

HÀN QUỐC: Mạng lưới Phật tử Dân thân Quốc tế (INEB) tổ chức Hội nghị lần thứ 20 và Hội nghị chuyên đề công khai về "Vai trò của Tâm linh & Đức tin trong một Thế giới bị chia rẽ"

Cùng với Hội nghị INEB lần thứ 20 diễn ra 2 năm một lần tại Hàn Quốc vào tháng 10, Mạng lưới Phật tử dân thân Quốc tế (INEB) đã công bố một hội nghị chuyên đề công khai về chủ đề "Vai trò của Tâm linh & Đức tin trong một Thế giới bị chia rẽ". Được INEB phối hợp tổ chức với Hội Jungto Society, sự kiện này sẽ được tổ chức tại Trung tâm Jungto, Seoul vào ngày 29 tháng 10, với cả sự tham dự trực tiếp và phát trực tiếp.

Và Hội nghị INEB lần thứ 20 - diễn ra từ ngày 24 đến ngày 30-10 tại Hàn Quốc - là cuộc họp mặt trực tiếp chính thức đầu tiên kể từ hội nghị quốc tế trước đó của INEB vào năm 2019.

Tập trung vào chủ đề "Phật giáo trong một Thế giới chia rẽ", hội nghị nhằm phát triển Lộ trình Chiến lược 10-năm của INEB được khởi động vào năm 2017 và mở rộng phạm vi tiếp cận với các phong trào xã hội cùng chí hướng. Điều này sẽ giúp INEB hỗ trợ đầy đủ hơn các sáng kiến về công bằng xã hội, bình đẳng văn hóa và giới tính, hòa nhập và đa dạng, học tập chuyển đổi, và hài hòa các sáng kiến liên quan đến sinh thái và kinh tế, đối thoại nội bộ và giữa các tín ngưỡng, và trao quyền cho thanh niên.

(Buddhistdoor Global - October 19, 2022)



Poster của Hội nghị lần thứ 20 và Hội nghị chuyên đề công khai về "Vai trò của Tâm linh & Đức tin trong một Thế giới bị chia rẽ"

Photo: Buddhistdoor Global

TU HÀNH

*Tu hành cốt dứt chữ si ngu,
Cố vượt cho ra khỏi mây mù,
Diệt hết tham sân thì mới quý,
Xứng danh phát nguyện với chữ Tu,*

*Chữ Tu nói dễ nhưng khó làm,
Đầu óc chắt đây những tham lam,
Suy nghĩ làm sao ôm vào hết,
Tình tiền danh vọng mãi mơ màng...*

*Mơ màng giới luật sao không học,
Chuyên lo mưu tính đoạt của người,
Chạy theo đôi chút danh và lợi!
Tạo nghiệp mang theo thật uổng đời...*

*Uổng đời tu tập cho bản thân,
Giới luật Phật trao phải chuyên cần,
Tu tập không lo, lo mưu vọng,
Xa rời Phật tánh khô cái thân...*

*Cái thân bèo bọt rỗng mà tu,
Chỉ nguyện xuất gia lúc ban đầu,
Hạ hóa thương cầu cho đúng pháp,
Hám danh trục lợi được gì đâu?*

*Được gì đâu nữa lợi với danh,
Phát nguyện nhất tâm kiếp tu hành,
Phiền não do vì tham sân hận,
Đâu còn pháp vị để chính danh?*

*Chính danh đừng tưởng cho là chính,
Mà mất mọi người để giữ trò,
Thiền tướng giả danh lòe thiên hạ,
Riêng mình tự dối những mưu mô...*



*Mưu mô xin bỏ để tu hành,
Chánh pháp ngày đêm giữ bên mình,
Xin nguyện nhất tâm trừ tội chướng,
Đây là thành thật mới chính danh.*

*Chính danh đẹp đạo với đẹp đời,
Con Phật thực hành có thể thôi,
Tất cả mong sao đều hoan hỷ,
Tham sân si diệt, thật tuyệt vời.*

*Tuyệt vời an lạc của người tu,
Dựng đạo đẹp đời lắm công phu,
Mô phạm nhờn thiên là tối thượng,
Đương lai tất cánh đạt nhất như...*

Quý thu Nhâm dần - Sept. 10th, 2022

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

CHƯƠNG VIII: SỰ BIẾN HIỆN VÀ PHỤC ĐOẠN CỦA THỨC A LẠI DA:

PHẦN I: NGUYÊN LÝ CỦA VẠN PHÁP DUY THỨC

Mục tiêu chủ yếu của Duy Thức Học là phải lãnh hội tất cả pháp gì đều do Duy Thức biến hiện, và sẽ đem cách nào những pháp ô nhiễm do Duy Thức biến hiện chuyển đổi trở thành pháp thanh tịnh mà được thành tựu quả vị vô lậu.

Bảy Chương trước đã trình bày rõ, chúng ta đã biết căn bản của vấn đề sanh tử chính là Thức Chủng Tử; Thức này rất vi tế, không phải tâm niệm có thể trực nghiệm biết được, quá trình biến hiện vạn pháp của nó lại là khó tưởng tượng đến được. Nhân đây cần phải tiếp nhận để dàng đạo lý này từ nơi đại chúng để biện minh thêm:

Mỗi một con người mặc dù đồng thời sanh tồn như thể trên thế giới, chỉ là mỗi một con người nhìn các pháp của thế giới như thể không giống nhau; điều đó chứng tỏ cá tánh của hai người không giống nhau, phương thức sinh hoạt thì giống nhau, gặp phải cảnh ngộ giống nhau, kết quả cảm nhận và phản ứng của hai người đây đều không giống nhau. Thí dụ như hai người đồng thời phục vụ công chức, cá tánh của anh Giáp thì ôn hòa hiền hậu, còn cá tánh của anh Ất thì nóng nảy hung bạo; hai người về đến cửa nhà đánh nhau vô lý. Hậu quả là anh Giáp khi đối phó biết bình tâm hòa khí để giải quyết vấn đề, còn anh Ất thì vì không thể nhẫn chịu, tâm sân một khi nổi lên khiến bầu không khí trở nên xấu thêm, vấn đề ngược lại là không thể giải quyết. Nếu nói đánh nhau vô lý nơi cửa nhà nhất định có thể khiến bầu không khí xấu thêm, như thể đối với hai người Giáp và Ất đều có thể sản sinh hậu quả giống nhau, nhưng sự thật không phải như vậy. Do đây suy lý nơi sự tình của họ, chúng ta có thể chứng minh sự khổ lạc nhiễm tịnh, v.v... của hoàn cảnh sinh hoạt, là tại nơi tự mình tạo lấy mà không phải người khác và cũng chính là thế giới của các người hiện đến cho các người. Vì thế Bồ Tát Địa Tạng mặc dù ở nơi Địa Ngục mà có thể trạng nghiêm Địa Ngục. Tuy nhiên, hoàn cảnh của mỗi cộng nghiệp sanh ra không phải cá nhân

trong thời gian ngắn có thể giải quyết; chỉ là do nơi sự nỗ lực của cá nhân, dần dần ảnh hưởng nơi đại chúng, khi nào bằng lực lượng của đại chúng thì cuối cùng cũng có thể cải biến hoàn cảnh.

Nguyên lý của vạn pháp Duy Thức, không phải là Tâm có khả năng sáng tạo vạn vật; mà là vạn sự vạn vật (ảnh hưởng) thể hiện trong Tâm, tùy theo Tâm Thức của mọi người tiếp nhận các nhiễm tịnh bất đồng, mà có cảm thọ và quan điểm không giống nhau, tuy cùng nhau đối diện đồng một sự vật mà nhận định thì lại khác nhau. Do đó có người đạt được ngày tháng rất khoái lạc, có người chịu lấy hết sức thống khổ. Nếu như hoàn cảnh là thật có ngoài Tâm, như thể mỗi người khi sinh hoạt nơi hoàn cảnh giống nhau thì sau đó phải cảm thọ trước tướng giống nhau. Tức là nói người cùng một nhà hoặc cùng công nhân viên đi làm trong một gia đình công ty thì phải đồng thời khoái lạc hoặc đồng thời thống khổ.

Nhưng trên sự thật, thế giới bên ngoài nếu như ly khai Tâm Tri Giác của chúng ta đều không có ý nghĩa thật tại. Nguyên vì có Tâm (Thức) thì mới có thế gian này, nếu như không có Tâm Thức, đối với cá nhân khác lại nói, chính mình không có thế gian này. Cũng chính là nói, sự tồn tại hay không tồn tại của thế giới này đã thoát ly Tâm Thức của mình và của người, tức là không thật nghĩa. Cho nên Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Kinh nói rằng: "Thế giới từ vô thi đến nay, tất cả pháp đều nương tựa, do đó có các cõi và Niết Bàn chứng đắc." Thành Duy Thức Luận đối với những điều giải thích của bốn Tụng là: Chủng tử của Thức A Lại Da từ vô thi đến nay chuyển biến tương tục, đích thân sanh ra các pháp, nó chấp trì năng lực từ vô thi đến nay cùng tất cả pháp, v.v... làm chỗ ỷ chỉ. Nguyên vì thường bảo trì các chủng tử liên cùng các pháp hiện hành làm duyên nương tựa, cho nên bản Thức biến làm căn thân và thế giới, mà làm y chỉ cho bảy Chuyển Thức tác dụng. Nhãn, v.v... năm Thức trước nương tựa nơi năm Sắc Căn mà chuyển, Ý Thức thứ sáu nương nơi Ý Thức Mạt Na mà chuyển, Ý Thức Mạt Na nương nơi Câu Hữu Căn [Thức thứ tám đồng thời làm Căn cho Thức Mạt Na] mà chuyển. Thức Mạt Na vì không gián đoạn, cho nên Thức thứ tám cũng sử dụng Thức Mạt Na làm Câu Hữu Y [Thức Mạt Na đồng thời làm chỗ nương tựa cho Thức thứ tám] mà chuyển. Đây là nhân duyên



tác dụng của Thức A Lại Da (Chú thích 25).

PHẦN II: PHỤC ĐOẠN CỦA THỨC A LẠI DA

Do nơi đã có nhân duyên tác dụng của Thức thứ tám này, nếu như chấp trì tất cả pháp lưu chuyển theo chiều thuận thì cơ hội khiến các hữu tình lưu chuyển sanh tử; pháp lưu chuyển theo chiều thuận chính là các Tâm Sở Tham, Sân, Si, Mạn, v.v... hợp tác. Nếu như chấp trì tất cả pháp hoàn diệt theo chiều thuận thì cơ hội khiến những kẻ tu hành chứng đẳng Niết Bàn. Lý đây cần phải giải thích thêm sáng tỏ về ý nghĩa của chứng đẳng Niết Bàn, là nói có thể chứng đẳng Quả Vô lậu, mà không phải là có cõi Niết Bàn (chỗ không sanh không diệt) để được nương tựa và bảo trì. Niết Bàn là hoàn diệt của lưu chuyển môn. Phương pháp hoàn diệt gọi là Năng Đoạn Đạo, cũng như Bát Chánh Đạo, Lục Độ, Tứ Nhiếp, v.v... Do đạo lý năng đoạn này, đoạn trừ hoặc nghiệp của sở đoạn, đoạn trừ đạt đến chỗ hoàn toàn triệt để, đây gọi là chứng đẳng Niết Bàn. Năng đoạn, sở đoạn cho đến chứng ngộ đều phải nương tựa vào Thức này; cho nên Thức này thì cùng với Hoàn Diệt Môn tác dụng làm chỗ nương tựa và bảo trì.

Thức A Lại Da từ vô thủy luôn luôn lưu chuyển như dòng thác nước, thẳng đến địa vị nào mới có thể xả bỏ hoàn toàn? Chính là địa vị A La Hán hoặc Bồ Tát Bất Động Địa thứ tám mới xả bỏ hoàn toàn. Chỗ xả bỏ chính là Thức ô nhiễm trong Thức thứ tám mà không phải xả bỏ Thức vô cầu. Nhiếp Đại Thừa Luận thì cho Thức A Lại Da bao gồm cả hữu lậu và vô lậu, nhưng Thành Duy Thức Luận lại cho Thức A Lại Da chính là Tạng Thức, tức là có địa vị hữu lậu ở trong, khi đến địa vị vô lậu mới gọi là Vô Cầu Thức, A Lại Da và Vô Cầu Thức là tổng nhiếp nơi Thức thứ tám (Chú thích 26). Chữ Xả trong đây trình bày ở nơi biến chuyển là chỉ cho "Chấp Tạng mà nói".

Nhận A La Hán là đã đoạn phiền não chướng, vĩnh viễn không còn bị Phần Đoạn Sanh Tử nữa, cho nên đối với khả năng tạo thành chủng tử sanh diệt lưu chuyển có thể lia bỏ.

Bồ Tát Bất Động Địa chưa đoạn hết vĩnh viễn chủng tử phiền não, là trình bày những gì cũng không thể thành tựu được Thức A Lại Da? Nguyên do từ Bồ Tát Bất Động Địa trở lên, tất cả phiền não chưa đoạn trừ vĩnh viễn; mặc dù ở trong sanh tử và chưa đoạn hết chủng tử phiền não trong Thức Dị Thục, nhưng đối với ngã kiến, ngã ái, v.v... của Thức này không còn tái diễn chấp Tạng làm nội ngã của mình, do thật hành vô công dụng, mặc tình chuyển biến, tự động tác dụng đi đến sanh ra sự nghiệp. Có thể nói chân tục liên kết song hành vô lậu hữu vi. Tuy hiện khởi biểu tượng phiền não mà không chướng ngại bởi phiền não. Và lại nhờ sát na sát na tăng tiến và đạo hạnh không thối chuyển, cho nên cũng có thể nói là xả bỏ vĩnh viễn danh xưng A Lại Da.

(HẾT)

PHỤ CHÚ:

* Chú thích 25: Phật Giáo Đại Tạng Kinh, tập 105, trang 110.

* Chú thích 26: Phật Giáo Đại Tạng Kinh, tập 105, Thành Duy Thức Luận, quyển 3, trang 108.



PHẬT NGÔN

*lá vàng trôi trên nước
dòng sông nhân quả vòng vo
tiếng ai gọi qua đò
bóng trần gian lung lạc
bát nhả mịt mờ, vẩy tay lục độ*

*kẻ điên cuồng thắm nổi cô đơn
trong sạch chạy tìm từng thớ thịt
réo gọi những chánh niệm như đam mê
nhẹ nhàng
chẳng dám nghĩ là phù phiếm
điều gì trông ngóng tàn đêm phơi pha*

*trong biển tối
lời tỏ bày cùng trắng sáng
những gì thuộc về nhau đã bay đi
như luồng quang tử sát na
mở ra cánh cửa mùa thu hối hả*

*sắc không, không sắc những thân hình
mỏi mệt
đời yên tĩnh dỗi tìm trăm năm
trong đôi mắt thiết tha là mưa gió
nghĩa tình
thênh thang trên cánh
câu chữ biến thành mặt ngữ*

*sau cuộc viễn hành bao la
nước trở về nguồn cội
tâm thức nằm yên trên bậc cửa
chuông vàng gió lên như âm linh
nhắc nhở
báu vật hay trò chơi ma mị trá hình*

*lắc đầu thật mạnh
bụi trần rơi xuống*

thơ

THY AN

BỒN TRƯỜNG HỢP CỦA HIỆU LỰC CẦU NGUYỆN

Thích Nhuận Châu

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Góp phần bàn luận về ý nghĩa cầu siêu trong Phật giáo, nay xin dẫn *Tương ưng bộ kinh* (Samyutta Nikāya), phẩm *Tương ưng thôn trưởng* để phân tích về vấn đề này.

Nguyên văn:

Một thời Thế Tôn trú ở Nālandā, tại rừng Pāvārikambā.

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhắc bóng và mang vị ấy ra ngoài (uyyāpenti), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?

Đức Phật nói: Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

– Ví như, này thôn trưởng, có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay



do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng

đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Thế Tôn nói:

– Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận, có chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của quần chúng đông đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

– Ví như, này thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn sữa đông hay dầu thời nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán

dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Cũng vậy, này Thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Khi nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

- Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người đứng vững lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(Bản dịch HT.Thích Minh Châu)

Từ bài kinh nêu trên, có thể rút ra 4 trường hợp sau:

1. Người có giới đức thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức thanh tịnh

Đây là nguyên lý cộng hưởng những năng lượng vi diệu.

- Một bên là công năng chuyển hóa toàn diện của các bậc tu hành, đầy đủ giới-định-huệ, chuyển hóa sạch tập khí, lậu hoặc, v.v... Bản tâm sáng rõ như trời quang mây tạnh, nên đủ sức chiếu soi các nơi tâm tối.

- Một bên là tâm thức thiết tha hướng về cõi sáng, đó là nguyện lực của các bậc thiện tri thức, Bồ-tát, chư Phật trong mười phương. Do thành tâm quy nguyện nhiệt thành như vậy nên các tập khí, tam độc không bị dính mắc vào. Nhờ vậy, nên tạo được năng lực tương tác, cộng hưởng, giao thoa giữa thức thanh tịnh. Nền tác dụng của việc cầu siêu chắc chắn được thành tựu. Đây cũng là nguyên lý của việc cầu siêu độ trong đạo Phật.

Ví dụ:

- Ngài Xá Lợi Phất cầu nguyện cho trưởng giả Cấp Cô Độc.

- Đức Phật cầu nguyện cho vua cha Tịnh Phạn.

2. Người có giới đức thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức không thanh tịnh

- Đó là những chúng sinh đã bị tập khí phiền não sai sử trong suốt thời gian khi còn sống. Khi lâm chung bị rơi vào các cảnh giới tối tăm để trả nghiệp.

Ví dụ như trường hợp của ngài Mục Kiền Liên cầu nguyện cho mẹ là Thanh Đề.

Trong trường hợp này, phải cần đến năng lực thanh tịnh của những người có giới đức rất lớn, mới đủ sức tương tác, chuyển hóa phần tâm thức

niêm ô do tập khí nhiều đời của người đã tạo nghiệp. Nên Đức Phật dạy Mục Kiền Liên phải nhờ đến công phu tu tập giới-định-huệ của chư Tăng trong mười phương mới cứu được người thân.

3. Người có giới đức không thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức thanh tịnh

Ví dụ trường hợp của Đề Bà Đạt Đa, vì muốn lấy lòng A Xà Thế, nên khi vua Tần Bà Sa La bằng hà, Đề Bà Đạt Đa đến thăm và cầu nguyện, nhưng chỉ là hình thức chứ không có kết quả gì. Vì lúc đó Đề Bà Đạt Đa thì đầy tham vọng nên tâm hoàn toàn bị nhiễm ô, còn vua Tần Bà Sa La sau khi thấy được ác tâm của con mình là A Xà Thế nên đã có sự chuyển tâm, nhân đó Đức Phật mới chỉ cho nghiệp báo từ nhiều đời trước. Vua Tần Bà Sa La từ đó càng chuyên tâm hướng về Tam bảo. Nên sự cầu nguyện lúc này của Đề Bà Đạt Đa chỉ là hình thức để tranh thủ A Xà Thế, còn kết quả tốt đẹp chính là do sự chuyển hóa tâm thức mạnh mẽ lúc cận tử của vua Tần Bà Sa La.

4. Người có giới đức không thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức không thanh tịnh

Đây là trường hợp như trong câu chuyện "Bơ và những viên đá cuội" được rút ra từ *Tương ưng bộ kinh* (Samyutta Nikāya), phẩm Tương ưng thôn trưởng, có tên Người đất phương Tây hay người đã chết (S.iv,311)

Trong kinh, người đứng ra cầu nguyện là các vị tư tế Bà-la-môn, "...*trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh..."; hoặc là "Những người thờ lửa". Như vậy chúng ta biết những vị này có pháp tu là nhờ nước hoặc nhờ lửa mà được thanh tịnh, chứ không phải là sự chuyển hóa tâm khỏi các độc tham-sân-si. Và đoạn kinh sau cho thấy rõ phương thức cầu nguyện của những người này: "... Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói...".*

Người đứng ra cầu nguyện chưa có đủ giới đức thanh tịnh, và phương thức cầu nguyện cũng chưa đạt đến mức thành tâm của số đông. Còn đối tượng được cầu nguyện, theo trong kinh thì: "... Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến".

Trong trường hợp này, cả người đứng ra cầu nguyện đều có tâm thức nặng nề chưa được chuyển hóa thanh tịnh, và đối tượng được nhắm đến cũng đầy những nghiệp quá nặng, thì làm sao sự cầu nguyện có hiệu lực được. Nên Đức Phật trả lời vị thôn trưởng bằng đưa ra ví dụ về tảng đá: "Có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!' Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?"

Tảng đá được ví như nghiệp dữ mà người kia đã tạo. Nghiệp ác thì phải trả quả báo tương ứng, như viên đá nặng thì phải chìm xuống. Nhưng nghiệp của con người thì có thể chuyển hóa được

một khi thức tỉnh. Do một yếu tố nhân duyên nào đó, khi tâm thức con người được tác động vào, có được nhận thức, liền có sự thay đổi, thì được gọi là chuyển nghiệp. Yếu tố tác động này chính là giới đức thanh tịnh của người đứng ra cầu nguyện. Nếu thiếu yếu tố này, như những vị Bà-la-môn nêu trên, và thế nên chính đương sự cũng chẳng có sự tác động nào để được chuyển hóa, thì kết quả chẳng tốt đẹp gì, như trong kinh:

"- Cũng vậy, này thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!'. Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục."

Đoạn sau Đức Phật đưa ra ví dụ về sữa đông (sappi) hay dầu:

"... Này thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn sữa đông hay dầu thời nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: 'Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!...'".

Ví dụ về sữa đông (sappi) hay dầu trong đoạn kinh này là chỉ cho đối tượng được cầu nguyện có tâm thức thanh tịnh, và người đứng ra cầu nguyện vẫn là hàng Bà-la-môn, "... trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh..."; hoặc là "Những người thờ lửa". Đó là "Người có giới đức không thanh tịnh", thuộc trường hợp thứ 3 đã nêu trên, nên kết quả hiệu lực cầu nguyện sẽ không đạt được. Đức Phật dạy tiếp:

"- Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Cũng vậy, này thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: 'Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!'. Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Qua đây, chúng ta thấy, sữa và dầu không chìm xuống đáy hồ được là do nguyên tắc vật lý. Còn người thiện lành, không thể do cầu nguyện của các tư tế Bà-la-môn mà phải bị rơi vào đọa xứ

được. Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy nghiệp, hay sự chuyển hóa tâm thức để thanh tịnh nghiệp, quyết định cho sanh xứ của những người này.

Rồi Đức Phật kết luận: "- Cũng vậy, này thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: 'Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!'. Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Đối tượng được cầu nguyện đã chuyển hóa tâm thức thành những hành nghiệp thanh tịnh rồi, thì "...Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Huống gì người đứng ra cầu nguyện lại là những vị có đầy đủ giới đức, đã chuyển hóa phiền não, nhiễm ô được thanh tịnh, cùng với tâm nguyện từ bi thương xót chúng sinh đang chịu khổ (trường hợp 1). Với nguyện lực vi diệu từ Bồ-đề tâm, và sự thức tỉnh của đối tượng được nhắm đến, hai nguyện lực tác động tương ứng, thì việc cầu nguyện chắc chắn có hiệu quả.

Nhân đây chúng ta hãy xem xét thêm một đoạn trong kinh *Mi Tiên* văn đáp nói về *Tương quan phước và tội* (số 71, bản dịch HT. Giới Nghiêm):

Đức vua hỏi:

- Trong hàng ngũ Sa-môn của Đại đức, có người thuyết rằng, có kẻ trọn đời làm ác nhưng đến khi lâm tử, họ tưởng nghĩ đến Phật, ân đức hoặc tướng hảo quang minh chói của Ngài thì có thể sanh lên cõi trời. Điều ấy thật khó tin! Lại nữa, các vị ấy còn thuyết rằng, người nào đã lỡ tạo nghiệp sát sanh, không cần phải nhiều lần, dù chỉ một lần, người ấy phải bị đọa địa ngục chẳng sai. Điều ấy lại càng không thể tin được!

- Tâu Đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, nếu có người ném một viên đá nhỏ để bằng hột bắp hay hột tiêu xuống mặt nước, viên đá ấy sẽ nổi hay chìm?

- Chắc chắn phải chìm.

- Nếu có một người chất vài trăm viên đá lớn vào một chiếc ghe rất to, có sức chở rất lớn - thì vài trăm viên đá ấy có chìm không, Đại vương?

- Thưa không.

- Cũng vậy là tội và phước cùng sự tương quan giữa phước và tội, tâu Đại vương! Một viên đá dù bé như hạt tiêu nó vẫn bị chìm xuống nước. Tương tự vậy, có người làm việc ác, dù chỉ một lần, như giết sanh mạng loài hữu tình; thì ác nghiệp ấy có sức nặng đưa chúng sanh đầu thai vào các cảnh giới đau khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Vài trăm viên đá lớn mà không chìm là nhờ có ghe lớn chở. Cũng giống thế, một người làm việc ác trọn đời nhưng nhờ tưởng nghĩ đến ân đức của Phật, tâm người ấy trú vững chắc và hoan hỷ ở trong ân đức ấy; nhờ vậy, chính nhờ thiện năng nâng đỡ-như chiếc ghe lớn-người ấy được sanh thiên cũng là điều hiển nhiên thôi.

- Trẫm đã hiểu.

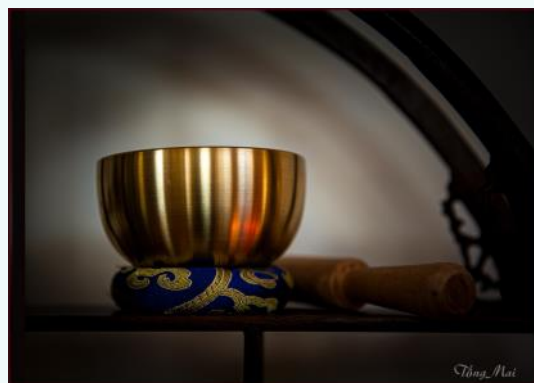
- Lại nữa, ác nghiệp nặng thường đưa chúng sanh đi xuống, thiện nghiệp nhẹ thường đưa chúng sanh đi lên. Tuy nhiên, nếu đã lỡ tạo ác

nghiệp rồi thì phải siêng năng, tinh tấn làm việc lành; chính nhờ việc lành, nhờ thiện nghiệp, nó có khả năng nâng đỡ cho tất cả chúng sanh. Tuy nhiên, Đức Thế Tôn còn dạy rằng: "Ghe, thuyền hằng chuyên chở đồ đạc qua sông lớn, qua biển lớn; nhưng nếu ghe, thuyền ấy chở quá mức độ cho phép, ghe thuyền ấy sẽ bị chìm. Cũng vậy, thiện nghiệp nâng đỡ ác nghiệp, nhưng nếu ác nghiệp quá nặng, thiện nghiệp cũng sẽ bị chìm theo! Lại nữa, ghe thuyền ấy phải được vững chắc, kiên cố không bị rò rỉ; nếu bị rò rỉ, thấm nước thì phải tát cạn, phải bịt chặt các lỗ rò rỉ đi. Cũng vậy, đừng để ác nghiệp xen vào, nếu ác nghiệp đã rò rỉ vào tâm thì phải bịt chặt lại, tát cạn lần hồi ác nghiệp ấy đi. Nhờ vậy ghe, thuyền thiện pháp kia sẽ đến được bến bờ an vui nhất định [*].

Kinh *Mi Tiên vấn đáp* (Milindapañhā), là một bộ kinh rất có giá trị trong Phật học, phản ánh đầy đủ tinh yếu giáo lý Nguyên thủy. Đặc sắc của kinh chính là ở những ví dụ rất khéo lý và khéo cơ mà Na Tiên Tỳ-kheo đã khéo sử dụng để làm sáng tỏ các chủ điểm giáo lý căn bản của Phật giáo Nguyên thủy. Bản kinh hiện đang lưu hành được kết tập vào khoảng thế kỷ I hoặc II TL, giai đoạn thịnh hành của Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin). Bản tiếng Hán có nhan đề *Na Tiên Tỳ-kheo kinh*, xuất hiện vào khoảng đời Đông Tấn (317-420). Milindapañhā được gọi là kinh, vì được kết tập trong tạng Pāli vào Tiểu bộ kinh (Khuddaka Nikāya). Nhưng xét theo văn từ, quyển này vốn là một bộ luận. Các luận sư Nhất thiết hữu bộ có khuynh hướng trình bày tư tưởng chuyển tiếp giữa Tiểu thừa và Đại thừa, và kinh Na Tiên Tỳ-kheo mặc dù tuyệt đối trung thành với giáo pháp Nguyên thủy, nhưng có nhiều khía cạnh đã mạnh mẽ nhấn mạnh những điểm tế nhị ảo diệu của tư tưởng Đại thừa. Đoạn kinh về Tương quan phước và tội trên chính là một sự điều chỉnh và giải thích hệ tư tưởng Nikāya trên quan điểm học thuật bộ phái của mình. Nên khi xét đến vấn đề hiệu lực của cầu nguyện, chúng ta phải xét đầy đủ trên các mối tương quan này.

Thích Nhuận Châu

(*) *Kinh Mi Tiên vấn đáp* (Milindapañhā), Hòa thượng Giới Nghiêm dịch, Tỳ-kheo Giới Đức hiệu đính, ấn bản 2003.



GIÁC NGỘ

*Giác Ngộ,
Là đi giữa cuộc đời
Cõi phiền áo lụy lắm buồn vui.
Nhận ra lẽ thật, đau chân giả,
Sự thể ngàn năm vẫn thế thôi!*

*Giác Ngộ
Là trong cõi lạc làm
Ru đời hoang tưởng mộng ngàn năm.
Phút giây theo dấu tìm quang lộ,
Vượt thoát làm mê nẻo tối tăm.*

*Giác Ngộ
Là từ trong khổ lụy
Không mê lầm theo chuyện quàng xiên
Không đem Đạo Nghĩa phi Nhân Nghĩa,
Không cậy giàu sang, cậy thế quyền.*

*Giác Ngộ
Là từ cõi thế gian
Thăng trầm vững chãi bước bình an
Nhục vinh không bận danh cùng lợi
Chẳng mắc vào chi, chẳng buộc ràng.*

*Giác Ngộ
Là đây, là thế đó
Hiếu điều nhân quả, bóng hình thôi.
Tư duy thiện ác, vay rồi trả,
Giữ vẹn niềm tin sống ở đời.*

South Dakota, 10/2022

thơ **MẶC PHƯƠNG TỬ**

Lên điện Phật

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong nhà thiền có lời ca: "Lên Điện Phật."
Lời ca như vậy:

*"Nhược đắc kiến Phật
Đương nguyện chúng sanh
Đắc vô ngại nhãn
Kiến nhất thiết Phật."*

Dịch:
Mỗi khi thấy Phật
Cầu cho chúng sanh
Được mắt vô ngại
Nhìn thấy chư Phật.

Tôi ca. Tôi hát. Tôi nhìn thấy Phật. Hát mãi hát hoài ngàn năm tôi ca. Dù trên đỉnh núi. Dưới lòng biển sâu. Hay trên ngọn đồi. Tôi vẫn cứ hát. Trên cánh đồng nâu tôi ngồi tôi ca. Tôi ca từ khi gánh cát trên sông, cho đến bây giờ lời ca không ngớt. Tôi ca trong lòng. Tôi hát bằng lời. Tôi thầm nghĩ Phật. Mênh mông một trời.

Đến giờ lễ chúc tán, lạy thù ân. Đắp y lên điện Phật. Xướng chúc tán, để đền đáp ơn người cho mình được sống. Mỗi nửa tháng lạy một lần. Lạy để nhớ ơn và đền ơn. Nhớ ơn chư Phật thị hiện vào đời cứu độ chúng sanh, trong đó có mình. Nhờ vậy mà ngày hôm nay, còn ngồi đây để ca, để hát. Bài ca thánh thiện:

*"Không làm các điều ác
Nguyện làm các hạnh lành
Giữ tâm ý trong sạch
Là lời chư Phật dạy."*

Chư Phật dạy chỉ có chừng ấy, mà chưa làm tròn. Còn dễ duôi nhiều lắm. Và nếu là thế giới bên ngoài thì vô kể. Con người làm lành sao thấy khó quá, cái ác tràn lan. Con người gánh chịu, lao lung mọi bề. Thấy vậy, xin nguyện làm lành. Làm lành được vui. Làm lành được tốt. Ruộng xanh. Lúa vàng. Nhà nhà ấm no. Bởi vì chánh báo như thế nào thì y báo như thế vậy. Nó ảnh hưởng, liên hệ thâm thiết. Lòng thiện. Người thiện, thì môi trường sống thiện. Anh em một nhà. Còn làm ác. Người ác. Thì môi trường sẽ ác. Anh em hận thù. Xóm làng kêu ca. Dân làng đói khổ. Ruột rà nát như tương. Xin cho tình thương. Như lời Phật dạy: "Không làm điều ác." Giữ tâm yên bình. Vì rằng: "Tâm bình thế giới bình" là nguyên tắc chỉ đạo để xây dựng đời sống thái hòa, an tịnh.

Đốt ba nén hương. Quỳ trên gối. Nhất tâm niệm hương. Lời niệm chí thành:

*"Giới hương, định hương, dữ huệ hương,
Giải thoát, giải thoát tri kiến hương
Quang minh vân đài biến Pháp Giới
Cúng dường Thập Phương Vô Thượng Tôn."*

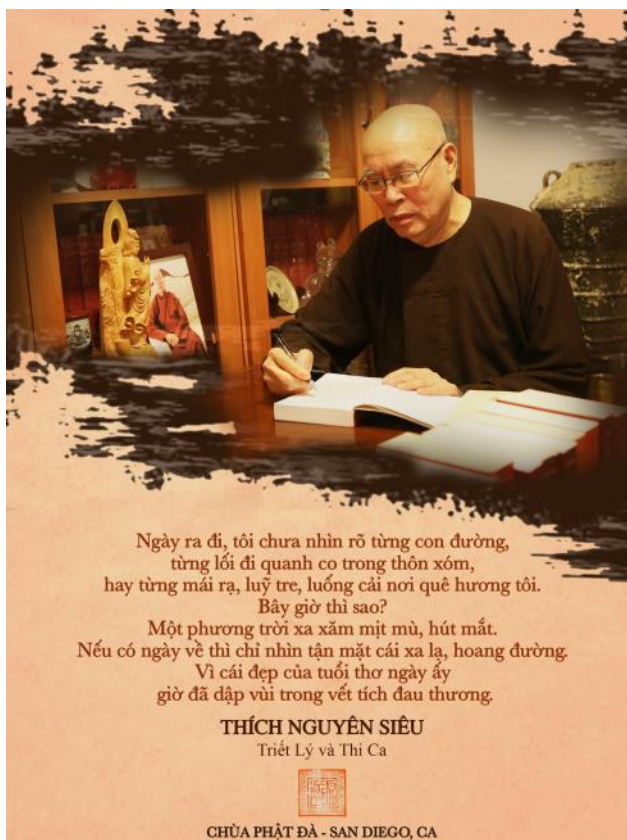
Nam mô Hương Cúng Dường Bồ Tát Ma Ha Tát. Hương Giới, Hương Định. Hương Tuệ. Ba loại

hương, tam vô lậu học. Hương giới cho người mùi thơm đức hạnh. Trong sạch. Không làm phiền nhiễu tới ai. Hương Giới cho mình ý thức tôn trọng mình. Tôn trọng người. Tôn trọng tất cả. Không giết hại chúng sanh tức tôn trọng mạng sống. Cho sự sống. Biết quý sự sống. Dù sự sống ấy là cỏ, cây, sỏi, đá. Mỗi sinh quan hệ mật thiết đến đời sống người. Cho người nhiều mộng đẹp nên thơ. Cho người sức khỏe tốt, hay một tình cảm lạc quan yêu đời...

- Hương định cho người tập trung, không tán loạn. Để làm việc khả thi. Đứng mà không sai lầm, vọng tưởng, tán tâm. Định để mình thấy rõ hành vi, lời nói, ý nghĩ. Để nghe đều nhịp đập của tim. Nghe từng hơi thở. Từ đó ta có cái nhìn trong sáng. Đích thực hiển bày như thấy quả xoài trên lòng bàn tay.

- Hương huệ cho người sáng suốt. Thấy rõ từng ý nghĩ, việc làm. Định vị và thẩm định mọi việc có giá trị đúng. Là ngọn đuốc soi tỏ từng bước chân đi. Từng đôi tay làm. Nhờ vậy mà con người có cuộc sống thái hòa, hạnh phúc.

- Hương giải thoát xây dựng cho người sự an nhiên tự tại. Không ràng buộc, chẳng muông phiền. Tháo gỡ những điều đã được tháo gỡ. Hệ lụy đã



Ngày ra đi, tôi chưa nhìn rõ từng con đường,
từng lối đi quanh co trong thôn xóm,
hay từng mái rạ, lũy tre, luống cày nơi quê hương tôi.

Bây giờ thì sao?

Một phương trời xa xăm mặt mù, hút mắt.
Nếu có ngày về thì chỉ nhìn tận mặt cái xa lạ, hoang đường.
Vì cái đẹp của tuổi thơ ngày ấy
giờ đã dập vùi trong vết tích đau thương.

THÍCH NGUYỄN SIÊU

Triết Lý và Thi Ca



CHÙA PHẬT ĐÀ - SAN DIEGO, CA

đặt xuống. Con người sống lợi ích cho tha nhân, cho môi trường xã hội. Cho thế giới con người và thiên nhiên.

- Hương giải thoát tri kiến đâu còn lẫn vết của phàm hay hình ảnh của thánh. Bình đẳng vô sai biệt. Vượt thoát một chân trời lồng lộng hương tu chứng phảng phất bay - Nơi nào có A La Hán ở, nơi đó, đất nước được phỉ nhiêu. Hương thơm giải thoát tri kiến bật dứt hai đường ngã pháp đều không. Hương chỉ là hương. Hương của người tu chứng đạo. Kết thành một đóa tường vân. Hương giải thoát cái thấy. Cái hiểu biết. Cái chơn thường. Tịch nhiên, để dâng lên cúng dường mười phương chư Phật. Vô tận tạng pháp giới. Vô biên hư không.

*Trầm mặc cây rừng loang bóng đêm
Dáng ai thấp thoáng nép bên rèm
Lắng nghe tiếng niệm Nam Mô Phật
Từ cửa thiền ôn qua vách phen.*

*Lâu nay cứ ngỡ là mình
Bây giờ mới biết chẳng mình chẳng ta
Có chăng làm tường như là
Vỡ cơn đại mộng sa bà vốn không.*

- Nhớ ơn Phật. Đền ơn Phật. Hành trì Phật. Tu học Phật. Thành quả Phật. Chung quanh ta là Phật, nên đột nên nhang trầm dâng hương cúng Phật. Phật đang nghiêm tọa đài sen. Phật nhìn xuống, thấy lòng mình thành khẩn. Phật hiện tiền chứng tri.

- Thủ ân thứ hai là nhớ ơn Cha Mẹ. Thức sớm dậy khuya, chăm lo từng li từng tí. Cái ăn cái mặc vuông tròn. Cái bú. Cái bông. Cái ru. Cái ngủ. Ngày cũng như đêm Mẹ ở bên con. Tiếng à ơi, hơi ấm đong đầy cho con ngủ ngon. Mẹ nuôi đời con lớn. Cha đồng đồng con đi. Qua trường cuộc đời, Mẹ gánh Mẹ gồng qua cơn mưa nắng. Cha tảo, Cha tần bữa đói. Bữa no. Nhưng vẫn nuôi con khôn lớn. Dắt dìu suốt chặng đường qua. Hột nút. Sờn vai, Mẹ thức khuya chăm vắ. Áo bạc màu sương gió Mẹ cắt Mẹ may. Tình Mẹ đong đầy. Tình Cha ấm áp. Nghĩa nặng hai vai con gánh. Con gồng. Để nhớ ơn Cha, cao vút. Để nhớ nghĩa Mẹ thăm sâu mà quì gối, cúi đầu niệm ân đền đáp.

- Thủ ân thứ ba là Thầy Tổ Khai Sinh giới thân huệ mạng. Trưởng thành thân người có đức. Có

duyên. Biết chấp tay lễ Phật. Sám hối tiền khiên. Biết ăn hiền ở lành ngày đêm chong đèn kinh kệ. Cái lễ. Cái nghe. Cái tri. Cái thức, đều nhờ Thầy chỉ dạy. Cái đúng. Cái sai đạo nghĩa Thầy trò. Do vậy, là người đệ tử phải nhớ ơn Thầy mà chăm lo báo đáp. Ân ấy. Đức ấy ngàn đời không quên.

- Thủ ân thứ tư là đàn na tín thí. Quốc gia thủy tổ. Pháp giới chúng sinh, một bề chăm sóc. Cơm ăn. Áo mặc một lòng cung cấp. Thuốc men giường chiếu hết lòng hiến dâng. Nhớ ơn để đền ơn, Ôn này nặng lắm. Thọ nhận suốt đời, biết đâu mà tính. Tính sao cho hết để khỏi nợ vay. Không khéo mang nợ. Nhắc nhở mà tu. Nguyên xin hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh được tròn đầy phước lạc.

*Mẹ đi nhờ mạ ngoài đồng
Cây vào thửa ruộng đơm bông trĩu đầy
Bát cơm bốc khói chiều nay
Công lao của Mẹ cấy, cấy của Cha
Hoa bưởi nở trắng phau trước ngõ
Khế trong vườn nở tím cả cây
Mùa nhãn chín đong đầy tình Mẹ
Mỗi chiều về kiu kịt đôi vai.*

*Cha là một Mẹ là hai tình thương nuôi lớn
Vườn cải khóm gừng Mẹ vun quén cả đôi tay
Để mỗi chiều về Mẹ đong đầy đôi thúng nhỏ
Là biển tình yêu Mẹ Chan chứa phút giây này.*

Nhang đã cháy hết, lụn tàn. Nhìn lên bàn Phật, trái cây, bông hoa còn đủ. Đủ như lòng mình thủ ân khuya nay. Mình có mặt nơi đây. Con người cũng có mặt nơi đây. Vạn vật cũng có mặt nơi đây.

*Vách đá dựng rêu phong loang lỗ
Con sâu bò tìm chỗ ẩn thân
Mưa dỗi tây rồi lại gió đông
Con sâu vách đá trắng ngần non mây.*

*Nhà thiền vắng sư già ngồi đun nước
Tiếng lửa reo tí tách tự thuở nào
Cứ như thế ngày này qua năm nọ
Sư vui niềm hạnh phúc có từ bao.*

(trích Triết Lý và Thi Ca, Nguyễn Siêu)



BA THỜI CHUYỂN PHÁP

Thích Nữ Trí Hải

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn
Nay con đem tâm phàm phu suy diễn thánh pháp
Là nhờ những bậc tiền bối đã khai triển Pháp này
Xin Ngài gia bị cho tâm phàm phu chuyển thành thánh trí.

Buổi nói chuyện hôm nay sẽ xoay quanh ba điểm trụ chốt là **Dục thoát trí**, **Bồ đề tâm** và **Chánh kiến**, tương đương trọng tâm của ba thời Phật chuyển Pháp luân Tứ đế. Thông thường, ta nói Tứ đế là pháp tu Thanh văn, 12 nhân duyên là pháp tu Duyên giác, và Lục độ vạn hạnh là pháp tu của Bồ Tát. Nhưng xét lại, thì 12 nhân duyên thuận quán là Khổ và Tập đế, nhân quả trong vòng lưu chuyển: nghịch quán là Diệt đế và Đạo đế, nhân quả xuất thế gian, 12 nhân duyên như vậy chỉ là diễn rộng lý Tứ đế, còn Lục độ vạn hạnh chính là Đạo đế trong Tứ đế. Tứ diệu đế do đó là giáo lý bao trùm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Muốn thoát ly những khổ vật vãnh trong đời sống thường ngày, muốn sống một đời thoải mái an lạc, muốn hưởng hạnh phúc dài lâu trong các cõi trời cõi người, muốn đạt giải thoát như những bậc thánh Thanh văn Duyên giác, hay muốn đạt giác ngộ Vô thượng Bồ đề như Phật, đều không thể ra ngoài Tứ diệu đế.

Đức Phật đã giảng Tứ diệu đế ba lần, gọi là Tam chuyển Pháp luân, mỗi lần độ một hạng người khác nhau từ cạn đến sâu. Trọng tâm của lần chuyển Pháp đầu tiên là chỉ rõ đâu là Khổ thật sự, gọi là Thị chuyển. Có biết đúng về khổ mới mong diệt khổ bằng cách diệt cái nhân thật sự của khổ để được an lạc lâu dài. Cũng như trong việc trị bệnh, cần định rõ căn bệnh (khổ) để tìm nguyên nhân thật gây bệnh mới mong chữa khỏi bệnh (diệt) bằng phương pháp trị liệu đúng cách (đạo) để diệt tận gốc mầm bệnh. Nếu chẩn bệnh không đúng (không thấy đâu là khổ thật sự) rồi chỉ cho những liều thuốc để dứt triệu chứng như gập nhức đầu cho ngay thuốc giảm đau, sốt cao cho uống thuốc hạ nhiệt, thì chẳng những không chữa được bệnh mà còn khóa lấp những dấu hiệu báo nguy cần thiết của cơ thể, và làm cho bệnh thêm trầm trọng. Ngược lại, nếu biết đúng bệnh, tìm ra nguyên nhân bệnh, thì có thể chữa bệnh dễ dàng bằng cách diệt trừ tận gốc rễ những nguyên nhân

gây bệnh. (Cái kiểu chữa bệnh bằng cách dứt trừ triệu chứng là cách làm thông thường của chúng ta từ thân bệnh đến tâm bệnh. Thân bệnh có các loại thuốc giảm đau an thần. Tâm bệnh thì giảm đau bằng đủ loại giải trí từ hạ liệt tới thanh cao, bằng cách sưu tập thêm tài sản, kiến thức... để tổ

bồi bản ngã, rồi cực khổ càng trầm trọng khó gỡ, vì triệu chứng đã bị khuất lấp. Ví dụ, người ta muốn làm ngơ, khuất lấp những triệu chứng già chết bằng cách đi đến các mỹ viện sửa lại bộ mặt, nhuộm tóc, nhổ răng, lột da, xé cằm, chống mũi... nhưng rốt cuộc già vẫn già, bệnh vẫn bệnh, chết vẫn chết.)

Đức Bổn sư chúng ta, lúc còn là thái tử sống trong lầu son gác tía, đã thấy đâu là cái khổ chân thật, căn đế của con người: đó là già,

bệnh và chết, mà không ai tránh thoát từ bậc vua chúa cho đến kẻ cùng đinh. Vì cảm thụ một cách sâu xa nỗi khổ sinh tử của mình, Ngài đã từ bỏ cung điện ra đi tìm phương thoát khổ: đó là **Dục thoát trí**. Thông thường, con người chỉ mong mỏi thoát ly khi gặp cảnh khổ thật sự như cha mẹ chết (thân suy), làm ăn thua lỗ (tài suy), sức khỏe yếu kém, nhiều bệnh, không thể sống ở đời (bệnh suy). Hoặc sau một thời gian hưởng thụ cuộc sống vật chất đã chán chê, đến tuổi già mới cảm thấy cô độc khổ nhọc cần nơi nương náu (lão suy). Ngược lại, thái tử đã ra đi trong lúc tuổi còn thanh xuân tóc đen nhánh, sức sống dạt dào, giai đoạn tươi đẹp nhất của một đời người, chính vì ngài đã thấy rõ cái khổ căn đế già, bệnh và chết đang chực sẵn bên mọi đời sống, mọi lứa tuổi. Nhờ thấy rõ như thế, Ngài đã từ bỏ ba kiêu mạn ngăn cản sự tu tập là kiêu mạn về tuổi trẻ (tưởng mình trẻ mãi), kiêu mạn về sức khỏe (tưởng mình không bao giờ bệnh), và kiêu mạn về sự sống (tưởng mình sống lâu). Chính ba kiêu mạn ấy đã khiến người ta đắm say cuộc đời và không chán hưởng thụ các dục lạc. Thái tử trái lại, đã lợi dụng chính tuổi trẻ, sức khỏe và sự sống của mình để lập chí nguyện vĩ đại, vào rừng tu tập đủ mọi thứ khổ hạnh trong sáu năm ròng. Thời gian ấy là thời gian ngài đi tìm nguyên nhân của khổ để diệt trừ nguyên nhân ấy. Lúc đầu Ngài theo học các nhà khổ hạnh ngoại đạo. Đối với họ, cần phải hành thân hoại thể càng nhiều càng tốt, vì thân xác này chính là nguồn gốc mọi tội lỗi đau khổ với con người. Thái tử đã theo lối thực hành của họ, và



còn vượt xa hơn họ về khả năng chịu đựng của thân xác. Nhưng đến khi thấy rõ khổ hạnh chỉ làm mòn thân xác mà không đem lại trí tuệ, không nhờ đây mà thấy được nguyên nhân Khổ, thì Ngài đã can đảm từ bỏ khổ hạnh. Đối với Ngài, khổ hạnh chỉ là phương tiện để đạt đến trí tuệ. Khi thấy phương tiện ấy không đúng và không cần thiết, thì Ngài không ngần ngại vứt bỏ để tìm phương tiện khác. Trong khi tu tập, không thiếu gì những nhà khổ hạnh xem khổ hạnh tự nó đã là cứu cánh, họ biến năng lực chịu đựng của mình thành một sở đắc để khoa trương, để thu thập tín đồ. Khổ hạnh của họ khi ấy trở thành một chương ngại cho giải thoát mà Phật gọi là giới cấm thủ: ôm giữ những khổ hạnh không cần thiết, không đưa đến đâu.



Khi thân xác đã kiệt sức Ngài vẫn không tìm thấy đâu là chân lý thoát khổ, thái tử mới vỡ lẽ rằng thân không phải là nguồn tội, không phải là chánh phạm gây ra tội lỗi nhiễm ô, mà chỉ là tòng phạm, hay đúng hơn, chỉ là dụng cụ dùng để gây nên tội lỗi đưa đến sinh tử luân hồi. Chẳng những thân xác không phải là chánh phạm, mà nó còn là một cỗ xe tốt để đưa ta đến an lạc giải thoát nếu biết sử dụng đúng. Bởi thế, không có lý gì để phá vỡ dụng cụ ấy. Thái tử bèn ăn uống trở lại để phục hồi sức khỏe và sau 49 ngày nhập định, thiên quán, Ngài đã tìm ra móc xích 12 nhân duyên gây nên sự lưu chuyển của chúng sinh trong vòng sinh tử luân hồi. Sau này, khi thuyết pháp, Ngài thường dạy các đệ tử rằng thân vốn không tội, hoàn cảnh bên ngoài cũng vô can, nhưng khi tâm đắm mê chấp thủ có mặt thì thân và cảnh ngoài như bị cột chung lại với nhau không thể rời. Ví như một cái ách buộc hai con bò đen trắng lại với nhau, bò đen không phải là cái trói buộc bò trắng, bò trắng không phải là cái trói buộc bò đen, nhưng cả hai đều bị ràng buộc chung bởi cái ách. Thân như con bò trắng, cảnh như con bò đen, hai thứ vốn không can dự nhau, nhưng khi tâm tham ái có mặt, thì tâm này trở thành cái ách khổ trói buộc thân vào với cảnh. Người vô tâm vô ý sắc đẹp tiếng hay thì dù có thấy sắc nghe tiếng cũng không sao. Như vậy, tội là do tâm, không phải do thân. "Khi bò không chịu kéo xe thì nên đánh cái xe hay đánh con bò?" Phật đã hỏi một đệ tử để chỉ cho thấy chính cái tâm tham ái chấp thủ mới là nguyên nhân, nguồn gốc của đau khổ. Đây gọi là Tập đế.

Khi thiên định dưới cội bồ đề, thái tử đã quán sát như sau: Thật sự thân này bị cái khổ già chết đang nung nấu. Do đâu có già chết? Chính vì thân này có sinh ra. Do đâu mà có thân này sinh ra? Chính do cái khuynh hướng muốn có mặt trên đời, muốn hiện hữu (hữu). Do đâu có khuynh hướng ấy? Do sự bám víu (thủ) và ái luyện bản ngã (ngã). Trong Đạo đức kinh, Lão tử cũng nói: "*Ta có tai nạn lớn, do có ra thân xác này. Nếu không có thân, thì đâu có tai họa. Nhưng muốn không thân, thì cần phải vô tâm.*" Như thế, Lão tử cũng công nhận tâm là nguồn gốc mọi tai họa của thân. Và vì thân không phải là nguyên nhân chính yếu gây tai họa, cho nên trường phái thân xác này hay diệt nó đi bằng cách tự sát chẳng hạn, chưa phải

là cách giải quyết ổn thỏa, khi tâm (ái và thủ) chưa diệt.

Làm thế nào để diệt ái và thủ? Phải nhìn kỹ lại để thấy rõ những đối tượng làm cho ta ái thủ, và chính cái ta chủ thể sự ái thủ, đều vô thường, duyên sinh nên không thực chất, trống rỗng như bọt nước, như tiếng vang, như vật mượn, như ảo tưởng năng quán đèn loà. Thấy được thực chất trống rỗng của mọi sự thì hết chấp thủ, tức là giải thoát. Lấy ví dụ một người đang si mê một người khác. Trong khi si mê, người ấy chỉ thấy toàn nét đẹp sự dễ mến nơi người kia, mà không thấy những vẻ xấu và lỗi lầm của họ. Người ấy đau khổ tưởng chừng có thể chết được nếu không được

sống chung với kẻ ấy. Nhưng khi tâm si mê ấy thay đổi, và đối tượng si mê cũng đổi thay, thì người kia mới thấy rõ những tật xấu, những nét khó ưa nơi người nọ và thoát khỏi sự bám víu. Lòng ái luyện đối với tự ngã của mình cũng thế, hoàn toàn vô căn cứ, vì tự ngã luôn luôn thay đổi, từ thân đến tâm. Thân như cái phòng trọ, tâm như người khách trọ, không có gì trường cửu. Thấy được như thế sẽ lìa được lòng cố chấp ái luyện đối với tự ngã.

Như thế cái khổ sinh tử có thể giải quyết tận gốc bằng cách giải quyết cái tâm tham ái, và sở dĩ có tham ái là do lỗi nhìn sai lạc xem mọi sự là thực có, bản ngã là thực có. Lỗi nhìn sai lạc đó gọi là vô minh.

Lần chuyển pháp Tứ đế đầu tiên do vậy, đặt trọng tâm ở Khổ đế và Tập đế. Nói về Khổ, cũng có mức độ cạn sâu. Mới đầu ta tưởng như già, bệnh, chết là khổ, vì Phật đã do thấy già bệnh chết mà tìm cách thoát ly tìm phương cứu khổ. Nhưng sau sáu năm khổ hạnh, Ngài đã tìm ra cái khổ vô hình vô tướng nhưng sâu sắc hơn nhiều, đó là vô minh, cái vô minh làm cho ta bám víu, ái luyện thân xác, muốn có mặt mãi trên đời, muốn sống hoài không chết, trẻ mãi không già. Thật vậy, vì có vô minh, mới có sầu bi khổ ưu não trước cảnh già chết, mất mát người thân, gặp gỡ kẻ thù. Nếu không có vô minh, thì sanh già bệnh chết chỉ như bốn mùa luân chuyển trong thiên nhiên, vô thường là sự thường. Không có sự phân biệt của vô minh, thì thân thù bình đẳng, thấy mọi thuận nghịch đều có mặt trái của nó, như vậy còn đâu là đau khổ? (Ví dụ, biết tu thì gặp danh lợi vẫn tự tri, tiết dục nên không xảy ra tai họa, gặp nghịch cảnh thì sử dụng nó để rèn luyện thân tâm. Không biết tu, thì nghịch cảnh làm cho ta khốn đốn, mà thuận cảnh lại càng nguy hiểm hơn.)

Trọng tâm của Tập đế do vậy là vô minh căn bản đưa đến ái và thủ, từ ái thủ tạo đủ thứ nghiệp hữu lậu nuôi dưỡng vô minh cho thêm béo mập ngày càng khó thoát, gọi là nhuận sanh vô minh. Nguyên nhân của khổ hóa ra nằm ngay trong tâm, không phải ở ngoài. Khi khám phá ra điều này, Phật đã hoan hỉ thốt lên, "*Ta đã tìm ra kẻ làm nhà, từ nay nó không còn làm nhà được nữa*", ám chỉ chính cái tâm tạo ra thân xác, vậy muốn chấm dứt sinh tử luân hồi, thì phải nhắm ngay tâm mà hạ thủ. Như thế là Ngài đã tìm ra một lối thoát Khổ, vì đã tìm ra nguyên nhân của khổ và tuyên

bổ rằng khổ ấy có thể chấm dứt bằng cách chấm dứt cái nhân gây khổ ở ngay trong ta, chứ không do một tác nhân nào bên ngoài như thần linh hay thượng đế, cũng không phải do hên xui may rủi như cầu trong truyện Kiều:

*"Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao."*

Sự quan trọng của khám phá này là nó đánh tan quan niệm sai lầm cho rằng đạo Phật bi quan yếm thế vì nói đời là khổ, và khổ là do cái nghiệp nó bắt phải ghiền thứ nọ thứ kia cho tới chết, không dứt ra được dù biết có hại. Nhưng do đâu mà có nghiệp, nếu không phải do tâm? Một đứa trẻ sơ sinh không thể ghiền rượu ngay, ghiền thuốc, ghiền trà ngay, có khuynh hướng trộm cắp ngay, mà do tâm yếu đuối, thiếu giáo dục tốt, khi gặp hoàn cảnh, những thói xấu ấy mới phát sinh và tăng trưởng. Tu là chuyển những thói quen xấu thường gọi là "cái nghiệp" ấy chứ không phải khuất thần theo nó. (Thực ra, nghiệp là chỉ chung cho tất cả hành động có ý thức lúc đầu, và dần dần trở thành thói quen máy móc. Như vậy nghiệp có thể lành hay dữ, và có thể thay đổi nhờ ý chí muốn chuyển nghiệp nơi ta). Nếu thói quen đã ăn sâu gốc rễ, thì cần thời gian dài lâu để gột tẩy, do vậy mà có danh từ a tăng kỳ kiếp. Khi một bác sĩ bảo con bệnh rằng, "bệnh anh chắc chắn chết, vì khoa học chưa tìm ra con vi trùng gây bệnh" thì quả là ác độc, chẳng thà đừng nói, cứ để con bệnh sống trong hy vọng còn hơn. Nhưng đức Phật thì không thế. Ngài đã tìm ra nguyên nhân khổ, và tuyên bố có thể diệt nguyên nhân ấy, vì nó tùy thuộc nơi chính ta. Do lời tuyên bố này, ta có thể nói đạo Phật là đạo giành lại cho con người toàn quyền tự do tự chủ, và khi đã tự do tự chủ, thì ta phải can đảm nhận lấy trách nhiệm về cuộc sinh tử của mình, chứ không được đổ thừa cho bất cứ một ai, kể cả cái nghiệp, giống như kiểu các bộm nhậu thường nói: Tại rượu nó làm say tôi, chứ tôi đâu có muốn rượu!

Khi thái tử tìm đến ngọn ngành của vô minh, Ngài đã đạt Niết Bàn ngay tại chỗ, giác ngộ, thành Phật. Với lòng đại bi thúc đẩy, Ngài tìm cách giúp đỡ chúng sinh đang bị ngụp lặn trong biển trầm luân do ái thủ gây nên. Với Phật nhãn, Ngài lấy làm lạ lòng khi thấy chúng sinh đều đầy đủ Phật tính, nghĩa là khả năng giác ngộ như Ngài, song lại cam chịu khổ đau một cách oan uổng chỉ vì cái thấy điên đảo: vô thường thấy thường, khổ thấy vui, vô ngã thấy có ngã, bất tịnh thấy tịnh. Chính lòng thương rộng lớn đã thúc đẩy Ngài từ bỏ sự an lạc của Niết Bàn để ra đi lang thang hành đạo, giáo hóa mọi người suốt 49 năm, chỉ cho chúng sinh thấy đâu là nguồn gốc khổ chân thực, đâu là con đường đúng phải theo để giải thoát thực sự.

Bồ đề tâm do vậy là trọng tâm của sự thuyết pháp Tứ đế lần thứ hai. Thật vậy, thấy khổ, thấy nguyên nhân khổ để diệt khổ bằng cách trừ nhân, thế là giải thoát, đạt niết bàn, giải quyết xong việc sinh tử của riêng mình. Nhưng như vậy, hành giả chỉ mới đạt một thứ niết bàn còn hạn hẹp vì còn có biên giới ngăn cách với sanh tử. Cần phải đi xa hơn để thấy rằng sinh tử và niết bàn vốn không hai, chúng sinh vốn là Phật, phiền não vốn là bồ đề. Nhờ thấy như vậy, Phật đã không từ bỏ chúng sinh sau khi đạt giác ngộ, mà sẵn sàng ra giáo hóa khi nghe Phạm thiên cầu thỉnh:

"Hỡi đấng biến nhãn không sâu muội,

*Hỡi bậc anh hùng, hãy đứng lên!
Hỡi bậc chiến thắng chiến trường,
Vị trưởng đoàn lữ khách,
Đặng thoát ly nợ nần!
Xin Ngài hãy du hành khắp thế gian
Mở cửa niết bàn bất tử
Cho chúng sanh được nghe Pháp
Mà Ngài, Bậc thánh vô uế,
Đã chân chánh giác ngộ.
Chúng sinh nhờ nghe Pháp của Ngài
Sẽ được thâm hiểu diệu nghĩa."*

Sự cầu thỉnh của Phạm thiên chỉ là một duyên cơ để cho Phật thực hiện một bồ đề tâm sẵn có, chứ không phải là nguyên nhân chính khiến Ngài ra thuyết pháp độ sanh. Nếu không phát Bồ đề tâm ra giáo hóa, thì dù Phạm thiên cầu thỉnh, Ngài cũng cứ nhập niết bàn cho khỏe, như các bậc La hán thường nhập diệt bảy ngày sau khi chứng đạo, và thốt lời tuyên bố: "Sanh đã tận, phàm hạnh đã thành, việc làm đã xong, sau đời này không còn đời nào nữa." Bồ đề tâm như vậy là đại trí cộng với đại bi, là tâm tự giác thánh trí và phát đại nguyện giáo hóa kẻ khác cho đạt giác ngộ như mình.

Trọng tâm lần thuyết tứ đế sau rốt là **Chánh kiến**: thấy đúng. Thấy đúng có nghĩa là thấy rõ mọi sự, từ pháp phàm như năm uẩn sáu căn cho chí pháp thánh như niết bàn giải thoát, đều không thực chất, đều là giả danh, tạm gọi. Tất cả đều "phi": phi sắc phi không, phi hữu phi vô. Nhờ thấy tuổi trẻ, vinh hoa phú quý không thực, thái tử mới từ bỏ được những thứ ấy vào lúc thanh xuân. Nhờ thấy khổ hạnh không thực, vô ích, Ngài đã từ bỏ khổ hạnh. Nhờ thấy niết bàn không thực, Ngài đã từ bỏ niết bàn để đạt đến niết bàn tuyệt đối không còn biên giới ngăn cách với sanh tử như niết bàn Thanh văn Duyên giác. Niết bàn của Phật được gọi là niết bàn vô trụ xứ: Ở ngay trong dòng sinh diệt mà Ngài vẫn luôn luôn tịch diệt niết bàn vì Ngài đã đạt đến chỗ Trung đạo thấy chúng sanh và Phật không hai. Là chúng sinh thì cũng không có Phật. Không có học trò, thì danh từ ông thầy cũng không có. Không có phiền não, lấy đâu để chứng bồ đề. Bởi thế, tu hành không phải là dẹp chúng sinh để tìm ông Phật, dẹp bóng tối để tìm ánh sáng, mà chính là chuyển mê thành ngộ, chuyển phiền não thành bồ đề, chuyển chúng sinh thành Phật, bằng cách thấp lên ánh sáng trí huệ hay chánh kiến. Như khi đưa ngọn đèn vào nhà tối, thì bóng tối tức khắc chuyển thành ánh sáng. Tổ Huệ Năng nói: "Nhà phiền não tối tăm, thường nên sanh tuệ nhật." (Trong cái nhà đầy phiền não tối tăm này, tức là thân tâm chúng ta, hãy thường phát sinh mặt trời trí tuệ).

Tóm lại, tu theo giáo lý Tứ đế, ta có ba kết quả tùy mức độ cạn sâu: ít nhất cũng sống được một đời an lạc hạnh phúc ngay trong hiện tại, tu cao hơn chứng từ quả Dự lưu trở lên thì khỏi sa đọa vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và cao hơn nữa thì thoát ly sinh tử luân hồi, thành bậc A la hán lậu tận. Nếu phát Bồ đề tâm thì còn thành Bồ Tát. Nhưng tất cả các tầng bậc tu hành ấy đều cần Chánh kiến, nghĩa là thấy rõ thực chất của mọi sự từ phàm đến thánh đều là giả danh, vô tự tính. Và Chánh kiến chính là mối đầu của con đường tám chánh thuộc Đạo để trong Tứ diệu đế vậy.

Ngũ ngôn tứ cú “Thập Nhị Nhân Duyên”

1. VÔ MINH

“Đêm mịt mù mộng寐
Rắn trườn giỡn dây thừng
Hồ tanh tao động dậy
Sen lòng nào nở bung?”

2. HÀNH

“Nhịp nhàng gieo tung tác
Đời nàng quyến đời tôi
Duyên tưng bừng thiện ác
Khóc cười đậm dòng trôi...”

3. THỨC

“Mập mờ rung sinh diệt
Tối sáng rọi nhân duyên
Hoa tàn ôm bình đẹp
Yên bình bóng chao nghiêng.”

4. DANH SẮC

“Hình hài phơi sương gió
Tâm ý rộn ràng chơi
Tìm đây không đó có
Quay về phút thành thời.”

5. LỤC NHẬP

“Mắt môi hiền xa vắng
Tiếng gõ rền ý tâm
Nắng mưa hăm ngọt đắng
Bật dứt nổi thăng trầm.”

6. XÚC

“Nhúng chàm gieo duyên nợ
Vấp ngã cười đứng lên
Dùi khua vành chuông sớm
Chào mộng寐 lạ quen.”

7. THỌ

“Buồn vui xuôi con nước
Sướng khổ dạt bèo trôi
Lửa diêm soi mộng ước
Nhịp tim đập tới bời.”

8. ÁI

“Hôm qua còn buồn ghét
Sớm nay cười mà thương
Lưng trời động tiếng sét
Oán xưa tan trên đường...”

9. THỦ

“Có nhau mộng thêm mộng
Tình ngỡ mất vẫn còn
Rủ nhau ngời tri vọng
Đêm thiền vạn pháp không.”

10. HỮU

“Ôm vuốt dây duyên nợ
Hợp lấy những lạc an
Chết là gì phải sợ?
Ngón nở hoa bên đàn.”

11. SINH

“Sớm mai còn hơi thở
Gửi nhẹ đùa làn sương
Dòng trôi đang trăn trở
Tim còn động yêu thương.”

12. LÃO TỬ

“Lá buồn xanh héo ứa
Vàng vọt ngày nắng chan
Rơi vào đêm đen đúa
Nghe một hồi chuông vang...”

thơ TÂM KHÔNG VĨNH HỮU



CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: “Religion and Society” by S. RADHANKRISHNAN

HT. Thích Quảng Độ dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(tiếp theo kỳ trước)

IX. XÃ HỘI LÝ TƯỞNG

Cái lý tưởng mà chúng ta theo đuổi phải tốt đẹp hơn cái tình trạng hiện tại, nhưng không xa vời với những điều kiện sống của con người. Thế giới không thể một sớm một chiều phục tòng luật yêu thương được. Chúng ta bảo rằng kẻ thù của ta chiến đấu để thống trị, và chúng ta chiến đấu để giải phóng, một thời đại mới. Chúng ta chiến đấu không chỉ để giải phóng thế giới khỏi ách thống trị của Đức Quốc Xã, nhưng còn để tạo nên những điều kiện thuận hảo trong đó các dân tộc khác nhau vẫn bảo tồn được đặc chất và đóng góp tùy theo khả năng của họ. Chiến tranh là kết quả của những thói quen suy tư và chế độ bóc lột mà chúng ta đã theo đuổi trong suốt mấy thế kỷ này. Hitler là một hậu quả, một trưng chứng, chứ không phải là nguyên nhân. Ông ta không phải là tình cờ, mà là một kết quả tự nhiên, không tránh khỏi, của nền trật tự hiện tại. Muốn tránh chủ nghĩa Hitler, chúng ta phải quả quyết rằng, tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da hay tín ngưỡng, phải có một cơ hội đồng đều để làm việc và sinh sống, rằng giáo dục, tài sản, nhà ở và các quyền tự do dân chủ phải được đảm bảo đồng đều cho tất cả. Những mâu thuẫn trắng trợn của một nền kinh tế bắt buộc phải thiếu hụt thực phẩm trong khi dân chúng nhìn đói [1], và những xa xỉ bên cạnh đói rách, thiếu thốn, phải được san bằng. Thống trị là sản phẩm của sự bất an. Nếu không có người mạnh áp bức kẻ yếu thì sẽ chẳng có bạo lực.

Bất luận là vì nguyên nhân gì, tín ngưỡng, tâm lý, kinh tế, hay tổ chức, chỉ có áp lực vào các chính phủ mới có thể ngăn cản họ khỏi đánh nhau. Các đoàn thể không chính thức không thể hành động chống lại chính phủ trong những giờ phút khủng hoảng vì như thế có nghĩa là phản loạn. Chúng ta phải thiết lập những định chế nhờ đó chúng ta có thể phát triển các thói quen hòa bình và lương hảo.

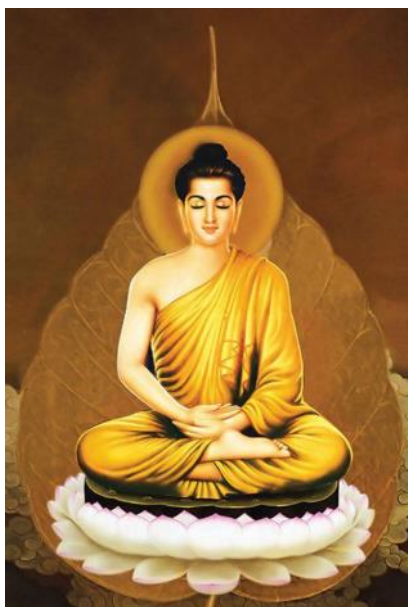
Những kẻ tham chiến không là tội phạm mà chính là những kẻ nuôi dưỡng những khổ đau thật sự. Họ đáp lại những bất công của ta bằng những

bất công bạo lực của chính họ. Chúng ta đừng tức giận và phải thừa nhận là có một cái gì sai lầm từ gốc rễ trong thế giới hiện tại. Chúng ta phải hoàn thành một cách ôn hòa sự cải biến xã hội mà mục đích của nó là công bằng cho cá nhân cũng như quốc gia.

Chúng ta phải tạo nên những thói quen, hệ thống luật pháp, tự do và hòa bình để thay cho sự cưỡng bách của nhà nước. Đối với những kẻ trộm cướp giết người không tôn trọng luật pháp, hay sự xâm lược bừa bãi đối với một nước láng giềng hiếu hòa, chúng ta có quyền sử dụng bạo lực. Súng và “dùi cui” không phải là những thứ đẹp mắt lắm, nhưng chúng còn tốt hơn là sự hỗn loạn, vô trật tự và tự do đột nhà cướp của. Trên nguyên tắc, chúng ta chống lại sự dùng đến bạo lực để “đẹp” rồi loạn chỉ có nghĩa là chúng ta ân hận đã dùng đến nó, đó là điều cần thiết rất đáng tiếc. Vì, nếu ta để cho xâm lược tự do hoành hành, không bị chặn đứng, thì như thế chúng ta đã làm tăng thêm mức độ tội ác. Nhiệm vụ của nhà nước là phải ngăn chặn sự dùng vũ lực một cách bừa bãi. Ta đừng bao giờ sử dụng quá cái mức độ cần thiết, nếu không thì bạo lực vô luật pháp lại thay đổi chỗ của hỗn loạn. Đời sống quốc gia gồm những cuộc tranh chấp

riêng tư cũng như đời sống quốc tế hiện nay. Trật tự và tự do trong đời sống quốc gia được bảo đảm bằng nền giáo dục và việc ứng dụng vũ lực một cách hợp pháp.

Một phương pháp tương tự cũng sẽ được áp dụng cho những vấn đề quốc tế. Trong bất cứ một xã hội khuyết điểm nào cũng phải có luật pháp được vũ lực yểm trợ để khiến cho đa số người lương thiện có thể sống chung giữa một thiểu số bất lương. Lý tưởng mà tay không thì không thể khắc phục được tội ác. Pascal nói: “Công lý không có vũ lực sẽ bất lực” [2]. Chúng ta như những con tàu chỉ cần điều hòa một chút với gió và thời tiết là sẽ đến bến. Sự nhiễu loạn quốc tế sản sinh ra những đế quốc nô lệ và Hitlers. Thay vào đó là một hệ thống bang giao quốc tế xây dựng trên nền tảng luật pháp, cộng tác và hòa bình. Nếu chúng ta hoạt động cho sự cộng tác hòa bình quốc tế thì những thế lực đế quốc phải tự lột bỏ những thuận lợi và đặc quyền về kinh tế mà họ đã chiếm được dưới một chế độ chính trị quyền lực.



Có người cho rằng ta có thể hạn chế các liên bang thì sẽ giảm thiểu được nguy cơ chiến tranh trong những khu vực địa dư nào đó. Nhưng điều đó không thể giải quyết được vấn đề bởi vì mỗi liên lạc của các quốc gia không được giới hạn theo địa dư. Mỗi bang giao liên bang là những bang giao quốc tế, và nếu không có một tổ chức hay chính phủ quốc tế thì không thể tiếp tục được. Hội Quốc Liên là một phần của phong trào vận động luật pháp căn cứ trên sự nhất trí và hợp tác. Nó là một cố gắng quyết định các mối bang giao quốc tế bằng những phương pháp bất bạo động như thảo luận, điều giải và luật pháp. Khế Ước của Liên Minh đã tiêu tan ở Mãn Châu, ở Ethiopia, ở Tây Ban Nha, ở Albania, ở Áo, chứ chưa nói gì đến những việc đã xảy ra ở Munich. Các cuộc hội nghị ngay từ lúc đầu đã nhút nhát không dám hành động, sợ xâm phạm đến chủ quyền quốc gia. Ý kiến trào lộng của vị "Thẩm phán niên trưởng của Tòa án quốc tế tại Hague" trong vở kịch Geneva của Bernard Shaw không phải hoàn toàn vô vị [3].



Trong bài nói chuyện trên đài phát thanh ngày 27/09/1939, ông Neville Chamberlain nói: *"Dù chúng ta có thiện cảm bao nhiêu đi nữa với một nước nhỏ đang chống trả một nước láng giềng lớn mạnh, chúng ta cũng không thể, dưới bất cứ hoàn cảnh nào, đưa cả Đế Quốc Anh vào vòng chiến chỉ vì một nước nhỏ đó. Nếu chúng ta phải chiến đấu thì đó phải là những vấn đề trọng đại hơn."* *"Tôi tin rằng bất cứ quốc gia nào quyết định không chế hoàn toàn chỉ vì sợ sức mạnh của nó thì chúng ta phải cương quyết chống trả"*. Đây không phải là giáo điều của bản khế ước mà là chính sách cũ kỹ về cân cân lực lượng. Anh quốc sẽ không tham chiến để cứu nước Bỉ hay Tiệp Khắc, chỉ có sự ngăn chặn của một kẻ láng giềng hùng mạnh, dù kẻ ấy là Hitler, là Kaiser, hay Napoleon, mới có đủ để biện minh cho chiến tranh. Những mục tiêu riêng của quốc gia quan trọng hơn công pháp quốc tế. Harold Nicolson vạch ra rằng Anh quốc tham chiến vì một *"Bản năng sinh vật kiện khang, bản năng tự tồn"*. Liên Minh thất bại vì những kẻ gia nhập đã không chịu từ bỏ những quyền lợi mà họ đã chiếm đoạt được bằng bạo lực. Người ta dùng Liên Minh để củng cố một nền trật tự bất công và, như vậy, nó cũng lại tôn thờ cái trò chơi cũ kỹ của quyền lực chính trị. Quyền lực vô tư của các quốc gia còn khó đạt được hơn tính vị tha của cá nhân. Nếu Liên Minh muốn hoạt động một cách đúng đắn thì nó phải có những cơ quan thường trực, cơ quan nào sẽ làm ra luật pháp để quy định các mối bang giao giữa các nước, và cơ quan nào sẽ giải quyết các cuộc tranh chấp đúng theo những luật lệ ấy. Cơ quan sau này có thể được cho thêm quyền hạn để thực hiện những sự thay đổi căn bản về các mối bang giao quốc tế. Bất cứ một Liên Minh nào cũng phải có một cơ quan lập pháp (quốc hội liên minh), tư pháp và hành pháp, vì không có một quốc gia nào có thể tự là quan tòa thượng, phạt chính mình. Chúng ta đã có một hệ thống luật pháp chí công vô tư được vũ lực

yểm trợ để ngăn chặn sự xâm phạm của các cá nhân, cũng thế, chúng ta cần phải có một lực lượng cảnh sát quốc tế. Nếu một quốc gia vi phạm luật pháp của các quốc gia và ý vào vũ lực thì luật pháp phải được vũ lực quốc tế yểm trợ, các quốc gia xâm phạm phải được đưa ra trước Tòa Án Liên Minh. Trong hoàn cảnh hiện tại, người ta không thể phản đối nỗ lực của Liên Minh dùng chiến tranh để ngăn chặn chiến tranh, nếu thế thì trong những điều kiện hiện hữu người ta cũng có thể hoàn toàn từ bỏ vũ lực. Trong những mối liên hệ của con người, sự lựa chọn không phải là giữa tốt và xấu, mà là giữa cái xấu và cái xấu hơn. Sự sử dụng vũ lực một cách bừa bãi của các quốc gia hiển nhiên là tồi tệ hơn sự dùng vũ lực có quy định của cộng đồng quốc tế. Chúng ta không thể xuất tiền luật lệ và sự hợp tác trừ phi quyền hành của các quốc gia cộng đồng được áp dụng để duy trì luật pháp chống vào những kẻ ý vào bạo lực. Bất bạo động có thể không đạt được nếu chúng ta muốn ngay tức khắc, nhưng ta có thể đi lần tới đó bằng giai đoạn.

Các quốc gia ngày nay chưa có được thái độ coi hành động chiến tranh chống lại một người cũng như hành động chiến tranh chống lại tất cả. Các quốc gia đồng minh, ràng buộc bởi lý tưởng chung, có thể trong thời chiến tự tổ chức thành Liên Bang với một Quốc Hội trực tiếp do các dân tộc bầu ra, và sau thời chiến, các nước khác có thể được thu nhận. Một xã hội mới đang cựa mình để trỗi dậy và nền trật tự cũ đang tìm mọi cách để cản trở nó. Những người chiến đấu chống lại phe Trục đang đứng về phía Cách Mạng. Nếu chúng ta muốn mục đích tự do, dân chủ thì chúng ta cũng phải cần những phương tiện để đạt được nó. Không còn cách nào khác để đạt được một nền hòa bình vĩnh cửu.

[1] Sir John Orr khẳng định: *"Một phần ba dân số ở Anh quốc và khoản một số tương đương ở Hoa Kỳ, không có thức ăn, và nhà ở trên tiêu chuẩn cần cho sức khỏe. Tại phần lớn các quốc gia khác, con số dân chúng chưa bao giờ được đủ ăn, đủ mặc và đủ ở, còn cao hơn nữa. Trong số các bộ lạc thiếu số mà Anh quốc có trách nhiệm về hạnh phúc của họ, tương đối chỉ có một số nhỏ dân chúng có cơm ăn, có nhà ở đúng với mức mà sức khỏe đòi hỏi."* - Fighting for what? (Chiến đấu cho cái gì?), 1942.

[2] Cp. *"Công lý không có vũ lực thì bất lực. Vũ lực không có công lý thì là tàn bạo. Công lý không có vũ lực thì vô hiệu, bởi vì sẽ luôn luôn có tội phạm. Vũ lực không có công lý thì bị lên án. Công lý và vũ lực phải đi đôi với nhau để khiến cho cái mà công bằng sẽ mạnh và cái mà mạnh sẽ công bằng"* - Pensées.

[3] "Sir Orpheus Midlender: nhưng chắc chắn là một thủ tục như vậy chưa bao giờ được nghĩ đến khi các cường quốc gia nhập Liên Minh?"

Vị thẩm phán niên trưởng: Tôi không tin bất cứ một điều gì đã được trù hoạch khi các cường quốc gia nhập Liên Minh. Họ ký vào bản khế ước, mà không đọc qua, để buộc tổng thống Wilson. Hoa Kỳ lúc đó

không chịu ký vào bản kế ước, để dễ cho tổng thống Wilson, cũng không đọc nó. Từ đó trở đi các cường quốc hành động về mọi phương diện tựa hồ như Liên Minh đã chết rồi, trừ khi họ có thể dùng Liên Minh cho những mục đích riêng.
Sir Orpheus Midlender: nhưng họ có thể dùng nó bằng cách nào khác nữa không?
Thẩm phán niên trưởng: Họ có thể dùng nó để duy trì công lý và trật tự giữa các quốc gia” – p.40.

X. GIÁ TRỊ GIÁO DỤC

Nếu nền văn minh của chúng ta tiêu diệt thì đó sẽ không phải là vì ta không biết cách cứu chữa mà là vì ta chống lại cái phương cách cứu chữa, ngay cả khi mà con bệnh gần chết. Chúng ta không đủ năng lực đạo lý và quan niệm xã hội về những nguyên tắc của một xã hội hòa bình và trật tự mới. Mục đích của sự giáo dục không phải để thích ứng chúng ta với hoàn cảnh xã hội mà là để giúp ta chiến đấu chống lại tội ác để xây dựng một xã hội hoàn thiện hơn. Thế giới này không phải tiến hóa bằng dã man và đổ máu. Cuộc chiến tranh này không phải là một giai đoạn, không thể tránh trong cuộc chiến đấu cách mạng để đi đến một tương lai hạnh phúc. Chúng ta không phải hoàn toàn chịu sự chi phối của hoàn cảnh xã hội như quan điểm tiến hóa chủ trương. Đó là sự thật của con người được phản ánh trong sự thất bại của xã hội. Liên Minh thất bại là bởi vì thiếu ý chí phục vụ cho Liên Minh. Các cơ cấu chính trị không thể vượt qua những tình cảm và thói quen suy tư của những cá nhân công dân. Sự khôn ngoan về chính trị không thể có trước sự trưởng thành về xã hội. Sự tiến bộ xã hội không thể đạt được bằng những phương tiện bên ngoài, mà nó được quyết định bởi những kinh nghiệm nội tại của con người. Chúng ta phải hoạt động để thay đổi những giá trị và hồi phục tâm linh. Chúng ta tất cả đều nhìn chung lên vì sao, mơ ước dưới cùng một bầu trời, là những người đồng hành trên cùng một hành tinh, và bất luận chúng ta có đi theo những con đường nào để đạt đến chân lý chung cùng, điều đó không quan trọng gì cả. Không phải chỉ có một con đường dẫn đến một mục đích trong đời sống phức tạp này.

Những máy móc từ chiếc bánh xe kéo chỉ tới cái đầu máy đột ở bên trong là những máy móc có công dụng thuần túy xã hội. Chúng không có một giá trị đạo đức cố hữu nào. Chúng chỉ giá trị nếu chúng lệ thuộc vào những mục đích đạo đức cao hơn. Những phương tiện của sự tiến bộ tự chúng không phải là cứu kính. Thói quen hiểu lầm những giá trị bằng cách lệ thuộc vĩnh viễn vào tạm thời, căn bản vào ngẫu nhiên, lâu dài vào tạm bợ chỉ có thể được gọi sạch bằng sự giáo dục lành mạnh. Giáo dục là sự sinh trưởng liên tục của con người trong tâm linh, nó là con đường đưa đến thế giới nội tâm. Tất cả vẻ huy hoàng bên ngoài chỉ là sự phản ánh ánh sáng nội tâm. Giáo dục dự liệu sự lựa chọn và kiên trì với những giá trị cao tốt. Chúng ta phải hoạt động cho một cộng đồng ấy dựa trên lý tưởng của chúng ta. Nếu chúng ta là những người tiến bộ thì tính chất là nhân loại, nếu là bảo thủ thì nó là quốc gia, nếu là cộng sản thì nó là vô sản thế giới, nếu là Đức Quốc Xã thì nó là

chủng tộc. Quốc gia tự nó chưa phải là cứu kính chung cục. Còn có một cộng đồng rộng lớn hơn đòi hỏi sự trung thành sâu xa nhất của chúng ta.

Các nhà tư tưởng và văn học phải cần nhắc những mục đích cuối cùng của hoạt động chính trị. Qua họ xã hội ý thức được và phê phán những mục đích ấy. Họ là những người bảo vệ các giá trị của một xã hội. Công việc của họ là giáo dục chúng ta ý thức được bản ngã thật của xã hội, giúp ta bồi bổ tâm linh và làm cho tinh thần phong phú. Họ phải giúp chúng ta phát triển tình thân hữu và tình đồng loại giữa các dân tộc trên thế giới. Aristote nói: *"Không có tình thân hữu thì không có công bằng"*. Các nhà tư tưởng lớn coi nhân loại là đối tượng của tình thương yêu của họ. Thế giới đối với họ là một gia đình. Goethe cảm thấy không thể nào thù ghét được người Pháp. Ông đã viết cho Eckermann: *"Đối với tôi, một người yêu chuộng hòa bình và không thích chiến tranh, những bài ca như thế là sẽ là cái mặt nạ không vừa với tôi chút nào. Trong thi ca, tôi chưa bao giờ đối trả. Làm sao tôi có thể viết được những bản nhạc hận thù trong khi tôi không có niềm thù hận trong lòng. Và lại, giữa chúng ta, tôi không oán ghét người Pháp mặc dầu tôi sẽ cảm ơn Thượng Đế khi chúng ta loại trừ được họ. Với tôi, văn minh và dã man chỉ là hai cái bất đồng về sự quan trọng thì làm sao tôi có thể thù ghét một dân tộc vốn là một trong những dân tộc văn minh nhất thế giới mà phần lớn sự giáo dục của chính tôi cũng phải mang nợ? Nói một cách tổng quát, mỗi hận thù dân tộc là một điều kỳ dị. Nó luôn luôn mạnh nhất và bạo ngược nhất trong những tình đồ văn minh thấp nhất. Nhưng có một điểm mà ở đấy nó sẽ tiêu tan – nơi mà chúng ta vượt hẳn lên trên các quốc gia và cảm nhận niềm vui sống cũng như nỗi thống khổ của một dân tộc láng giềng tựa hồ cũng như của chính chúng ta"*. Thường thì chủ nghĩa ái quốc chỉ là thù hận được ngụy trang bằng những điều kiện có thể chấp nhận được, và hấp dẫn người dân thường bằng những bộ đồng phục, những huy chương và những bản thánh ca ngọt ngào. Tình yêu thế giới là lý tưởng cứu kính mà tình yêu quốc gia là những phương tiện để đạt đến cứu kính ấy.

Những kẻ thù của chúng ta cũng vẫn là nhân loại. Họ có cùng một phản ứng đối với hạnh phúc và khổ đau. Dưới làn da chúng ta là anh em, chị em. Chúng ta phải tìm lại sự an tĩnh và thanh thản, và cảm thấy bất an trong ngôi nhà điên của thế giới đang trở nên cuồng loạn và tàn bạo ngoài sức chịu đựng. Thế giới này phải được hướng dẫn bằng trí tuệ.

Những nhà trí thức không cần phải đóng vai trò tích cực trong chính trị hay trong một bộ mặt thật sự nào của guồng máy hành chính. Bốn phận đầu tiên của họ là phục vụ xã hội bằng sự thành thật và trí thức chính trực. Họ phải gây nên ý thức xã hội và ý thức trách nhiệm vượt lên trên giới hạn của cộng đồng chính trị. Những ai có thể phụng sự xã hội bằng đường lối ấy thì có bốn phận không tham gia chính trị. Và trong xã hội nào cũng có một thiểu số mà việc tham gia các hoạt động chính trị đối với họ sẽ là sự phản bội chính họ và bại hoại thiên tính. Đúng nguyên ở vị trí của họ, họ giữ được sự trung trực của thiên tính và giúp xã hội tẩy trừ phần nào sự ngu muội. Đúng ngoài vòng tranh chấp là điều kiện để họ

cố gắng. Họ phải phụng sự những giá trị xã hội và tâm linh, nhưng rủi ro là những chế độ công lợi đã lệ thuộc những hoạt động xã hội và trí thức vào những mục đích riêng của họ. Chính trị mới là chính trị tôn giáo, xây dựng trên ước vọng giải thoát xã hội. Những người cha tâm linh của chủ nghĩa công lợi là giai cấp trí thức. Nếu những người trí thức từ bỏ quyền lợi và văn hóa và những giá trị tâm linh thì chúng ta không thể đổ lỗi cho những nhà chính trị có trách nhiệm đối với sự an toàn của quốc gia. Nếu viên thuyền trưởng đặt sự an toàn của con tàu lên quyền lợi của hành khách thì ta không thể trách cứ ông ta. Quốc gia là một phương tiện, không phải là một cứu kính. Chỉ có một số ít người trên thế giới sống cho những giá trị tuyệt đối mà không màng cả sự sống. Những giá trị chính trị và kinh tế là tương đối và hỗ trợ. Chúng là phương tiện để đi đến cứu kính. Những nhà tiên tri giúp ta thấy cái không thể thấy, và chỉ cho ta thấy cái vĩnh viễn trong những hoàn cảnh của cuộc sống hiện tại. Họ không chú ý đến những giá trị của thế giới này, mà hiến đời mình cho sự thể hiện lẽ thiện. Họ nhìn thấy sự nhất trí và chỉ cho người khác thấy. Họ khơi dậy tính đồng loại trong chúng ta. Họ có tính can đảm, tinh thần nhã nhặn và nụ cười thanh thản.

Trước giờ từ giả cuộc đời, Thomas Naylor, trong di bút cuối cùng, nói: "Có một tinh thần mà tôi cảm thấy, đó là sự sung sướng không làm ác, cũng không trả thù, nhưng vui vẻ chịu đựng tất cả trong niềm hy vọng cuối cùng sẽ an úy tất cả. Hy vọng ấy vượt lên tất cả sự vui, buồn, thiện, ác. Nó thấy suốt tất cả mọi cám dỗ. Vì nó không dính dấp một chút tội ác nên trong tâm tưởng nó cũng không gây tội ác cho ai. Nếu nó bị phản bội, nó sẵn sàng gánh chịu... Nó sinh ra trong khổ đau và lớn lên không một tình thương, nhưng nó không phản nản, mà cũng không thốt lời oán trách trách sự thâm sâu và áp bức. Không bao giờ nó sung sướng nhưng luôn luôn đau khổ vì nó bị giết chết cùng với niềm hoan lạc của thế giới. Tôi thấy nó cô độc và bị bỏ rơi, tôi kết tình đồng loại với những người sống trong những chỗ hoang liêu và tăm tối".

HẾT



THU CA

*Đồng vàng rục rỡ hoa dương
Mùa lên như thể thiên đường em ơi
Sắc màu sáng cả đất trời
Phút giây tuyệt mỹ cõi người thiết tha*

*Này đây một dải giang hà
Năng trong sắc lá cùng là bướm bay
Gắm theo hoa kết đất dày
Ngân ngơ du tử hồn say địa đàng*

*Bao nhiêu lá đỏ trên ngàn
Xạc xào cuối phố bước bàn chân qua
Em về cho cúc nở hoa
Cho chim đi trú rời xa cội nguồn*

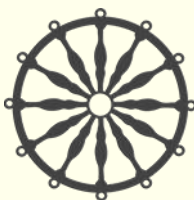
*Cho lòng lãng đãng thoáng buồn
Đến đi mây độ lối mòn phong sương
Mùa lên muôn sắc cung đường
Thương nhau như thế... vẫn thường thế thôi*

*Trùng trùng mây trắng mãi trôi
Rập rờn hồ điệp núi đồi biếc son
Tử sanh bất tận hãy còn
Em về nhuộm thắm những con đường trần*

*Cũ càng lại hóa thanh tân
Sắc màu lại đẹp muôn phần xuyên sao
Cho người lòng lại nao nao
Thu ca khúc ấy chênh chao đất trời.*

thơ DU TÂM LĂNG TỬ

Ất Lăng thành, 0922



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473

THƯ CHÚC MỪNG

NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ 12 VÀ
LỄ MỪNG CHU NIÊN 32 NĂM THÀNH LẬP TU VIỆN QUẢNG ĐỨC, ÚC CHÂU

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên đức Tăng Ni khắp các châu lục và quốc gia quang lâm tham dự Ngày Về Nguồn lần 12 và Lễ Mừng Chu Niên 32 năm Tu Viện Quảng Đức,

Kính thưa TT. Thích Tâm Phương và TT. Thích Nguyên Tạng, Viện chủ và Trụ trì Tu viện Quảng Đức, Melbourne, Úc Đại Lợi

Kính thưa quý liệt vị,

Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư là dịp để chư tôn đức Tăng Ni khắp nơi, thuộc mọi giáo hội, tông môn, pháp phái, có thể vân tập về bên nhau, lắng nghe, trao đổi kinh nghiệm tu tập và hành đạo; làm ấm lại đạo tình pháp lữ sau một năm hay nhiều năm xa cách. Những lần Hiệp Kỳ trước, chúng tôi luôn tham dự và tận tình đóng góp ý kiến trong các Phật sự cũng như hành hoạt của Tăng đoàn. Năm nay vì bệnh duyên, chúng tôi không thể đi xa đến đạo tràng Tu viện Quảng Đức để tương ngộ, đàm đạo cùng chư liệt vị, xin niệm tình thứ lỗi; và xin mạn phép thay mặt những thành viên GHPGVNTN Hoa Kỳ vì lý do nào vắng mặt trong Ngày Về Nguồn 12, thành kính đánh lễ chúc mừng sự vân tập, hội họp trong hòa hợp thanh tịnh của Đại Tăng trong Đại lễ năm nay.

Cũng nhân Lễ Mừng Chu Niên 32 Năm Thành Lập Tu Viện Quảng Đức, Úc châu, chúng tôi xin kính chúc TT. Thích Tâm Phương cùng chư tôn đức Tăng, Ni, bổn đạo Tu viện Quảng Đức sức khỏe khang kiện, tâm bồ đề kiên cố, để tiếp tục góp phần vào công cuộc hoằng pháp dài lâu và thiêng liêng của người con Phật Việt Nam trên xứ người. Riêng TT. Thích Tâm Phương và TT. Thích Nguyên Tạng là hai vị Tăng xuất sắc, có nhiều đóng góp và thành tựu đáng kể cho nền Phật Việt tại Úc suốt 32 năm qua, chúng tôi xin có lời tán thán và cầu chúc nhĩ vị thân tâm thường lạc, Phật sự viên thành.

Nam mô Lịch Đại Tổ Sư Bồ tát Ma-ha-tát tác đại chứng minh.

Nam mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật



Santa Ana, ngày 01 tháng 10 năm 2022

Chư tịch HĐĐH GHPGVNTN Hoa Kỳ

Tín Nghĩa

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

thơ

NHỮNG ĐIỀU KHÔNG TƯỞNG

*Trời đã thu rồi em biết không?
Hương-dương nay cò lấp thành đồng
Izyum mưa pháo về thăm mộng
Vạn đóa vô-thường mộ xác không!*

(Tháng 9, 2022)

VU-LAN NHỚ MẸ

*Từ dạo con cài hoa sắc trắng
Mẹ về cõi Phật có an vui?
Rồi mai khi chốn này buông vôi
Chẳng biết trùng lai được mấy người?!*

(Mùa Vu-Lan 2022)

SEN MUỘN

*Lâu lắm hôm nay trở lại chùa
Ngỡ mùa sen nở vẫn còn thừa!
Ngẩn ngơ hoa đã tàn hơn nửa
Chỉ chú chuồn say ngọn gió đùa.*

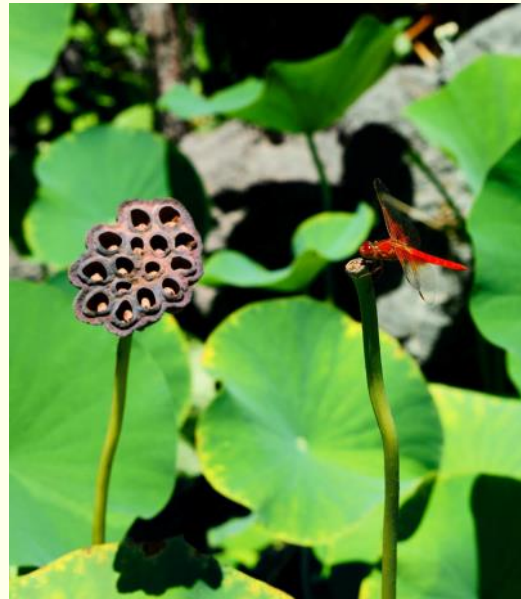
PHÙNG QUÂN

(Chùa Bảo-Quang, July 2022)

Dịch Nghĩa:

SEN MUỘN

Lòng chẳng quyến luyến ta bà trần tục, nhưng cũng chưa hướng đến đạo Thiên.
Nhưng sao khi đến chùa Bảo-Quang, tự cảm thấy đây là nhân duyên tự bao đời.
Đã cuối mùa sen muộn, hoa đã gần tàn hết.
May mà phúc đức chư Phật, còn một cánh chuồn say gió giữa trời xanh.



Nguyễn Tiến Dũng dịch sang Hán-Thi:

HỒNG LIÊN VẪN ĐỘ

*Bất trụ trần ai, vị hương thiên,
Bảo-Quang thiên tự, túc nhân duyên.
Hồng liên văn độ, hoa hao tận,
Hựu đắc thanh đình lộng bích thiên.*

NGUYỄN TIẾN DŨNG

紅蓮晚度

不住塵埃未向禪
寶光禪寺宿因緣
紅蓮晚度花耗盡
祐得蜻蜓弄碧天



ÁC TỖ KHEO

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Tỳ-kheo là người xuất gia, đã phần đầu cầu thọ giới pháp (cụ túc giới) để tu học, đáng ra nơi họ không có gì ác vì được an trú trong giới, được giới chở che, bảo hộ. Thế nhưng, giữ giới và chuyển hóa nghiệp lực vốn không phải là chuyện dễ làm.

Thời gian đầu nhờ sơ tâm hùng mạnh nên tinh tấn cao độ, nhờ đó mà phiền não tạm thời bị nhiếp phục. Về sau do dễ duôi, ý lại, tự mãn nên phiền não có cơ hội trở dậy. Cái gọi là ác Tỳ-kheo bắt đầu hình thành từ đây.

"Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có sự việc gọi là thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Là sắc mặt cứng cỏi, không hạ mình, tâm tham, bòn sẻn, tâm niệm không xả ly, chống quên, lười suy nghĩ, che giấu việc dâm, không biết đền ơn. Đó là chín pháp. Nay Tỳ-kheo! Đó gọi là thành tựu chín pháp này.

Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo ác sắc mặt cứng cỏi, không hạ mình, tâm tham, bòn sẻn, chống quên, lười suy nghĩ, che giấu việc dâm, không biết đền ơn, tâm niệm không xả ly. Đó là chín pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo ác sắc mặt cứng cỏi? Ở đây, Tỳ-kheo ác tìm cầu điều không nên tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như thế gọi là sắc mặt cứng cỏi.

Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở nơi các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự khen mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như thế gọi là chịu nhục.

Thế nào là Tỳ-kheo sanh tâm tham? Ở đây, Tỳ-kheo ác, thấy tài vật của người khác đều sanh tâm tham. Đây gọi là tham.

Thế nào là Tỳ-kheo bòn sẻn? Ở đây, Tỳ-kheo ác, được y bát không cho người dùng chung, thường tự cất giấu. Như thế gọi là bòn sẻn.

Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Ở đây, Tỳ-kheo ác, phần lớn thường để rơi mất những lời điều thiện, cũng chẳng suy nghĩ phương tiện tu, bàn luận chuyện quốc gia binh chiến. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu sự chống quên này.

Thế nào là Tỳ-kheo ác lười suy nghĩ? Ở đây, Tỳ-kheo ác đối với pháp cần suy nghĩ mà

không suy nghĩ. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác ít suy nghĩ.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo ác che giấu việc dâm? Ở đây, Tỳ-kheo ác có việc dâm mà che giấu, không nói với người: 'Nay tôi hành dâm chỗ để người biết'. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác che giấu việc dâm.

Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đền ơn? Ở đây, Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ thầy và các bậc đáng tôn trọng. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác không biết đền ơn.

Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này, ghi nhớ không bỏ, thì trọn không thành đạo quả. Cho nên, nay các Tỳ-kheo, đối với các pháp ác nhớ nên xả bỏ. Như thế, nay các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe xong lời Phật dạy, liền vui vẻ vâng làm."

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập III, phẩm 44.

Chín nơi cư trú của chúng sanh [trích], VNCPHVN ấn hành, 1998, tr. 205)

Trong kinh văn, có một pháp bị các nhà kết tập bỏ sót không giải thích, đó là "tâm niệm không xả ly". Tuy nhiên, không khó để nhận ra những đặc điểm của vị Tỳ-kheo ác, gồm 9 pháp "sắc mặt cứng cỏi, không hạ mình, tâm tham, bòn sẻn, chống quên, lười suy nghĩ, che giấu việc dâm, không biết đền ơn, tâm niệm không xả ly."

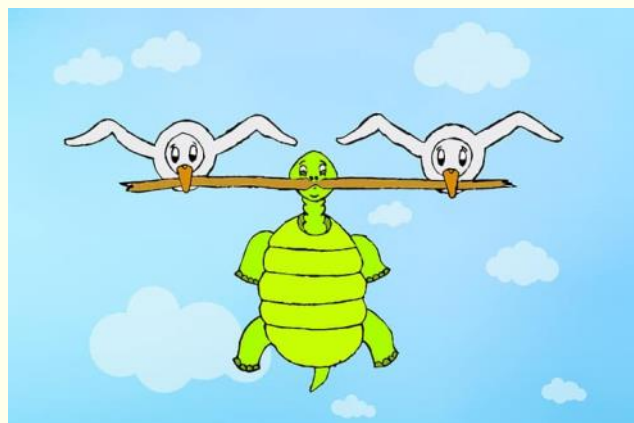
Theo như giải thích của Đức Phật, người tu mà có những biểu hiện như: 1- Tìm cầu điều không nên tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn; 2- Tự khen mình, hủy báng người khác; 3- Thấy tài vật của người khác đều sanh tâm tham; 4- Được y bát không cho người dùng chung, thường tự cất giấu; 5- Rơi mất những lời điều thiện, cũng chẳng suy nghĩ phương tiện tu, bàn luận chuyện quốc gia binh chiến; 6- Với pháp cần suy nghĩ mà không suy nghĩ; 7- Có việc dâm mà che giấu; 8- Không có tâm cung kính, không hầu hạ thầy và các bậc đáng tôn trọng; 9- Tâm niệm không xả ly; thì đó là Tỳ-kheo ác.

Cứ vào những điều này, quả thật, ranh giới của thiện ác nơi người tu cũng rất mong manh. Khoác cà-sa lên người, dầu có lâu ngày cũng chưa nói lên được điều gì nếu còn vương pháp ác. Khi đang là phạm tăng, chúng ta có thể xem 9 pháp này là thước đo tư cách của người tu. Nếu ai không vương 9 pháp này đích thị là bậc chân tu, cao tăng, thạc đức. Ngược lại là ác tăng, ác Tỳ-kheo, cần phải nỗ lực tu học và chuyển hóa nhiều hơn, bởi tu hành mà không vượt qua 9 pháp này thì không thể sáng đạo. Thế Tôn đã nhắc nhở "thành tựu chín pháp này, ghi nhớ không bỏ, thì trọn không thành đạo quả".

TAI HỌA DO CÁI MIỆNG

Thuở xưa có một chú rùa
Sống trong hồ rộng vui đùa thành thói,
Vợ chồng cò trắng tới chơi
Đôi bên kết bạn, cuộc đời thêm tươi.
Một năm mưa hồng chẳng rơi
Mặt trời thiêu đốt, nơi nơi úa màu
Nước hồ khô cạn thật mau
Bao loài thủy tộc theo nhau chết dần
Rùa lo tìm kế thoát thân
Trong lòng suy tính phân vân mọi đường
Vợ chồng cò chợt ghé ngang
Rùa bèn tâm sự thở than náo nê:
"Hai ngày ăn chẳng có chi
Dù là con tép nói gì cá tôm
Ngoài ra nếu nước cạn hơn
Lũ chần trâu sẽ bắt luôn thân này,
Năm năm trước cũng tại đây
Tôi từng bị bắt, dọa đầy khổ thay
May mà sống sót tới nay
Là do bà lão ra tay mua về
Phóng sanh tôi tại vùng quê!
Giờ mong ai có cách gì cứu tôi!"
Vợ chồng cò trắng góp lời:
"Hồ này nguy hiểm! Mau rời đi xa!"
Rùa than: "Tôi chậm quá mà
Chỉ bò quanh quất, khó qua nạn này!"
Vợ chồng cò trắng bàn ngay:
"Hồ sen mười dặm bên đây cũng gần
Lá xanh mướt, hoa trắng ngần
Quanh năm có nước chẳng cần lo chi
Dù cho hạn hán sá gì!
Bây giờ tính kế ra đi dễ rồi:
Chúng mình lấy một cây dài
Giữa cây bác ngậm, chúng tôi hai đầu
Chúng tôi nâng bác lên cao
Rồi bay một mạch đưa vào hồ bên.
Nhưng hãy nhớ, đừng có quên
Phải cần ngậm miệng! Chớ nên thốt lời!"
Rùa nghe sung sướng tề người
Cùng nhau thực hiện trò chơi đã bàn.

*



Hai cò vỗ cánh bay ngang
Kéo rùa ở giữa nhẹ nhàng lên cao.
Rùa nhìn phong cảnh lạ sao
Tò mò định hỏi nhưng nào dám đâu
Há ra là té vỡ đầu
Thôi đành cắn chặt miệng vào khúc cây.
Đong đưa thoải mái rùa bay
Chợt đâu bên dưới có bầy trẻ chơi
Thấy rùa đu thật tức cười
Chúng cùng la lớn: "Rùa ơi là rùa
Trông như thầy bói bị mù
Phải nhờ người dắt kẻ đưa giống khùng!"
Rùa nghe nổi giận đùng đùng
Định hăm lũ trẻ: "Coi chừng tay ta
Ranh con đừng có ba hoa
Chuyện người mắc mớ chi mà hò la!"
Tội thay vừa há miệng ra
Rùa rơi xuống đá, thịt da tan tành!
Phật từng khuyên dạy chúng sanh:
"Họa từ cái miệng phát sinh tức thời
Các con ăn nói lựa lời
Giữ gìn cái miệng cuộc đời được an!"

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)



TẮM RỬA NỘI TÂM

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Tắm rửa là việc làm cần thiết để giữ gìn vệ sinh thân thể. Những người làm việc ở văn phòng có máy điều hòa không khí, hay những người làm việc lao động ngoài trời, hoặc những người suốt ngày không làm gì cả. Dù là ai, thì người đó cũng có nhu cầu tắm rửa ít nhất là một hoặc hai lần trong ngày. Nước và xà phòng giúp tẩy rửa bụi bám vào tóc tai da thịt và cuốn trôi chất mỡ hôi tiết ra từ trong cơ thể. Sau một ngày làm việc mệt mỏi, khi về nhà để có bữa cơm với các thành viên trong gia đình một cách vui vẻ, thoải mái và ngon miệng, người ta cần phải tắm rửa sạch sẽ bản thân mình. Hay trước khi ngã lưng xuống giường nghỉ ngơi, người ta cũng thường phải tắm rửa một phút cho thân thể được sạch sẽ mát mẻ. Thử không tắm rửa một ngày người ta sẽ cảm thấy thân thể dơ bẩn, tâm tư bức bối, khó chịu. Cho nên việc tắm rửa vệ sinh thân thể được xem là việc làm cần thiết, không thua kém gì việc người ta phải ăn khi đói, phải uống khi khát, phải nghỉ ngơi khi mệt, hay phải đi Bác sĩ khám khi mắc bệnh. Đó là nói về thân thể. Nhưng một người được xem là hoàn hảo thì người đó phải có hai phần thân và tâm toàn vẹn.

Thân là phần thể xác, có hình vóc, nên người ta có thể trông thấy và va chạm. Còn tâm là phần tinh thần, tinh thần thì siêu hình không ai có thể nhìn thấy hay sờ mó được. Tuy siêu hình nhưng tâm chính là cái biết, là ý thức, là chủ thể ra lệnh cho thân làm việc theo ý muốn của nó. Tâm buồn khổ thì mắt rơi lệ. Tâm khó chịu thì mặt mày nhăn nhó. Tâm sân hận thì mặt bùng đỏ, mắt long lanh trợn trừng. Tâm e thẹn thì vẻ mặt bẽn lẽn. Tâm vui vẻ thì môi nở nụ cười. Tâm nghĩ tốt thì thân hành động tốt. Tâm nghĩ xấu thì thân hành động xấu v.v... Nói cách khác tâm chính là một phần sự sống của con người.

Con người sống mà không biết gì cả thì sống cũng cầm bằng như đã chết. Vậy mà đa phần người ta sống ở trên đời này, hình như quên mất phần tinh thần, quên mất cái tâm. Họ quên rằng tâm cũng có nhu cầu chăm sóc tắm rửa làm vệ sinh như thân thể vậy! Nếu ai đó đề cập đến việc chăm sóc tắm rửa tâm, sẽ có người nói rằng tâm không có hình tướng thì làm gì có dơ bẩn, hay tâm không có hình tướng thì lấy cái gì để tắm rửa vệ sinh.

II. TÂM Ô NHIỄM, NHIỀU BỆNH TẬT CẦN TẮM RỬA

Các vị thiền sư tu tập theo pháp Phật khẳng định rằng tuy tâm không có hình dáng nhưng chúng ta có thể phân biệt được lúc nào tâm khỏe mạnh và lúc nào tâm bệnh hoạn. Trong giáo lý

nhà Phật, tâm bệnh hoạn là khi tâm bị những chất ô nhiễm làm dơ bẩn tâm. Cần tắm rửa loại trừ những chất bẩn này, thì tâm mới bình an khỏe mạnh. Những chất ô nhiễm đó chính là những căn bệnh được đặt tên là tập khí, lậu hoặc, kiết sử, tùy miên. Các bệnh này chứa chấp những đam mê thương ghét, hận thù, nó trói buộc con người vào những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Nặng nề hơn nữa là căn bệnh chấp ngã. Vì chấp ngã nên sinh ra các biến chứng khác như ngã ái, ngã dục, ngã kiến, ngã chấp. Vì chủ quan nên tâm tưởng thường méo mó luôn có thành kiến, định kiến, thiên kiến. Ngoài ra tâm còn có căn bệnh say mê ngũ dục như tài, sắc, danh, thực, thụ, khiên thọ, tưởng, hành, thức luôn dao động, đưa đẩy con người nhìn cuộc đời bằng cái tâm ích kỷ, phân biệt, nhị nguyên tốt xấu, thương ghét, ưa hay không ưa, mong muốn cái này là của mình, cái kia là của mình v.v... Từ những tư tưởng xấu xa trong tâm đưa đến hành động, lời nói, gây tổn thương cho chính mình và những người xung quanh, đồng thời tạo ra không biết bao nhiêu là nghiệp nhân bất thiện.

Do những quấy rầy liên tục xảy ra như vậy khiến tâm con người luôn bất an, tinh thần không lúc nào được ổn định. Để chấm dứt tình trạng này, tâm cần được tẩy rửa làm vệ sinh để trị dứt những căn bệnh gây phiền não cho con người. Xưa kia, Ngài Thần Quang sau này là Nhị Tổ Huệ Khả (Thiền Tông, Trung Hoa), đã không ngần ngại chặt đứt cánh tay của mình làm lễ vật dâng lên Tổ Bồ Đề Đạt Ma để cầu pháp thiền "an tâm".

Trở lại việc tắm rửa làm vệ sinh thân thể thì ai làm cũng được, chỉ cần sử dụng xà phòng, nước, cùng hai bàn tay kỹ cọ chà sát khắp châu thân. Những chất dơ bẩn sẽ bị nước và xà phòng cuốn trôi để lại thân thể sạch sẽ thơm tho. Nhưng tắm rửa thân thể trong nhà Phật không phải là tắm rửa hằng ngày cho thân thể vật lý được sạch sẽ, mà tắm gội thân thể ở đây cũng giống như tắm rửa làm vệ sinh nội tâm, là tu tập để giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Cho nên tắm rửa thân tâm không phải chỉ một hoặc hai lần trong ngày, cũng không phải dùng xà phòng hay nước sạch để tắm, mà phải tu tập có phương pháp. Và việc tu tập không phải chỉ một ngày một bữa là đủ.

Tâm ô uế bệnh hoạn là tâm huân tập đủ mọi thứ như đã kể, cho thấy tâm này lúc nào cũng dao động, hề niệam này vừa chấm dứt thì niệam khác sinh khởi. Cứ thế hết khởi rồi tắt, hết tắt rồi khởi, không bao giờ yên lặng, cho nên Đức Phật gọi tâm này là tâm sinh diệt, các vị Tổ thì xếp nó là vọng tâm. Muốn tâm trở về trạng thái yên lặng thanh tịnh, bất sinh bất diệt, hay chân tâm, thì phải chính cái tâm đó tu tập, từ từ cởi bỏ những thứ mà nó đã cất giữ, lâu ngày thành nghiệp.

III. PHƯƠNG THỨC TU TẬP

Giáo lý nhà Phật dạy có bốn phương thức tu tập, đó là Quán, Chỉ, Định, Huệ. Những phương thức này nếu tu tập đến nơi đến chốn thì tẩy rửa được những ô nhiễm trong tâm.

- Tu Quán hay thiền Quán để hiểu rõ đặc tính của vạn pháp là vô thường, khổ, vô ngã, và chấp nhận nó. Chấp nhận vì biết chắc rằng mọi thứ đến rồi sẽ đi, không có cái gì là bền vững trên cõi đời này. Tiền tài, danh vọng, hay tình yêu cha, mẹ, vợ, con, nhà cửa, xe cộ, hạnh phúc đang có trong tay tưởng chừng vô cùng bền vững, nhưng rồi sẽ có một ngày tất cả những thứ mà mình yêu mến đó sẽ vượt mặt khỏi lòng bàn tay mình. Đó là những vật ngoài thân, thôi thì không bàn! Vậy chứ ngay tấm thân ngũ uẩn của con người đây thì sao? Con người khi còn trẻ thì khỏe mạnh yêu đời. Nhưng thời gian trôi qua, tuổi trẻ đi dần đến tuổi già. Một ngày, một năm trôi qua sức khỏe, sự sáng suốt của người trẻ cũng đi dần đến bệnh hoạn, già nua, yếu đuối, tâm trí không còn nhanh nhẹn sắc bén như thời còn trai trẻ nữa. Trong Tương Ưng Bộ Kinh (Samyutta Nikāya) ghi lại lời Đức Phật mô tả sự vô thường xảy ra trên chính thân thể Ngài như sau: *"Thật vậy, này Ananda, tuổi già thay thế tuổi trẻ, bệnh tật thay thế sức khỏe mạnh, cái chết làm ngưng sự sống. Màu da của ta không còn tươi tốt và trong sáng như xưa, bắp thịt chân tay ta yếu đi và da nhăn nheo, thân thể ta nghiêng về phía trước, sự thay đổi cũng thấy rõ trên các giác quan..."* Như vậy, tất cả mọi thứ trên đời này, đều sẽ tùy duyên thay đổi theo không gian thời gian. Cho nên chúng ta phải quán cho rõ, hiểu cho thấu về *"vô thường, khổ, vô ngã"* của vạn hữu, để tâm không chấp trước buồn khổ khi mọi thứ đột nhiên thay đổi bất như ý.

- Thiền Chỉ là phương pháp tu tập giúp tâm dừng lại, không phóng nghĩ lung tung trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, hay ngắm cảnh v.v.... Tu Chỉ giúp tâm dần dần quen với trạng thái tâm yên lặng. Khi giác quan tiếp xúc với trần cảnh không để tâm chạy theo cái thấy, cái nghe, cái xúc chạm, khiến tâm dao động. Trong kinh gọi pháp này là *"thu thúc hay hộ trì sáu căn"*.

- Thiền Định là phương pháp tu tập, chú tâm vào một đề mục để giữ tâm yên lặng. Thí dụ như mượn *"hơi thở vô-ra"* làm đề mục tập trung, để vọng tưởng hay năm triền cái tham, sân, hôn trầm, thụy miên và nghi ngờ không có cơ hội trỗi lên. Khi hành giả nhập định sâu, sóng tâm yên lặng vững chắc. Kinh mô tả trạng thái tâm lúc này *"định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, ngoài lý luận..."*. Điều này, cho thấy thiền Định chính là phương pháp tẩy rửa làm sạch cái tâm ô nhiễm, trị dứt những căn bệnh gây ra phiền não và luân hồi.

- Thiền Huệ, bước đầu là Vipassana tức *"tuệ minh sát"*. Luôn giữ chánh niệm tức cái *"biết như thật"*, khi đối duyên xúc cảnh, tâm bây giờ và ở đây, tức là tâm không quay về quá khứ, không vọng tưởng tương lai cũng không dính mắc với dục vọng hiện tại. Hành giả có thể tu tập theo kinh Tứ Niệm Xứ dạy. Đó là quán bốn xứ Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Những gì xảy ra trên Thân, Thọ, Tâm, Pháp như thế nào trong khi tọa thiền, hành giả chỉ biết như thế ấy. Cái biết này là biết không lời, là tư tánh biết. Cái biết như tấm gương ghi nhận đối



tượng xuất hiện trong tâm, diễn tiến và chấm dứt như thế nào thì biết y như vậy, không tác ý can thiệp.

- Trí huệ Bát Nhã (Panna/Prajna) là trí biết của trực giác. Khi tâm an trú trong định sâu, trí huệ tâm linh tự phát. Trí này thấu hiểu mọi vạn vật, mọi sự kiện trong vũ trụ mà không cần học hỏi hay suy nghĩ phán đoán gì cả. Giai đoạn này tánh giác, hay Phật tánh, hay tiềm năng giác ngộ tự phát sang. Trí huệ Bát Nhã là trí huệ vô sư, không còn phân biệt nhị nguyên, không còn chủ thể và khách thể. Đây là một loại trí tuệ siêu vượt của các bậc A-La-Hán, Bồ tát đã bước được qua *"bờ bên kia"* (paramita) là bờ giác ngộ, và nó còn phát huy đến vô thượng gọi là chánh đẳng chánh giác, là Phật.

IV. BƯỚC ĐẦU TU TẬP

Tùy theo căn cơ mà chúng ta chọn lựa pháp môn thích hợp tu tập để dễ tiến trên đường tu. Nhưng dù chọn pháp môn nào thì trước hết chúng ta cũng phải tuân theo lời Phật dạy. Phải học hỏi, tư duy giáo lý nhà Phật, để có Chánh tri kiến, nghĩa là phải có ý thức hiểu biết việc nào đúng việc nào sai. Việc nào làm khổ người, khổ mình thì nên tránh, việc nào mang hạnh phúc đến cho mình lại làm khổ người khác thì cũng không nên làm. Trong kinh thường nhắc đến bài kệ ngắn *"Không làm các điều ác; Vâng làm các việc lành; Thanh tịnh hóa tâm ý"*. Như vậy giáo lý nhà Phật dạy chúng sinh trước khi tu tập tiến tới giác ngộ giải thoát luân hồi sinh tử, phải nhắm đến ba mục tiêu tu hành như sau: Thứ nhất là không có những hành động xấu ác làm hại người, hại mình, hay có lợi cho mình mà hại người. Trong kinh gọi đó là hành động bất thiện. Thứ hai là siêng năng làm các việc thiện lành mang an lạc, hạnh phúc đến cho chúng sinh và cho cả bản thân mình. Trong kinh gọi đó là hành động thiện. Thứ ba là phần tu tâm, hành giả hành trì các pháp môn tu tập để cho tâm thức đạt được vắng lặng tĩnh thức.

Thực hành các pháp tu làm lợi lạc cho chúng sanh, hành giả ngày càng phát huy được tâm Từ, tâm Bi. Nhờ có tâm Từ thương chúng sanh nên hành giả mới phát tâm Bi làm việc thiện lành bố thí, giúp đỡ, an ủi mọi người. Và vì mới tu tập nên ý thức luôn dặn dò mình nên giữ niệm thiện, xa lìa niệm ác. Tuy tâm còn phân biệt, còn chọn lựa nhị

nguyên, nhưng nhờ chọn tâm thiện lành đưa đến hành động thiện lành. Kết quả người được giúp an vui, từ đó tâm trí hanh giả cũng được an vui.

Muốn tiến thêm trên con đường tâm linh thì hành giả bước thêm một bước nữa. Đó là quán câu hỏi của Tổ Huệ Năng “*không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là ‘bản lai diện mục’ của Thượng Tọa Minh?*”. Bản lai là xưa nay, diện mục là bộ mặt thực. Khi tâm không khởi niệm thiện, cũng không khởi niệm ác, lúc đó tâm rơi vào vô niệm, tức không có niệm nào khởi lên cả. Khi tâm không còn niệm nào hết, tâm trống rỗng, chỉ có dòng nhận thức không lời đó là “*bản lai diện mục*” là bộ mặt thật, là chân tâm, là tánh giác, hay Phật tánh. Lúc đó tâm hành giả ở trong trạng thái Xả (vô niệm hay vô tâm) tức tâm vắng lặng mà tỉnh thức, không còn dính mắc chấp trước bất cứ một thứ gì trên đời này cả.

V. PHÁP TU LỤC ĐỘ

Trong kinh Đại thừa dạy pháp tu “*Lục độ*” gồm: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Hành giả có thể tắm rửa làm vệ sinh cho cả thân và tâm qua đường tu “*Lục độ*”.

- **Tu hạnh bố thí:** Giúp đỡ những người thiếu thốn nghèo khổ bằng tiền tài vật chất, bằng lời nói an ủi, bằng chỗ dựa tinh thần v.v... Đây là hành giả thực hành lời Phật dạy làm việc thiện lành mang niềm vui, hạnh phúc, xoa dịu nỗi lo âu, sợ hãi của chúng sanh. Tu hạnh bố thí giúp cho hành giả diệt trừ bớt lòng tham, san bằng lòng ganh ghét, đố kỵ, phát triển tâm Từ tâm Bi ngày một nhiều hơn.

- **Trì giới:** Người Phật tử tuân giữ năm giới cấm: Không giết hại mạng sống của người hay thú vật. Không lấy của không cho. Không tà hạnh. Không nói dối. Không sử dụng những chất say nghiện làm lu mờ lý trí. Trì giữ không phạm giới cấm giúp cho hành giả dừng lại trước hàng rào phân chia đạo đức và tội ác. Nhờ vậy hành giả không phạm lỗi, giữ được ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh.

- **Hạnh nhẫn nhục:** Là hạnh chịu đựng những khó khăn, trở ngại, quyết không lùi bước trên đường tu. Không sanh tâm khởi niệm khi tiếp xúc với xúc cảnh. Người tu hạnh nhẫn nhục sẽ loại trừ được tâm Sân hận. Sân hận bị xem là chất độc nguy hại trong ba độc tham, sân, si.

- **Tinh tấn:** Có ý chí và nghị lực không lùi bước trước những nghịch cảnh trên đường tu, quyết siêng năng phấn đấu tu tập vượt qua biển sinh tử để đến bờ giác ngộ. Tinh tấn là nhiên liệu cần thiết hỗ trợ cho việc tu hành miên mật không giải đãi lười biếng.

- **Thiền định:** Tập trung tư tưởng vào một đề mục để giữ nội tâm yên lặng, không một niệm nào khởi lên trong tâm. Có vị thiền sư định nghĩa: “*Thiền là bên ngoài không dính mắc vào trần cảnh, định là nội tâm yên lặng*” thật là chính xác.

Thiền định là phương pháp tắm rửa vệ sinh cái tâm ô nhiễm thành thanh tịnh trong sáng là phương thuốc hữu hiệu điều trị những căn bệnh về thân và tâm. Nhờ định lực vững chắc nên tâm bình thản trước mọi sóng gió của cuộc đời. Tóm lại, thiền định giúp tâm sạch sẽ, yên lặng (thanh tịnh). Thanh tịnh là phương tiện để đi đến cứu cánh là trí tuệ.

- **Trí tuệ Bát Nhã:** Đức Phật là bậc giác

ngộ vô thượng, là thầy của trời người, nên chúng đệ tử của Phật cũng hướng tới mục tiêu giải thoát giác ngộ như Ngài. Trí tuệ Bát Nhã là trí tuệ siêu việt, quán triệt chân tướng của vạn pháp. Đây là trí huệ của chư bậc Bồ tát, chư Phật.

“*Lục độ*” là sáu cách tu tập. Tuy chư Tổ phân chia như vậy, nhưng cả sáu pháp đều liên hệ mật thiết với nhau. Khi thực tập pháp này thì năm pháp kia có mặt để hỗ trợ. **Ghi chú:** Trong kinh Phát Triển cũng có dạy pháp môn “*Lục độ Ba-la-mật*”. Lục độ ba-la-mật cũng là sáu phương pháp tu tập như lục độ, nhưng pháp này cao hơn dành cho các bậc Thánh, bậc A-la-hán. Hiện tại, chúng ta hãy còn là người phàm phu nên bước đầu thực hành “*lục độ*” để chuyển tâm phàm thành tâm thánh. Rồi từ đó tiến tu thêm.

VI. KẾT LUẬN

Tóm lại con người có hai phần thân và tâm. Cả thân và tâm đều quan trọng như nhau. Tâm gá vào thân để hiện hữu. Thân nhờ tâm chủ trì hướng dẫn để xử sự và hành động. Trên đường tu giải thoát giác ngộ, Kinh dạy “*nhận thức và hành vi*” phải thanh tịnh, tức thân và tâm phải thanh tịnh. Vì trí tuệ và căn cơ của chúng sanh khác nhau, cho nên Đức Phật mới bày ra nhiều pháp tu. Pháp tu có khác nhưng pháp nào cũng nhắc nhở chúng sanh phải giữ tâm ý ngay thẳng trong sạch. Tâm ý có trong sạch thì hành vi mới trong sạch. Cho nên cốt lõi của việc hành trì tu tập để thân và tâm đi đến chỗ thanh tịnh là phải thiền định và thiện huệ.

Chúng tôi xin chép lại Lời Phật Dạy (Kinh Pháp Cú) qua Phẩm Song Yếu dưới đây để tạm ngưng bài viết với chủ đề “*Tắm Rửa Nội Tâm*”.

1) Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác, nếu nói hoặc làm với tâm ô nhiễm, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo:

“*Ý dẫn đầu các pháp*”

“*Ý làm chủ, ý tạo*”

“*Nếu với ý ô nhiễm*”

“*Nói lên hay hành động*”

“*Khổ não bước theo sau*”

“*Như xe chân, vật kéo.*”

2) Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm thanh tịnh, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình.

“*Ý dẫn đầu các pháp*”

“*Ý làm chủ, ý tạo*”

“*Nếu với ý thanh tịnh*”

“*Nói lên hay hành động*”

“*An lạc bước theo sau*”

“*Như bóng, không rời hình.*”

(Kinh Pháp Cú-Phẩm Song Yếu)

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Chân Tâm thiền thất, September 16/2022)





VUA TRẦN NHÂN TÔNG VÀ TRÚC LÂM YÊN TỬ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Năm 1299, vua Nhân Tông xuất gia tại chùa Hoa Yên núi Yên tử, lấy hiệu là Hương Vân Đầu Đà (sau này vua đổi hiệu là Trúc Lâm Đầu Đà). Vua được nhận là người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, thế hệ thứ sáu, tiếp nối vị tổ sư thứ năm là thiền sư Huệ Tuệ. Từ đó trở đi, phái Yên Tử trở thành nổi tiếng, thế lực lan rộng trong triều đình và giữa nhân gian. Một ông vua đã từng đánh bại cuộc xâm lăng của nhà Nguyên, một ông vua đã đem hòa bình và thịnh trị cho dân, một ông vua như thế khi đi xuất gia chắc chắn đã gây nên một tiếng vang lớn và khiến tất cả mọi người trong nước hướng nhìn về ngọn núi Yên Tử. Đạo Phật trở thành yếu tố tâm lý liên kết toàn dân lại trong một mục đích xây dựng và bảo vệ quốc gia. Nhân Tông và Anh Tông là những nhà chính trị giỏi, nhưng đồng thời cũng là những Phật tử thật sự. Nhà phê bình lịch sử có thể nói họ lợi dụng đạo Phật cho chính trị nhưng nhà phê bình văn hóa cũng có thể nói họ là những người Phật tử sùng đạo.

Phong trào Phật giáo nhập thế gọi là Trúc Lâm yên tử chỉ hưng thịnh cho đến khoảng giữa thế kỷ thứ mười bốn. Sau đó, phong trào yếu dần. Từ đây cho đến cuối thế kỷ thứ mười sáu, thiếu sự nâng đỡ của những ông vua Phật tử, đạo Phật rút lui về căn cứ của mình ở chùa trên núi và nơi thôn quê. Các chùa ở thủ đô Thăng Long thôi đóng vai trò quan trọng về chính trị.

Một thời gian sau ngày xuất gia, vua Nhân Tông đã đổi pháp hiệu là Trúc Lâm. Ta biết rằng vị tổ thứ hai của thiền phái Yên Tử, thiền sư Đạo Viên (hay Viên Chứng) ngày xưa đã được ban hiệu là Trúc Lâm quốc sư. Nhân Tông đã xuất gia và đã trở nên một vị cao tăng, tổ sư thứ sáu của phái Yên Tử và là tổ sư thứ nhất của phái Trúc Lâm: ta gọi vua bằng pháp hiệu Trúc Lâm của vua, trong khi không quên rằng Trúc Lâm quốc sư Đạo Viên là một vị tiền bối của vua.

Trúc Lâm Đầu Đà tên tục là Trần Khâm, con của vua Trần Thánh Tông, sinh năm 1258, lên ngôi vua năm 20 tuổi, xuất gia năm 41 tuổi và tịch năm 1308 vào lúc 51 tuổi. Tác giả Đại Việt Sử Ký Toàn Thư viết:

“Vua được tinh anh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên Đồng Tử; ở vai bên tả có nốt ruồi đen, cho nên có thể đáng được việc lớn: ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử. Hòa nhã, cổ kết lòng dân, sự nghiệp phục hưng làm vẻ vang đời trước, thực là vua hiền của nhà Trần. Song vì lòng ở kinh Phật, tuy bảo là đến siêu thoát, nhưng không phải là đạo trung dung của thánh nhân.” Sử

thần Ngô Sĩ Liên còn nói: “Nhân Tông trên thờ Từ Cung tổ rõ hiểu đạo, dưới dùng người hiền lập nên võ công, nếu không phải bậc nhân minh anh vũ thì sao được như thế? Duy cố việc xuất gia là không hợp với đạo trung dung.” Đó là những lời phê bình về vua Nhân Tông của các sử thần theo Nho Giáo.

Hồi còn nhỏ tuổi, Trúc Lâm đã có ý không muốn làm vua, và muốn nhường địa vị đông cung thái tử cho em. Sách Tam Tổ Thực Lục nói: “Một đêm vào giờ Tý, vua vượt thành mà đi, muốn đến núi Yên Tử. Đến chùa ở núi Đông Cúu thì trời sáng, liền vào ẩn nấp trong tháp. Vị tăng trụ trì thấy tướng mạo dị thường liền đem thức ăn khoản đãi. Hôm ấy thái hậu và vua Thánh Tông sai quần thần đi tìm tứ tán, bắt đẽ dĩ vua phải về. Khi lên ngôi, tuy ngồi trên chín bệ vinh quang nhưng sinh hoạt rất thanh tịnh. Một hôm ngủ trưa tại chùa Tu Phúc trong đại nội, vua mộng thấy trên rốn mình nở ra một hoa sen lớn như bánh xe, trên đó có đức Phật vàng. Bên cạnh, có người chỉ vào vua mà hỏi: biết đức Phật này không? Đó là đức Biến Chiếu Tôn đấy! Vua tỉnh thức, đem giấc mộng nói lại cho Thánh Tông nghe, ai cũng lấy làm lạ. Từ đó thường ăn chay tránh thịt cá, long nhan gầy mòn. Thánh Tông thấy thế lấy làm lạ, hỏi. Điều Ngự (tức Nhân Tông) cứ thực trình bày. Thánh Tông khóc nói: Ta đã già, trông cậy vào một mình người, nếu người như thế thì làm sao nổi được thịnh nghiệp của tổ tông? Điều Ngự cũng khóc. Điều Ngự thánh tính thông minh, hiểu học, nhiều tài, đọc khắp các loại sách, thông suốt cả nội điển (Phật học) lẫn ngoại điển, thường mời các vị thiền khách tới cùng giảng cứu Thiền học. Điều Ngự cũng tìm tới tham khảo với Tuệ Trung thượng sĩ, và do đó thâm nhập được cốt tủy của Thiền học, cho nên thường lấy tư cách đệ tử để đối đãi với Tuệ Trung.”

Đã đành Trúc Lâm thờ Tuệ Trung làm thầy, nhưng khi xuất gia thọ 250 giới của một vị tỳ kheo thì Tuệ Trung vốn là cư sĩ, không thể truyền giới cho vua được. Ai là hòa thượng trao truyền giới pháp cho Trúc Lâm, và vua thọ giới ở đâu? Hẳn người làm Hòa thượng đầu đàn truyền giới là thiền sư Huệ Tuệ, lúc ấy đang lãnh đạo sơn môn Yên Tử, tổ sư thứ năm của thiền phái. Và lễ thọ giới xuất gia của Trúc Lâm chắc chắn được tổ chức trên núi Yên Tử.

Trúc Lâm tuy học với Tuệ Trung nhưng khác với Tuệ Trung ở chỗ vua rất chú trọng về mặt hình tướng của sự việc. Trúc Lâm xứng đáng là vị sáng tổ của một môn phái, người lãnh đạo của một giáo hội. Vua có ý định xuất gia rất sớm nhưng ý định này chỉ được thực hiện vào năm 1299.

(*Tài liệu tu học bậc Trung Thiện – GDPTVN*)

Thảo am và đại thụ

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Vừa từ ngoài đại lộ rẽ vào đường nhỏ, cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác. Đang là những cao ốc, công viên, hàng quán sầm uất, bỗng chỉ còn toàn những ngôi nhà cũ, thấp, với hàng rào gỗ có vườn rau, chuồng ngựa...

Con đường nhỏ chỉ có hai lối, một đi lên và một đi xuống.

Michael vừa lái chậm, vừa nhìn lại mảnh giấy chỉ dẫn. Cứ theo đường mòn này, giữ bên phải, qua một cầu gỗ bắc ngang giòng suối cạn sẽ tới ngã ba, nơi có tường đá thấp. Ở đó, trên một cảnh cây cao, có bảng chỉ dẫn vào Tu Viện với mũi tên rẽ trái.

Michael mỉm cười sáng khoái. Vậy là ông đã tới điểm hẹn rất sớm, như ý muốn. Ông sẽ thu được vào ống kính cảnh núi rừng hùng vĩ, tĩnh lặng của bình minh vừa rạng, trước khi bạn ông và những người Việt Nam hành hương lên Tu Viện vào ngày cuối tuần.

Vừa rẽ trái ở ngã ba hướng vào Tu Viện, cảnh vật lại thu nhỏ hơn. Một bên là vách đá, một bên là rừng cây nhìn xuống sườn núi thăm thẳm.

Michael xuống xe, lấy máy hình ra, thu vài góc cạnh của vách đá chênh vênh, lấp lánh ánh mặt trời vừa nhô trên đỉnh núi sương mù.

Đi thêm một đoạn, con đường mở rộng hơn với khu rừng sồi già cổ, thân sần sùi, tàn và lá rậm rạp đan vào nhau, che khuất những áng mây lửng lơ trên bầu trời bao la sương sớm.

Rừng đẹp quá, mệnh mông xanh mướt. Núi đẹp quá, ngạo nghễ vươn lên đùa ánh mặt trời. Những tảng đá lớn, thiên nhiên sắp đặt tự bao giờ, chồng lên nhau thành bao nhiêu hang động, rải rác khắp những con đường dốc, khắp những khu rừng sồi, rừng tùng, rừng bách... Thiên nhiên lôi cuốn ông kính như sức hút của nam châm và Michael cứ thế, say sưa bấm máy.

Ông đang leo dốc, đi sâu vào núi đá, bỏ xa chiếc xe đậu ở rừng sồi mà không hay!

Những khối đá lớn, tảng thì bằng phẳng, nằm một mình, như khách lang du an nhiên tự tại, tảng thì dựa vào nhau trong thế nương tựa như đôi

bạn chân tình. Rồi có những tảng nhỏ, chụm vào nhau trong thế hài hoà như đám trẻ đang cùng dự một trò chơi. Rải rác khắp nơi, không đâu đá núi thiên nhiên không tạo thành những hình ảnh mang đầy ý nghĩa nhân sinh. Có phải thật thế, hay lòng Michael đang hoà cùng sự mầu nhiệm của Đạo Phật mà ông đã được biết đến ít nhiều, qua người bạn gái Việt Nam?

Ông kính trên tay Michael di chuyển chậm chậm qua từng vách đá, từng dốc mòn, từng rừng lau sậy rậm rạp dẫn lên đỉnh núi.

Tuyệt vời!

Michael thốt kêu lên!

Giữa không gian thiên nhiên bát ngát, một sư-cô đang tĩnh lặng tọa thiền trên một phiến đá bằng phẳng. Sư-cô khép hờ mắt, hai bàn tay đan vào nhau, đặt trên hai vòng chân xếp bằng, sống lưng thật thẳng. Những tia nắng đầu tiên của ngày, xuyên qua cành lá, lung linh trên vạt áo nâu, óng ả như những dải lụa bạc.

Không một tiếng chim hót, không một tiếng lá rơi, không một làn gió thoảng... Hình như cả không gian, cả vạn vật đang cùng với sư-cô tọa thiền, nhập định...

Hết sức nhẹ nhàng, hết sức cẩn trọng, Michael ngồi xuống sau lùm cây, mắt không rời cái hình ảnh tuyệt vời mà một đời ôm máy đi khắp đó đây, ông chưa từng thấu được vào ống kính. Đúng thế, máy chỉ thấu được cảnh, làm sao thấu được linh hồn của cảnh! Giây phút này, cái linh hồn của cảnh đã khiến Michael rung động toàn thân. Ông chưa từng thấy ai ngồi thiền đẹp như thế, an nhiên như thế, tĩnh lặng như thế. Phải từ Tâm trong suốt lưu ly mới thể hiện được Thân thanh tịnh nhường này!

Bỗng, bức tranh tĩnh mịch bị giao động...

Có tiếng lá khô xào xạc như



bước chân nào đang tới. Michael chưa kịp có phản ứng gì thì sau bìa rừng, một mảnh hổ xuất hiện. Nó đang đi tới hướng sư-cô ngồi thiền. Michael dợm đứng lên, nhưng sư-cô chợt nói nhỏ:

- Đừng động!

Sư-cô đã mở mắt, nhưng vẫn ngồi yên trong thế tọa thiền. Mảnh hổ vẫn đi về hướng sư-cô. Khoảng cách ngắn dần...

Michael lại dợm đứng lên, dù chưa biết sẽ phải làm gì. Và sư-cô lại nói nhỏ, nhưng giọng cương quyết hơn:

- Đừng!

Mười lăm thước... Mười thước... Sư-cô vẫn ngồi yên ...

Năm thước... Nếu mảnh hổ chồm lên?!...

Toàn thân Michael tê cứng như đá, hai con ngươi mở căng, bất động...

Mảnh hổ bỗng đi chậm lại. Trong đầu Michael chỉ còn ý nghĩ lung bùng là sao hôm nay không mang theo khẩu súng nhỏ, như vẫn mang theo những lần đi chụp hình ở những nơi hoang dã?

Nhưng kìa, sao mảnh hổ dừng lại? Bây giờ nó đang đứng đối diện với sư-cô. Chỉ một cái nháy phóng, chồm lên thôi!

Nhưng nó vẫn đứng, bốn mắt nhìn nhau. Hai con mắt thú hoang ngậy ngồ nhìn vào đôi mắt thanh thần, dịu dàng của người tu hành. Có lẽ trong đời, nó chưa gặp người nào khi thấy nó mà không sẵn đuối hoặc chạy trốn. Nó dừng lại để lượng định tình hình chẳng? Và nó thấy gì? Nó thấy người đối diện vẫn an nhiên tự tại, không sẵn đuối nó, cũng không chạy trốn. Ánh mắt người đối diện nhìn nó không chút oán thù, không chút khinh khi và không cả chút nào sợ sệt. Người không hại nó. Nó chẳng hại người. Đất trời mệnh mông, núi rừng trùng điệp, cây trái bạt ngàn, can chi phải hễ luy nhau!

Phút giây thăm lặng dài tựa thiên thu...

Mảnh hổ nhúc nhích hai chân trước. Rồi nhúc nhích hai chân sau. Hai con mắt nó lại nhìn thẳng vào đôi mắt người tu hành. Giấy phút đó, hình như đôi mắt sư-cô mỉm cười với nó. Mảnh hổ thong thả quay lưng, rồi rất chậm, rất chậm, nó đi trở lại bìa rừng. Thoáng chốc, mảnh hổ đã biến mất sau vách núi.

Michael đứng phắt dậy, lao về phía sư-cô. Ông gào lên một hơi:

- Trời ơi! Thật là kinh khủng! Thật là kinh khủng! Bà đang nhắm mắt ngồi thiền, bà nhìn thấy tôi hồi nào mà ra lệnh "Đừng động! Đừng tới!" Bà không cho tôi tới, bà cũng không chạy, thế bà ngồi chờ chết à? Hay là bà không thấy con mảnh hổ? Không phải! Bà đã thấy tôi thì phải thấy mảnh hổ chứ! Bà có biết nó đã đứng gần bà tới cỡ nào không? Trời ơi! Sao bà lại mỉm cười như không có chuyện gì xảy ra vậy? À, chắc bà không biết tiếng Anh, bà không hiểu tôi đang nói gì! Rắc rồi qua! Tiếng Việt thì tôi lại chỉ biết có dăm câu: "Chào bạn, bạn có khỏe không?"

- Thí chủ biết chừng đó là tốt quá rồi! Với người Việt Nam thì chỉ cần một câu chào thân ái cũng có thể trở thành tri kỷ.

- Trời ơi, bà biết nói tiếng Anh và lại còn nói hay quá nữa!

- Cảm ơn thí chủ.

Sư-cô vừa nói, vừa đi chậm về phía một cây đại thụ gần đó. Michael hấp tấp bước theo:

- Thưa bà... Thưa bà...

Sư-cô dừng lại trước một cái am nhỏ, mái và vách đều kết bằng cỏ tranh, cột với nhau bằng những khúc cây rừng. Michael lại buột miệng kêu lên:

- Trời! Bà sống trong cái lều cỏ đơn sơ lạnh lẽo này ư?

Sư-cô mỉm cười:

- Thưa không! Tôi dựng am này để ngồi thiền những khi trời nhiều gió. Còn buổi sáng đẹp như sáng nay thì tôi tọa thiền trên phiến đá, như thí chủ đã thấy đó.

Michael mở lớn mắt, há hốc miệng mà nhìn sư-cô! Rõ ràng là cái cảnh suýt bị mảnh hổ tấn công sáng nay chẳng ảnh hưởng gì tới sư-cô. Con mảnh hổ tiến đến gần cũng như con chim, con sóc mà thôi. Tại sao thế? Tại sao sư-cô có thể vượt qua cái cảm giác sợ hãi của bất cứ một con người bình thường nào? Hay sư-cô này không phải là người mà là Phật?

Michael đã đôi lần được nghe người bạn gái Việt nam kể chuyện về khả năng huyền nhiệm của Đức Phật Thích Ca. Chẳng hạn như khi Ngài đang thuyết kinh Pháp Hoa trên đỉnh núi Linh Thứu thì Bảo Tháp của Đức Phật Đa Bảo hiện ra trên không trung. Tất cả chúng hội có mặt đều ước mong được chiêm ngưỡng Phật thân của

Đức Phật Đa Bảo đang ngự trong tháp. Muốn mở cửa tháp phải có sự chứng kiến tất cả hoá thân của vị Phật đang thuyết pháp nên khi đó Đức Phật Thích Ca đã dùng thần lực vô biên mà gọi vô số vô lượng hoá thân của Ngài, đang giảng pháp khắp tam thiên đại thiên thế giới về hội tụ.

Người bạn gái kể bằng sự vô cùng thành kính nên tuy chưa thực tin mà Michael cũng chẳng dám phản đối, chỉ nghe, rồi phát biểu bằng những câu lửng chừng "Thế à, hay quá nhỉ!"

Bây giờ đây, chính Michael vừa chứng kiến một sự thật khó tin, một sức mạnh tinh thần vô biên, tiềm ẩn trong một hình hài mong manh nhỏ bé. Ông bỗng hoang mang và lòng chợt dậy lên ý tưởng "Đây là người hay là Phật?"

- Thí chủ có tham quan Tu Viện thì xin mời.

Michael giật mình như vừa choàng cơn mộng ảo, vội hấp tấp trả lời, như sợ sư-cô sẽ biến mất:

- Vâng... vâng... tôi muốn lên thăm Tu Viện... Tôi cũng muốn... thưa sư-cô, tôi cũng muốn được thưa chuyện với sư-cô ít phút. Tôi muốn... được sư-cô cho nghe đôi chút về Đạo Phật.

- Quý hoá quá! Sáng nay còn sớm, tôi cũng được thông thả. Mời thí chủ theo tôi lên Thiền-đường lễ Phật, rồi xuống thư quán kể bên, tôi sẽ pha trà sẵn và hân hạnh hầu chuyện thí chủ.

Trà được rót ra tách sứ, thơm ngát hương sen. Nâng tách trà lên, Michael cảm thấy lòng rung động, bồi hồi khôn tả, không thể ngờ rằng, mới đây thôi, tưởng như không thể tránh nổi phải chứng kiến cảnh thật nát xương tan, mà phút này lại đang được ngồi bình yên trong căn phòng đầy kính sách Phật với tách trà bốc khói ngạt ngào.

- Thí chủ mới lên đây lần đầu?

- Thưa vâng. Tôi tên là Michael, Michael Chandler. Tôi là nhiếp ảnh gia của tạp chí National Geographic. Tôi được một người bạn Việt Nam cho biết trên này mới thành lập một Tu Viện Phật Giáo. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở đây, hy vọng tôi sẽ ghi được những tấm hình độc đáo để giới thiệu Tu Viện trong tạp chí số tới. Những sáng nay...

- Thí chủ vẫn còn bị xúc động vì cảnh tượng sáng nay?

- Thừa vâng. Tôi sẽ khó mà quên được, từ hình ảnh toàn bích thân tâm khi sư-cô toạ thiền trên tảng đá, tới tới sự bình tĩnh an nhiên khi mảnh hổ xuất hiện...

Sư-cô khoan thai, từ tốn chia sẻ:

- Hân hạnh được thí chủ tham quan. National Geographic là một tạp chí nổi tiếng lâu năm. Mỗi tấm hình trong đó là một nghệ thuật, mỗi bài viết trong đó là một tác phẩm. Trước đây, tôi đã từng được nhiều lần xem qua. Sáng nay, trong khi toạ thiền, tuy khép hờ mắt nhưng nghe tiếng bấm máy, tôi biết là có người đang chụp hình. Tiếng mảnh hổ dẫm trên lá khô, tôi cũng biết, nên khi thí chủ định có hành động, tôi phải lên tiếng ngăn, bởi thí chủ đứng lên lúc đó sẽ rất nguy hiểm.

- Còn sư-cô? Sư-cô ngồi yên đó chịu trận thì có nguy hiểm không?

- Cũng có thể nguy hiểm.

Michael không thể không hỏi cái câu đang đầy ứ trong lòng:

- Sư-cô không sợ ư?

Sư-cô điềm đạm trả lời:

- Thừa không.

- Sao lại không? Sao lại có thể không sợ hãi khi nhìn thấy nguy hiểm trước mắt, nhất là sự nguy hiểm này chỉ trong tích tắc sẽ cực kỳ đau đớn, cực kỳ thê thảm.

Sư-cô mỉm cười:

- Thí chủ lên đây uống trà vì nôn nóng muốn biết sao sáng nay tôi không sợ hãi, chứ chưa hẳn là muốn nghe Đạo Pháp, có phải không? Chẳng được sự sợ hãi cũng do thảnh thơi phần nào lời Chư Phật chỉ dạy. Để ta lòng thí chủ, tôi xin chia sẻ đôi chút trong khả năng còn rất hạn hẹp của tôi thôi.

Sư-cô rót thêm trà cho khách và cho mình rồi chậm rãi nói:

- Tại sao chúng ta sợ hãi? Bởi chúng ta sợ mất. Chúng ta sợ mất những gì? Chúng ta sợ mất nhiều thứ lắm! Sợ mất tiền của, mất tình nghĩa, mất danh vọng, mất sức khoẻ, mất mạng sống... v.v... Nhưng trước khi con người hiện hữu thì những thứ đó ở đâu? Từ đâu đến? Nó không có và chẳng từ đâu đến, ngay cả thân mạng ta cũng chỉ do hội đủ duyên hợp mà thành. Như chiếc lá ngoài khung cửa kia, nhìn lá tươi non trong tiết trời đầu năm, ta tưởng chiếc lá vừa trổ ở mùa

xuân nắng đẹp, nhưng thật ra chiếc lá đã có mặt trong đất, trong nắng, trong mưa, trong gió... từ lâu, rất lâu... khi đủ duyên thì trổ lá. Cũng vậy, khi chiếc lá rụng xuống, ta tưởng như chiếc lá vừa chết ở mùa thu nhưng thật ra, khi duyên hợp giữa đất, cát, nắng mưa... không hội đủ thì chiếc lá đã không còn hiện hữu từ lâu, có thể rất lâu rồi... Quán chiếu tự thân để nhìn kỹ vào lý Duyên Sinh Vô Ngã thì sự hiện hữu của con người cũng vậy, Con người chỉ hiện hữu do đủ duyên hợp, mà chưa từng sanh diệt, đến đi...

Michael bàng hoàng:

- Vậy ra bản chất của con người cũng không thật?

- Thí chủ có chấp nhận được điều đó không?

Michael nâng tách trà lên, ngẫm ngía, trong lòng như có điều gì vừa vỡ oà ra. Chiếc tách này, trước khi đến tay ông, nó là gì? Ô, nó là Không! Nó chẳng thể là gì nếu không có đất, có men, có nước, có lửa, có người thợ gốm... Duyên hợp phải đủ, nó mới thành cái tách. Cái nọ ở trong cái kia, cái nọ vì cái kia mà có.

Chỉ một thoáng nhìn, sư-cô biết rằng người khách đã hiểu điều căn bản, nên nói tiếp:

- Ta đã không thật thì sao lại dựa trên Cái Không để sợ mất Cái Ta Tưởng Là Có? Ta đã không thật thì tiền bạc, danh vọng, thân mạng mà ta nghĩ rằng của ta, thuộc về ta, những cái đó có còn thật không?

Michael ngơ ngẩn:

- Thừa không! Nhưng sao con người lại luôn có những cảm thọ vui buồn, thương ghét, sợ hãi... dựa trên những cái không thật đó?

- Bởi chúng ta đã huân tập lâu đời với vọng tưởng, để mọi cảm nghĩ chạy qua lăng kính phân biệt của vọng tưởng dẫn ta vào chốn mê lầm. Đức Phật từng khẳng định là mỗi chúng sinh đều có Phật tánh nhưng do vô minh che lấp mà không tự biết. Phật tánh là cái Tâm Chân Thật hay gọi nôm na là Cái Thấy Biết Thường Hằng, chỉ nhận sự vật Như-Thị, như chúng Đang-Là, mà không qua lăng kính phân biệt.

Nghe tới đây thì Michael không thể không hỏi rõ hơn:

- Vậy là sáng nay sư-cô chỉ nhìn mảnh hổ bằng Tâm-Chân-

Thật, chỉ ghi nhận đó là mảnh hổ mà không qua lăng kính phân biệt là nó ác hay hiền nên sư-cô đã không sợ hãi?

- Đúng thế.

- Thừa sư-cô, tôi e rằng ở trường hợp này, cái nhìn của Tâm-Chân-Thật có hơi cực đoan vì bản tánh của mảnh hổ vốn ác. Gặp nó mà không chạy thì coi như tự sát. Không hiểu sao sáng nay nó lại bỏ đi, thay vì nó chồm tới, vỗ sư-cô mà cắn xé thì sao?

- Thì sự hiện hữu của tôi dưới dạng xác thân này đã hết. Một, trong muôn trùng sự chuyển hoá trên từng từng sát na ở thế gian này mà thôi. Và chẳng, có vì hoảng loạn mà chạy thì sức tôi cũng làm sao chạy thoát được sức của mảnh hổ!

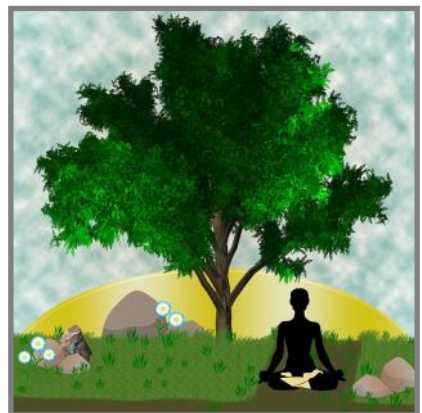
Một cảnh huống bất ngờ. Dăm phút trà đàm. Có thể thôi mà Michael ngỡ như vừa sống qua nhiều kiếp. Những gì từng bám rễ trong tâm thức như vừa bật gốc!

Khi giã từ sư-cô, quay trở lại nơi đậu xe, Michael đã xuống núi, về lại thành phố. Ông không thấy cần thiết phải gặp bạn trên Tu Viện nữa. Trong lòng ông chỉ còn hình ảnh cái am cỏ dưới gốc đại thụ. Hai hình ảnh thật tương phản. Thảo am chẳng nhỏ đại thụ mà lớn hơn, cũng như đại thụ chẳng vì thảo am mà nhỏ lại. Nhưng thảo am bé nhỏ vẫn đứng đó, đại thụ dững mảnh vẫn vươn cao. Vạn vật bao la hiện hữu trong an nhiên tự tại.

Còn con người? bao giờ con người đều mang Tâm-Chân-Thật để Một Là Tất Cả, Tất Cả Là Một mà thanh thản với nhau?

Huệ Trân

*(Tào-Khê tịnh thất – Thoáng
chốc, đã ngót hai thập niên mà
ngỡ như mới hôm qua!
Mảnh hổ năm xưa đã luân hồi
hay vẫn còn quanh quẩn chốn
rừng sâu?)*



Trò đáp: "Vâng, trong sự chú tâm, con thấy tâm là tham sân si."

Thầy nói: "Đó là cái tỉnh thức với tâm rỗng rang, cái tỉnh thức với cái chưa từng được biết. Con chú ý tiếng chuông sẽ sinh rồi diệt, không từ đâu và cũng không về đâu. Cũng như ngọn nến, hết bắc thì lửa tắt, lửa sinh rồi diệt, không từ đâu và cũng không về đâu. Tất cả pháp đều vô ngã như thế."

Thầy gõ một tiếng chuông. Rồi nói: "Khi buông bỏ các pháp, tất cả đều vốn rỗng rang, tịch lặng. Và nhận ra như thế, tâm con lúc đó cũng là tham sân si. Đó là chú tâm, là tỉnh thức với tâm không biết, với tâm luôn luôn không vương bận gì."

Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa viết rằng người nào thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ được giải trừ ba thứ độc và đáp ứng hai thứ mong cầu của chúng sanh. Nhận ra tánh vô tự tánh của cái nghe và âm thanh, là là ba độc tham sân si. Hai thứ mong cầu của chúng sanh là sanh con trai (nơi đây là trí huệ, là tỉnh thức với cái vô ngã, cái luôn luôn mới, cái chưa từng biết), và sanh con gái (nơi đây là lòng từ bi, thương xót khi nhận ra chúng sanh xoay vòng mãi trong khổ đau, mà không biết xoay ngược cái nghe).

Phẩm Phổ Môn cũng viết rằng, bất kỳ ai nhận ra Tự Tánh Quan Âm là sẽ thoát được bảy nạn: đó là nạn lửa, nạn nước, nạn quỷ La-sát, nạn đao gậy, nạn ác quỷ, nạn công cùm lao tù, và nạn oán tặc. Tất cả đều là cảnh giới của tâm, và sẽ là thể giới hiện tướng tương ứng của tâm. Và khi tâm hoàn toàn thanh tịnh, cảnh giới tương ứng sẽ hiện ra, như trong 2 bài kệ đầu tiên của Kinh Pháp Cú nói, rằng pháp sẽ bám theo tâm y hết bóng với hình.

Độc giả muốn tìm đọc sách Quan Âm Tế Độ, xin liên lạc với dịch giả Nguyễn Văn Sâm: samnguyen20002002@yahoo.com.

Tác phẩm hiện đã phát hành ở Quận Cam, nhưng chưa thấy bán trên mạng trực tuyến.



SIÊU THỊ

Siêu thị này có lần mình quen

Chiều cuối đông phố mới lên đèn

Hàng cây đỏ lá chờ cơn gió

Hứa một đêm dài chắc lặng yên

Em đẩy xe qua hàng trái cây

Này em... xoài, bưởi, măng cầu đây

Quê hương một góc trời thu hẹp

Gió Lá Thiêu về hoa mận bay

Em lựa giùm anh mấy quả dứa

Để anh tìm lại Bến Tre xưa

Thắp nhang cúng mẹ chiều đông muộn

Mà thấy trong lòng nặng gió mưa

Em lựa giùm anh nhãn hột tiêu

Dây com nhỏ hột đất quê nghèo

Nước non ngàn dặm xanh màu mạ

Mát mặt trưa hè gió Bạc Liêu

Em chọn giùm anh quả sầu riêng

Sầu riêng... ai nỡ để mình em

Lòng như một thoáng tình khơi dậy

Lửa cháy bùng lên mấy nỗi niềm

Em đẩy xe qua hàng rau xanh

Này em! Rau húng với rau cần

Ngò gai... đâu nữa thời thơ ấu

Đâu bát canh chua mẹ để dành?

Em đẩy xe qua hàng đồ khô

Gói tiêu Xuân Lộc lúc giao mùa

Lựa cân hủ tiếu trong... trong vắt

Nhớ chén nước lèo quán Mỹ Tho

Chọn cho anh... cà phê Trung nguyên

Mời hay đất nước dầu ba miền

Cũng mê hương vị cà phê đặc

Cái nhớ... vào lòng kẻ ngoại biên

Em lựa cho anh tất cả gì

Vô vàn... mất hết từ ngày đi

Để anh thấy lại quê hương cũ

Một thoáng xa rồi... buổi biệt ly

Siêu thị này anh đã chờ em

Đường xa hun hút nẻo đi tìm

Chiều sang... từ những chiều đông trước

Vọng tiếng bên trời, nắng mới lên.

thơ HỒ THANH NHÃ

Độc Tác Phẩm “Quan Âm Tế Độ”: Kho Tàng Phật Học Chữ Nôm

NGUYỄN GIÁC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tác phẩm nhan đề *Quan Âm Tế Độ*, nơi bìa có ghi thêm đề phụ là: *Chuyện tu hành khó khăn của Đức Phật Bà Quan Âm, gia tài văn học Phật Giáo Chữ Nôm*. Do Nguyễn Văn Sâm phiên âm dịch chú giải, và Nguyễn Hiền Tâm đính chánh.

Bìa trọng ghi là: *Truyện Nôm Quan Âm Diệu Thiện*, từ nguyên tác *Quan Âm Tế Độ Diễn Nghĩa Ca*. Nhìn sơ khởi, thấy trước tiên, đây là một tác phẩm mang văn phong Nam Bộ. Khi người viết mở bất kỳ, thí dụ, ra nơi trang 175, thấy dòng thứ 3479 viết “*Tay chun buộc trối thiết tha*” là thấy ngay giọng người miền Tây. Thứ nhì, đây là thơ lục bát, trong văn phong ưa thích ngâm nga của dân miền Tây, cho thấy cách hoẵng pháp của cổ đức khi phiêu dạt từ miền Bắc hay Trung về khai phá miền Nam, đã viết lên truyện thơ chữ nôm này để hoẵng pháp.

Nơi trang bìa sau là các lời giới thiệu:

“- Truyện thơ Nôm Phật giáo thế kỷ 19 dài hơi nhất trong lịch sử văn học Việt Nam và văn học Phật giáo.

- Chuyện về cuộc đời tu hành khó khăn vô vàn của Công Chúa Diệu Thiện, nước Cao Ly.

- Tấm gương kiên định và chịu đựng vì đạo của người tu hành chơn chánh.

- Truyện diễn tả cụ thể lý Nhơn Quả không bằng thuyết giảng.

- Cùng với những tác phẩm Phật Giáo Miền Nam quan trọng trước đây như: (1) *Truyện-thơ Lưu Hương Bảo Quyển*. (2) *Tuồng Quan Âm Du Địa Phủ*. (3) *Kinh Hồi Dương Nhơn Quả*, đã góp phần tạo nên đời sống văn hóa, chơn chất, mộ đạo của người dân Miền Nam.

- Tác phẩm nên đọc và suy gẫm của người muốn sống đời thánh thiện, kiên nhẫn.”

Nơi trang 11 tới trang 19 là bài viết nhan đề “*Bài Giới Thiệu Truyện Nôm Quan Âm Tế Độ Do Giáo sư Nguyễn Văn Sâm Phiên Âm ra Chữ Quốc Ngữ*” của Cư sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang. Gần như tất cả những gì cốt tủy để nhận định về tác phẩm này đã được Cư sĩ Huỳnh Kim Quang nêu lên. Thêm nữa, có một chương đầu tập thơ nôm nhan đề “*Dẫn Nhập Của Nguyễn Văn Sâm*” từ trang 21-28 đã nêu ra các điểm quan trọng để đọc

giả thuận lợi khi đọc truyện thơ nôm này.

Vậy thì, bây giờ nên viết gì để giới thiệu sách này nữa? Người viết do dự, nhiều tuần lễ, nếu bình luận như một tác phẩm đời thường hẳn là không thích nghi với một tác phẩm Phật học, nhất là khi sách nói lên công hạnh của ngài Quan Âm Diệu Thiện (đã được dân gian hóa thành truyện). Do vậy, nơi đây xin giữ vai một người đọc rất đời thường.

Sách *Quan Âm Tế Độ* dày 516 trang, do nhà xuất bản Nhân Ái ấn hành 2022, với sự bảo trợ của Viện Việt Học, California, 2022. Viết theo thể thơ lục bát, dài 7228 câu. Truyện thơ chia làm 12 hồi. Nội dung theo thứ tự sau.

Hồi thứ nhất: Tôn giả giáng thế, đầu thai làm đàn bà để độ chúng.

Hồi thứ hai: Diệu Thiện không muốn lấy chồng, bị phạt ra huê viên tưới cây.

Hồi thứ ba: Công Chúa Diệu Thiện vào chùa.

Hồi thứ tư: Công Chúa Diệu Thiện bị hỏa thiêu, không cháy.

Hồi thứ năm: Công Chúa đi chơi địa phủ, rồi trở về cõi trần.

Hồi thứ sáu: Ngài Thái Bạch nghênh đón, rồi đưa Công Chúa

về Chùa Hương Sơn.

Hồi thứ bảy: Oan hồn tăng ni báo thù Trang Vương.

Hồi thứ tám: Đến huê viên, Diệu Nguyên, Diệu Âm dâng biểu cầu nguyện.

Hồi thứ chín: Phò Mã, Công Chúa dâng đồ mọn.

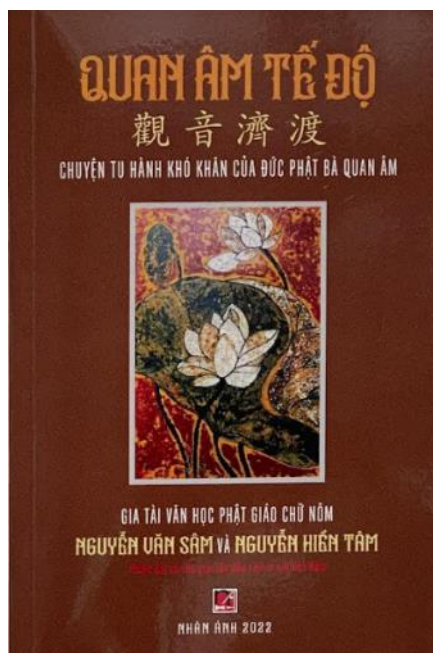
Hồi thứ mười: Công Chúa biến thành Hòa Thượng đi cứu nạn rồi trở về Hương Sơn.

Hồi thứ mười một: Công Chúa xuống hoa viên độ hai chị.

Hồi thứ mười hai: Đại Đế Tra Châu Bộ Đạo Thành, Tặng Phong.

Nếu độc giả muốn đọc nguyên văn bản Chữ Nôm, sách này có chụp lại copy từ trang 327 tới trang 512, tức là 185 trang nguyên bản chữ Nôm. Nghĩa là, ấn bản *Quan Âm Tế Độ* này, vừa thích nghi cho người đọc chữ quốc ngữ đơn giản, vừa có tài liệu nguyên bản cho các học giả muốn đọc chữ Nôm tận gốc.

Thực tế, đây là truyện, tức là có hư cấu, với



đầy đủ các chi tiết ly kỳ gay cấn, cũng như phim ảnh, để lấy Chánh pháp nhà Phật biến thành món ăn văn hóa cho người đời thưởng. Bởi vì, chúng sinh thích nghe thơ, thì người hoằng pháp làm thơ; chúng sinh thích đọc truyện, thì người hoằng pháp viết truyện. Chỉ tiếc rằng, chúng ta không rõ tác giả truyện thơ Quan Âm Tế Độ là ai, có phải là tăng sĩ hay là cư sĩ, để chúng ta có thêm thông tin khả dĩ nhìn rộng thêm về bối cảnh văn học thời kỳ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.

Ngay từ dòng đầu đã cho thấy yếu tố truyện, chứ không có yếu tố sử, là nơi Chương Dẫn có ghi nhan đề “Nhiên Đăng Cổ Phật xuống trần, truyền đạo cho Công Chúa Diệu Thiện.” Theo kinh điển, Nhiên Đăng Cổ Phật là một vị Phật thời quá khứ, đã thọ ký cho tu sĩ Sumedha nhiều kiếp về sau sẽ thành Phật là Phật Thích Ca Mâu Ni. Còn chuyện “xuống trần” hay “lên trần” nghe y hệt như phim bộ Hồng Kông, là để tạo yếu tố gay cấn cho truyện.

Có một điểm để suy nghĩ: có phải tác giả cố ý ẩn danh? Để rồi thời gian sau, bản thảo rơi vào tay ai đó, hay được chuyển qua ai đó, để tới khi gặp cơ duyên, “Hai tín nữ nước Đại An Nam quyền tiền, kính khắc in: Nguyễn Tử Ngươn, Hoàng Diệu Trước”... Bản khắc in vừa nói là tháng 7 âm lịch năm Mậu Thân (1908).

Nhà Tây Sơn sụp đổ năm 1801, vừa hơn 100 năm trước đó. Lúc đó, nhà Nguyễn cần quét nhà Tây Sơn, thời kỳ đầu đã trả thù búng tận gốc, trấn áp cả chùa chiền Phật giáo, vì Nguyễn Lữ (em út của ba anh em nhà Tây Sơn) là một nhà sư, xuất gia rất sớm. Đó cũng là lý do nhà Tây Sơn khi thịnh thời đã ưu đãi một số tăng lữ nhà Phật. Và đó cũng là lý do nhà Nguyễn ban đầu tập trung ưu đãi Nho giáo, đàn áp các thế lực Phật giáo cực đoan. Và đó có phải là lý do, vài chục năm sau, tác giả phải ẩn danh khi viết Quan Âm Tế Độ (vì tác giả có thể là thế hệ con cháu Tây Sơn đang chạy vào Nam lẫn trốn). Trong truyện thơ Nôm này, chúng ta thấy có sự tranh chấp gay gắt giữa Nho giáo và Phật giáo, khi Công Chúa Diệu Thiện đòi vào chùa đi tu, nhưng ba mẹ cứ lấy chữ hiểu ra áp lực, bảo con vua sao lại đi tu được, phải bắt ép lấy chồng. Chúng ta nơi đây chỉ nêu giả thuyết thôi. Và không có chứng cứ nào có thể xác tín.

Truyện nhà Phật đương nhiên, ưu tiên là nêu lý nhơn quả, khuyên tu hướng thiện, dạy dỗ độc giả “Gái trai lớn nhỏ, nín mà nghe kinh.” (QATĐ, câu 2). Nghĩa là, đối với tác giả (tiểu thuyết gia ẩn danh), những lời dạy này là ghi lời Đức Phật dạy, nên mới gọi đây là kinh, và bảo độc giả phải “nín mà nghe kinh.” Phong thái làm thơ của tác giả cho thấy kiểu bậc trưởng thượng, có thể là một nhà sư hay một người từng nắm quyền lực, chứ không phải kiểu một nhà thơ lang thang bụi đời như Bùi Giáng, cũng không phải kiểu thơ mộng dấn vặt như Nguyễn Du. Văn phong bậc trưởng thượng lộ ra ngay từ đầu truyện thơ:

*Khuyên cùng cô bác trẻ già
Gái trai lớn nhỏ, nín mà nghe kinh.
Quan Âm diễn nghĩa phân minh
Nhơn quả tội phúc luận đàm như in
Nghe thời chớ khá làm thinh
Hồi tâm hướng thiện, chớ khinh nơi làm...*
(QATĐ, câu 1-6)

Thêm một điểm để ghi nhận, rằng tác giả truyện thơ này rất mực kiên nhẫn. Học giả, đương

nhiên, giỏi chữ Nôm tới mức sáng tác truyện thơ Nôm, tất nhiên phải là học giả lớn. Đặc biệt là phải dư thì giờ, nghĩa là đầu tư công sức vào truyện thơ này lâu dài. Quan Âm Tế Độ dài 7228 câu (cách đếm khác, cổ thể gọi là 7226 câu). Trong khi đó, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du dài 3254 câu thơ, chưa dài tới phân nửa Quan Âm Tế Độ. Và trong khi đó, nguyên tác *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn bằng chữ Hán, dài 483 câu (cách đếm khác, là dài 476 câu thơ). Nghĩa là, rất mực nhiệt tâm với công việc hoằng pháp đạo Phật qua truyện thơ Nôm này.

Truyện bản theo huyền thoại, tích Quan Âm Diệu Thiện có thể thấy ở Cao Ly, ở Ấn Độ, ở Trung Hoa... nhưng đưa vào thơ lục bát với văn phong rất mực Miền Tây Nam Bộ, tác phẩm Quan Âm Tế Độ ghi rành mạch rằng đây là tác phẩm viết cho dân Việt Nam. Có thể rằng trong thời ly loạn sau nội chiến Tây Sơn – Chúa Nguyễn (kéo dài từ 1787–1802), với kiểu trả thù khắc nghiệt của Vua Gia Long, không chắc gì nửa thế kỷ đã thực sự làm cho dân tứ xứ muốn lòng bình an như một. Nơi đây, chúng ta trích ra 10 câu thơ cuối ẩn bản Quan Âm Tế Độ:

*Cùng trong một điểm linh đài
Hóa ra muôn phép cứu hoài chúng sanh
Khuyên người chớ khá đấu tranh
Trì trai niệm Phật, cảnh thanh tịnh về
Thành công chúng quả Bồ-đề
Cứu huyền thất tổ khỏi bề đọa sa
Nay trong cõi nước Nam ta
Phổ môn có đức Phật bà Quan Âm
Niệm ngài thường niệm tại tâm
Dẫn xem sự tích ca ngâm cho tường.
(QATĐ, câu 7217-7227)*

Nước Nam ta, trong câu 7223, tức là không phải Trung Hoa, Cao Ly, Nhật Bản, Ấn Độ. Phổ môn, trong câu 7224, là chỉ về một phẩm trong Kinh Pháp Hoa. Nói “cùng trong một điểm linh đài” là nói về Một Tâm, Nhất Tâm, tức là, không hề có chuyện Nhiều Tâm, không hề có chuyện Tâm Ta hay Tâm Người. Quan điểm Một Tâm thường được hiểu là Đại Thừa (Mahayana - còn gọi là Bắc Tông), hiểu theo nghĩa dị biệt với Trưởng Lão Bộ (Theravada - còn gọi là Nam Tông). Nhưng trong tận cùng, Đức Phật cũng nhiều lần tuyên thuyết về Một Tâm trong Pali và Tạng A Hàm, đặc biệt là trong 2 nhóm Kinh được Đức Phật cho chư tăng dùng như Kinh nhật tụng trong những năm đầu Đức Phật hoằng pháp. Phổ môn cũng chính là Một Tâm, vì là cánh cửa lớn để vô lượng chính sinh nương dựa vào để giải thoát. Tức là, từ một điểm linh đài, hóa ra muôn phép cứu hoài chúng sanh.

Trong Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Môn còn được gọi là vừa Mật Giáo, vừa Hiền Giáo. Nói Mật Giáo là khi chưa ngộ, nhưng khi ngộ rồi, sẽ thấy là Hiền Giáo. Câu cuối sách là nói rằng sự tích ca ngâm Quan Âm Tế Độ cần “cho tường” – tức là cần làm sáng tỏ. Bởi vì “Niệm ngài thường niệm tại tâm” nghĩa là niệm đức tánh của ngài, niệm công đức của ngài, luôn luôn “niệm tại tâm” chứ không phải là “xưng danh ngài” và cũng không phải là gọi tên ngài. Nói “niệm tại tâm” chính là lặng lẽ, giữ trong tâm hạnh Từ Bi của Bồ Tát Quán Thế Âm, chứ không có nghĩa là “niệm nơi miệng” hay gõ mõ rung chuông đọc tên ngài.

Một số người chất vấn rằng Bồ Tát Quán Thế Âm là nhân vật không có thật trong lịch sử. Chúng ta có thể trả lời bằng cách chỉ vào ngôi chùa trước mắt, rằng đừng tưởng ngôi chùa đó có thật; rồi chỉ vào mình và vào người đối diện rồi nói rằng, đừng tưởng rằng tôi hay bạn là có thật. Đức Phật dạy rằng tất cả các pháp vô ngã, không thể tìm ra một cái gì có một mảy may để gọi là có thực, và do vậy, cũng không thể chỉ ra một cái gì gọi là phi thực, vì thực tướng là lìa cả Có và Không. Bồ Tát Quán Thế Âm là đức tánh từ bị hiển lộ trong tâm của người đã giác ngộ; phía mặt bên kia của ngài là Bồ Tát Quán Tự Tại là trí tuệ viên mãn hiển lộ trong tâm của người đã giác ngộ.

Truyện thơ này có nhiều câu dạy pháp Tịnh Độ như trong câu thơ thứ 894: "*Lạy đưa ngàn lạy, thầy về Tây Thiên.*" Tức là có các cõi, như có Tây, có Đông, có Nam, có Bắc. Truyện thơ như thế, hy vọng sẽ độ cho nhiều thành phần của Phật tử Nam bộ. Nhưng trước câu đó khoảng nửa trang, truyện thơ này kể chuyện Đức Phật Nhiên Đăng dạy pháp cho Công Chúa Diệu Thiện:

*Hư linh nhứt điểm luyện ròng
Minh tâm kiến tính khỏi vòng trần duyên.*

(QATĐ, câu 871-872)

Đây lại là ngôn phong Thiền Tông. Đã "hư" tức là không thấy được, không dò được, không dấu tích nơi đâu, nhưng lại "linh" tức là linh hoạt thần diệu. Phải tu cái tâm hư và linh đó. Phải sáng tâm (minh tâm), phải thấy tánh của tâm (kiến tính), mới thoát được bụi trần, lìa được duyên nghiệp. Vậy thì, làm sao minh tâm kiến tính?

Hai bài kệ đầu tiên của Kinh Pháp Cú là về tâm, cho thấy tất cả các cảnh nơi thế giới ngoại xứ và nội xứ của mình là do tâm mà ra: "*Tất cả các pháp là do tâm dẫn đầu, do tâm làm chủ, được tạo ra từ tâm. Nếu với tâm ô nhiễm, một người nói hay hành động, khổ đau sẽ theo người đó như bánh xe lăn theo chân con bò kéo xe. Tất cả các pháp là do tâm dẫn đầu, do tâm làm chủ, được tạo ra từ tâm. Nếu với tâm trong sạch, một người nói hay hành động, hạnh phúc sẽ theo người đó, như bóng không bao giờ rời.*"

Cho nên, đối với Thiền Tông, là giữ ý chỉ "**tất cả các pháp là do tâm tạo ra.**" Hay là, còn nói, **ngoài tâm không có pháp.**

Trong Kinh SN 35.23 (The All Sutta), Đức Phật dạy rằng: "*Các tỳ khưu, những gì là tất cả? Mắt và cái được thấy (sắc), tai và cái được nghe (thanh), mũi và cái được ngửi (hương), lưỡi và cái được nếm (vị), thân và cảm thọ xúc giác (xúc), tâm và cái được tư lường (pháp). Đó gọi là tất cả. Các tỳ khưu, nếu có ai nói rằng: 'Bác bỏ cái tất cả này, tôi sẽ cho thấy cái tất cả khác --- đó sẽ chỉ là lời khoe khoang trống rỗng từ phía của y. Nếu bị hỏi tới, y sẽ không thể trả lời, và thêm nữa, y sẽ bị đọc. Vì sao? Các tỳ khưu, bởi vì cái đó sẽ không nằm trong giới vực của y.'*"

Và tới đây, đối với Thiền Tông, là giữ ý chỉ "**vô tâm**" hay là, **hãy buông bỏ hết mọi tâm, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chỉ là một tâm tinh thức với cái Không Biết vô cùng vô tận** – nghĩa là, buông bỏ cái tất cả mà Đức Phật nói trong Kinh vừa dẫn. Vì kế tiếp trong kinh vừa dẫn ở Tạng Pali là Kinh SN 35.24 (Pahanaya Sutta: To Be Abandoned), Đức Phật dạy rằng: "*Các tỳ khưu, cái gì là Pháp để buông bỏ tất cả? Phải buông bỏ mắt. Phải buông bỏ cái được thấy*



GS Nguyễn Văn Sâm và phu nhân là nhà văn Trần Ngọc Ánh.

(sắc). Phải buông bỏ nhãn thức. Phải buông bỏ nhãn xúc. Và bất kỳ cảm thọ nào khởi lên từ nhãn xúc, dù là dễ chịu hay đau đớn, hay không khổ không lạc cũng đều cần phải buông bỏ... Tương tự, phải buông bỏ tai (buông bỏ nhĩ thức, buông bỏ nhĩ xúc...), mũi, lưỡi, thân... Tương tự, phải buông bỏ tâm. Phải buông bỏ cái được tư lường (pháp). Phải buông bỏ ý thức. Phải buông bỏ ý xúc. Và bất kỳ cảm thọ nào khởi lên từ ý thức, dù là dễ chịu hay đau đớn, hay không khổ không lạc cũng đều cần phải buông bỏ... Các tỳ khưu, đây là Pháp để buông bỏ tất cả." (Dịch đối chiếu từ nhiều bản Anh văn.)

Khi tâm đã buông bỏ hết, thì sẽ nhận ra tâm là hư và linh, rằng tâm không hề ở đâu, tâm không lộ ra vết tích gì, nhưng tâm hiện ra toàn thể thế giới trước mắt, bên tai... Và trong cái tâm không ở đâu, hay còn gọi là cái tâm bao trùm khắp pháp giới, sẽ thấy tánh của tâm chính là tánh vô tự tánh. Chúng ta cũng có thể thắc mắc: tại sao Đức Phật dạy hãy buông bỏ tất cả các pháp? Đơn giản vì, tất cả đều vô thường, đều vô ngã, vì mắt tai mũi lưỡi thân ý và sắc thanh hương vị xúc pháp đều vô thường, đều vô ngã, đều cần được thấy tướng tận là thực tướng vô tướng. Và thấy thế, là tâm không trụ vào đâu hết, tâm vô sở trụ, cũng chính là buông bỏ, là đoạn tận thế giới này.

Chúng ta thử đọc lại các câu thơ đã dẫn trên về Phổ môn, tức là cửa lớn thần diệu, bao trùm pháp giới, mà trong Quan Âm Tế Độ gọi là "hóa ra muôn phép cứu hoải chúng sanh." Lúc đó, mới ngộ ra hạnh Quán Thế Âm, thì bên tai, trước mắt... tất cả đều thanh tịnh. Nhưng, tại sao chư Tổ chọn phẩm Phổ môn làm pháp chính yếu với ngài Bồ Tát Quán Thế Âm là đương cơ? Đơn giản, vì ngộ pháp yếu, nương vào âm thanh là dễ nhất.

Hãy hình dung thế này, để chú giải về Phổ môn. Vị thầy nói với trò: "Bây giờ, đừng nghĩ ngợi gì, hãy chú tâm, chuẩn bị nghe. Thầy sẽ gõ chuông."

Học trò đáp: "Thưa Thầy, con đang chú tâm, chuẩn bị nghe."

Thầy nói: "Ngay khi con chú tâm như thế, khi âm thanh chưa phát khởi, nơi đó tâm con đã lìa tham sân si. Đúng không?"

TRƯƠNG PHU

(Kính ngưỡng thầy Tuệ Sỹ)

*Gió ngàn thổi mát thị thành
Quang minh lại tỏ trời xanh lại gần
Một đời gầy guộc dần thân
Sá gì danh phận phước phần thế gian*

*Già lam sáng danh đạo vàng
Sây lau phơ phất mà càn khôn xoay
Quê hương tị địa thảng ngày
Nâu sông áp ủ tâm ngày trí hùng*

*Nước non muôn sự nghiệp chung
Trương phụ nào quản khôn cùng hiểm nguy
Sa môn khắng khái đại bi
Cũng vì tứ chúng mà đi sao đành*

*Dương cầm thánh thót âm thanh
Tiếng tơ Thích tử còn canh cánh lòng
Kẻ từ xuất sĩ nhập dòng
Giữ gìn chánh pháp khơi thông cội nguồn*

*Danh văn lợi dưỡng nhẹ buông
Dốc lòng hoằng hóa giống chuông hộ trì
Thiền môn dựng lập thanh quy
Truyền thừa thọ ấn cũng vì tương lai*

*Tâm đan chẳng chút đơn sai
Cơ đồ Phật pháp ngày mai hãy còn
Cà sa lỏng lẻo nước non
Vương quyền bất bái là con Phật đà.*

GIAO MÙA

*Trời đất chuyển mùa
Khí trời dịu dịu
Một vài chiếc lá vàng sớm giữa ngàn xanh
Không trung vẫn tràn mây trắng
Nắng chan hòa
Tôi cảm nhận từng tế bào thay đổi
Như những chiếc lá xanh đang chuyển màu
Ở độ tuổi này mọi việc trôi qua rất mau
Chỉ cái khổ của đời không hề khác
Tự thuở hồng hoang*

*Mùa đang lên
Vạn vật sinh sôi rồi hoại diệt
Riêng sự khổ có bao giờ hết
Mùa lá đẹp và những con người đẹp
Trời đất giao mùa tôi lại thấy nao nao
Cơn say sắc muôn màu sắp đến*

*Bất lực trước vô thường
Tận hưởng phút giây sanh diệt
Hết cũ lại thanh tân
Mỗi mùa lên tái tạo một lần.*

(Ất Lăng thành, 09/22)

thơ

ĐỒNG THIÊN



Độc bài thơ

“Hoàng Hạc Lâu Tổng Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng” của Lý Bạch

LAM NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trước khi đọc thơ của Lý Bạch chúng ta cũng nên nhắc lại tiểu sử của thi hào đời Đường này.

Lý Bạch 李白 (701- 762) là nhà thơ lớn của văn học cổ điển Trung Hoa. Người đời đã tặng ông cái danh "Thi Tiên" và có nhiều người truyền đi tin rằng: "Lý Bạch là ngôi sao Thái Bạch giáng thế" hay Lý Thái Bạch; lại có kẻ bảo rằng ở giữa lưng ông có một cái xương đặc biệt, gọi là "xương kiêu ngạo" mà chữ Hán gọi là "ngạo cốt 傲骨". Thi hào Lý Bạch tự là Thái Bạch hiệu Thanh Liên Cư Sĩ. Cho đến nay, chưa có ai xác quyết được ông sinh ở đâu: Người thì cho ông ở tỉnh Cam Túc, kẻ nói Tứ Xuyên, Sơn Đông; cũng có thuyết rằng Lý Bạch thuộc ngoại tộc. Gần đây trong văn học sử Trung Quốc cho rằng: Thi hào Lý Bạch quê ở Thành Kỷ, Lũng Tây (nay ở gần huyện Thiên Thủy, tỉnh Cam Túc, sinh trưởng tại làng Thanh Liên, huyện Chương Minh, thuộc Miên Châu (nay là huyện Miên Dương, Tứ Xuyên). Căn cứ theo Thảo Đường Tập của Lý Dương Bỉnh, thì Tổ Tiên thi hào Lý Bạch ở Tây Thành, đến cuối đời nhà Tùy can tội nên bị đuổi đến Tây Vực và gia đình ông phải đổi họ, thay tên. Đến đời Trung Tôn nhà Đường mới dời về Tứ Xuyên. Cho nên người Tứ Xuyên vẫn nghĩ rằng gia đình Lý Bạch chỉ là khách trú mà thôi! Vì vậy, họ gọi thân phụ của ông là Lý Khách 李客. Địa thế của Tứ Xuyên có nhiều phong cảnh đẹp và hai ngọn núi hùng vĩ là Nga Mi và Thanh Thành với những cây cao, rừng rậm, suối

mát, sông trong đã gieo vào lòng của Lý Bạch những hình ảnh tuyệt vời mà chúng ta đã tìm thấy trong thi ca của nhà thơ vĩ đại thời nhà Đường này. Lý Bạch được người bạn là Hạ Tri Chương 賀知章 tiến cử đến vua Huyền Tông 玄宗 tức Đường Huyền Tông 唐玄宗 và được vua phong chức Hàn Lâm Viên 翰林院. Nhưng sau đó, bọn nịnh thần và Dương Quý Phi ghét nên xúi vua không dùng ông nữa. Nhân loạn An Lộc Sơn nổi lên, Đường Huyền Tông phải chạy vào đất Thục và ra lệnh cho Lý Lân là con thứ 16 của vua để bảo vệ miền Trung. Lý Lân chuẩn bị quân đội tiến vào Trường An, nhưng lúc bấy giờ con thứ 14 của vua Đường đã lên ngôi tại Linh Vũ gọi là Đường Túc Tông cũng chuẩn bị quân đội để chống lại An Lộc Sơn. Lý Lân có âm mưu giết Túc Tông nên Túc Tông đã ra tay trước giết Lý Lân. Thi hào Lý Bạch lại tham gia trong quân đội của Lý Lân nên bị khép án tử hình. May nhờ ân nhân cũ là Quách Tử Nghi xin cho khỏi tội chết nhưng Lý Bạch phải bị đày đến Dạ Lang. Hai năm sau ông được ân xá, lúc đó ông đã 60 tuổi rồi. Tuy đã già yếu nhưng thi hào Lý Bạch còn sáng tác rất dồi dào và ông tự nhận mình phải có trách nhiệm "Cải Biến Văn Phong". Rồi năm 761, nhân lúc Sử Triều Nghĩa giết Sử Tư Minh, thế lực An Lộc Sơn đã yếu nên Đường Thái Uy muốn đem quân đi diệt Sử Triều Nghĩa, Lý Bạch xin cùng đi dẹp giặc nhưng nửa đường bị bệnh thành thử phải trở về và năm sau thì qua đời, thọ 62 tuổi!



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

Thi hào Lý Bạch đã để lại cho đời hơn ngàn bài thơ mà hôm nay chúng tôi xin đọc bài thơ *Hoàng Hạc Lâu Tống Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng* 黃鶴樓送孟浩然之廣陵 và có sách chỉ đề *Tống Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng* 送孟浩然之廣陵 mà thôi:

"Cổ nhân tây từ Hoàng Hạc lâu
故人西辭黃鶴樓
Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu
煙花三月下楊州
Cô phàm viễn ảnh bích không tận
孤帆遠影碧空盡
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.
惟見長江天際流
(Lý Bạch)

Chúng tôi xin giới thiệu 4 bài dịch sau đây:

*Bạn từ lầu Hạc lên đường
Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng
Bóng bướm đã khuất bầu không
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.*
(Ngô Tất Tố)

*Bạn tự phương tây biệt Hạc Lâu
Tháng ba hoa khói xuống Dương Châu
Cánh bướm xa tít vào xanh thẳm
Trời nước Trường Giang vẫn một màu.*
(Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đan)

*Bạn cũ rời chân Hoàng Hạc Lâu
Giữa mùa hoa khói xuống Dương Châu
Bướm ai mất hút trong mây biếc
Chỉ thấy Trường Giang vẫn chảy mau.*
(Trần Trọng San)

*Phía tây bạn biệt Hạc Lâu
Tháng ba thấy xuống Dương Châu thuận dòng
Cánh bướm bóng hút màu không
Trông xa trắng xóa nước sông bên trời.*
(Trần Trọng Kim)

Trong những bài dịch trên của những vị thi nhân, học giả nổi tiếng Việt Nam, nếu ta xét từng điểm chính của nguyên tác thì còn nhiều bài dịch chưa lột hết được cái hay, cái đẹp của nó. Cho nên dịch là một việc rất khó, nhất là dịch thơ!

Trong nguyên tác câu thứ nhất:

*Cổ nhân tây từ Hoàng Hạc lâu
故人西辭黃鶴樓*

Nghĩa là người bạn cũ tạ từ Lý Bạch tại lầu Hoàng Hạc, nằm phía Tây. Trong 4 bài dịch trên, chúng ta chỉ thấy có 2 câu nhắc đến chữ "Tây" mà thôi:

Bạn từ phương tây biệt Hạc-lâu
(của Thi-sĩ Bùi Khánh Đan)
và câu:

Phía tây bạn biệt Hạc-lâu
(của học giả Trần Trọng Kim)

Vì sao chúng tôi lưu ý chữ "Tây 西," có phải là việc làm quá tần mẫn như chẻ sợi tóc làm đôi không!? Chính cá nhân chúng tôi đã từng gặp nhiều người cho rằng bạn của Lý Bạch đi về hướng Tây. Trong tập II Thơ Đường của Trần Trọng San có viết: "Cổ nhân từ biệt lầu Hoàng Hạc đi sang phía Tây" và trong Đường Thi của Ngô Tất Tố cũng đã dịch: "Bạn mình từ biệt lầu Hoàng Hạc đi lên

phía Tây." Nếu ta xét 2 chữ "tây từ 西辭" thì ta thấy rõ là "từ biệt phương Tây" và nếu ta đọc tiếp câu thứ 2 "Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu," ở đây chữ "hạ" phải đọc là "hã" vì nó là động-từ có nghĩa là "đi xuống." Nhờ thế mà ta biết phía Tây một cách rõ ràng hơn và có thể xác định là bạn của Lý Bạch tức thi sĩ Mạnh Hạo Nhiên 孟浩然 từ biệt phía Tây (tức lầu Hoàng Hạc) trẩy xuống phía Đông (tức Dương Châu). Trong quyển *Thi Từ Hân Thường* của Đại Chúng Thư Cục ấn hành bằng Hán-văn giảng như sau: "Ngã đích lão bằng hữu, tòng Tây diện từ biệt liêu Hoàng Hạc Lâu" (có nghĩa là Người bạn già của tôi, ở phía Tây từ biệt lầu Hoàng Hạc). Hơn nữa nếu chúng ta hiểu rõ về địa thế, phương hướng của Hoàng Hạc Lâu và Dương Châu thì sẽ xác định rõ là Dương Châu ở phía trực đối với Hoàng Hạc Lâu. Chỉ một chữ "Tây" của thi hào Lý Bạch cho ta thấy cái "tình diệu" trong thơ Đường!

Trong câu "Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu", hai chữ "yên hoa 煙花" làm cho nhiều người thắc mắc. Có phải đây là cảnh hoa lộng khói hay cảnh mưa bụi giữa mùa hoa nở nên thi hào Lý Bạch mới cảm thấy như lớp khói phủ ngàn hoa. Đây là cả sự diễm lệ của Đường-thi! Chúng ta thường gặp chữ "yên" trong những câu thơ Đường như: "Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa 煙籠寒水月籠沙" của Thi-sĩ Đỗ Mục 杜牧 và "Yên ba giang thượng sử nhân sầu 煙波江上使人愁" của Thôi Hiệu 崔顥.

Mở đầu bài thơ Thi hào Lý Bạch cho ta thấy hình ảnh phồn hoa nơi người bạn của ông là Mạnh Hạo Nhiên 孟浩然 sắp đến (tức Dương Châu) có thể ẩn ý nằm trong 2 chữ "yên hoa" vì Dương Châu lúc bấy giờ là nơi phồn hoa đô hội. Lý Bạch vốn bản chất phong lưu, lãng bạt nên khi thấy bạn cất bước ra đi làm lòng ông cũng rạo rức, cái rạo rức của kẻ yêu sông hồ:

*"Cổ nhân Tây từ Hoàng Hạc lâu
Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu."*

Cái buồn thấm thiết trong 2 câu này không hiện rõ ra nhưng nó nằm ẩn sâu bên trong. Tác giả không nhắc đến sầu 愁, không nói đến chữ tình 情 mà người đọc thấy sầu, cảm nghe tình chan chứa. Đó là cái "diệu" trong Đường-thi!

Rồi thi hào Lý Bạch 李白 hạ xuống câu thứ 3:

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận
孤帆遠影碧空盡*

Đã vẽ rõ cái lưu luyến của người ở lại. Cái nghệ thuật hội họa ở đây thật tinh diệu; tinh diệu ở chỗ lấy "bích không tận" làm "phông" để nói lên người bạn cổ tri đã mất hút theo cánh bướm! Đó là chỗ khéo (tức chữ Công), chỗ tinh (tức là Thực) của những dòng thơ trác tuyệt đời Đường.

Và để kết Lý Bạch hạ bút:

*Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu
惟見長江天際流*

làm cho độc giả lặng buồn theo với trời, nước Trường Giang mệnh mông!

Lam Nguyên 藍源
(HOA KỲ chiều hôm nhớ Thi sĩ Hồ Dzếnh)

MẮT PHẬT

Quên rồi lời gió nhẩn mây
Bông hoa quên nở
mặc ngày trời lên

Nổi chìm bao cuộc lênh đênh
Chân chai đá cứng
giọt mềm mận môi

Một màu hoa nở riêng thôi
Dưới thêm rêu phủ
lên ngôi nổi buồn

Hồn thiêng chuông nguyện lời chuông
Chơ vơ khỏi lạnh
làn hương vô hình

Rụng bông hoa đại im thinh
Từ bi mắt Phật
cúi nhìn nhân tâm

Lưng chừng tàn cuộc trăm năm
Trắng xanh vơi vơi
mảnh rằm treo nghiêng...

TRÊN ĐỈNH NON THIÊNG

Trèo lên đỉnh núi mà chơi
Nhân gian ngó xuống xem đời đục trong
Một vườn hoa nở thong dong
Bao la bát ngát bành bồng gió mây

Phật Bà ngự đóa sen bay
Đỉnh thiêng sụp lạy trước đài từ bi
Lặng im nghe đá trầm thì
Cúi đầu đánh lễ đá quỳ cùng hoa

Trèo lên đỉnh núi nhìn ta
Thấy mình nhỏ bé sao mà đáng thương
Trộm cười mắt lá rung sương
Ơ hay tia nắng vô thường ghé qua

Trèo lên đỉnh núi hóa ra
Chưa là gì cả mà xa bụi trần
Nhọc nhằn cũng bởi lụy thân
Lên cao xuống thấp
an bằng mới hay...



DẶN LÒNG

Dặn lòng như đất hiền khô
Tham sân si mạn lô nhô đứng ngời
Nghìn câu niệm Phật đầu môi
Tâm viên ý mã đến rồi lại đi...

Dặn lòng như nước từ bi
Lửa sân ngục tham si não phiền
Nghìn lời kinh tụng luyện thuyền
Làm sao hàng phục tâm triền phược đây?

Dặn lòng nhẹ tựa trời mây
Thị phi ân oán chất đầy phạm tâm
Khói hương mờ mịt u trầm
Cổ buồn lại chấp sao tầm thong dong?

Dặn lòng "sắc tức thị không"
Trăm hồng nghìn tía uống công dã tràng
Mồ chuông âm vọng mơ màng
"Không tức thị sắc" lại càng luyến lưu

Dặn lòng quên sạch chữ tu
Vô tâm đối cảnh, vô ưu hiện tiền
Vិន cảnh mộng tưởng đảo điên
Trì kinh niệm Phật, ai thiền mặc ai

Dặn lòng ngó cái Bồn Lai
Ai còn chẳng thấy
Còn ai dặn lòng...?

thơ **TỊNH BÌNH**



HIỂN THÂN XÁC CHO Y KHOA HỌC

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Chúng tôi gặp nhau rất tình cờ. Hôm đó ông Vinh tới thử máu và đo huyết áp trong một Hội Chợ Y Tế do nhóm thiện nguyện Việt- Mỹ tổ chức. Ông ta mang kết quả tới nhờ tôi giải thích vài điều mà ông thắc mắc. Sau đó Vinh đột nhiên rụt rè nói, "Tôi muốn hiến tặng thân xác cho khoa học khi tôi chết, liệu bác sĩ giúp tôi làm thủ tục được không?" Tôi hơi ngạc nhiên nhưng thấy Vinh có vẻ thành thực nên nói chuyện thêm với Vinh vài phút rồi xin số điện thoại để sau này gặp lại.

Hơn tuần lễ sau tôi mời ông tới chơi để tìm hiểu. Trò chuyện thì nhiều nhưng tập trung vào việc hiến xác. Ông cho hay là hiện nay sống một mình, có việc làm với bảo hiểm sức khỏe và hưu bổng đầy đủ, gia đình con cháu ổn định, đời sống cá nhân an lạc. Ý nghĩ hiến xác ông đã có từ lâu, vì thấy khoa học ở đất nước này tiến bộ quá, mình hưởng được nhiều phúc lợi thì bây giờ trả ơn vì nghe nói thân xác được dùng trong các nghiên cứu của khoa học gia cũng như sinh viên Y khoa thực tập...

Ý nghĩ của ông Vinh mang người viết trở lại với thời kỳ học Y khoa khi xưa. Hai năm đầu, có môn Cơ Thể Học, vừa lý thuyết vừa thực hành ngổ hầu hiểu rõ được sự cấu tạo của cơ thể con người. Đây là một trong nhiều môn học quan trọng nhất để đào tạo bác sĩ và các nhà chuyên môn về sức khỏe khác. Thực hành là cầm cùi trên những hình骸 vô danh, tay dao tay kéo kéo từng đường gân, thớ thịt, mạch máu để có cái nhìn cụ thể. Thầy dạy là vị giáo sư khả kính và các sinh viên đàn anh. Thầy có giọng nói truyền cảm hấp dẫn, lời giảng rõ ràng minh bạch lâu lâu chêm vào một câu nói vui vẻ để đám học trò bớt căng thẳng. Nét vẽ của thầy trên bảng đen thật tuyệt vời, đầu ra đó, rất thành thạo, nhanh và diễn tả đầy đủ tác phẩm kỳ diệu của tạo hóa là con người. Đó là Giáo sư Y Khoa Nguyễn Hữu, Giám Đốc Cơ Thể Học Viện trong nhiều thập niên của một thời xa xưa...

Những hình骸 vô danh nằm trên bàn đá lạnh trong căn phòng nhỏ ngợp mùi phóc-môn tại Cơ Thể Học Viện, đường Trần Hoàng Quân Chợ Lớn, tới từ đâu, không ai biết. Có thể là từ tự hiến hoặc bán xác của bệnh nhân bệnh viện Chợ Quán, viện tâm thần Biên Hòa hoặc tử thi trôi sông dạt biển, tử tội vô thừa nhận. Nhưng những hình骸 đó đã giúp sinh viên Y khoa rất nhiều và đã được ghi ơn, nâng niu tôn trọng trong khi thực tập. Mỗi đây, đồng nghiệp Phan Bảo Khánh tại Sài Gòn, rất xúc động với những người hứa nguyện hiến xác đã có ý kiến "*Họ đã ra đi nhưng còn đó những bó cơ, mạch máu, từng bộ phận cơ thể... cho chúng ta giảng dạy, nghiên cứu để phục vụ cho khoa học*

và cao hơn là vì cuộc sống tươi đẹp. Họ là những người bất tử."

Các viện nghiên cứu khoa học, trường y, bệnh viện trên khắp thế giới đều khẩn khoản mong ước được đón nhận những "người bất tử" như vậy. Vừa mới ra đi thì các bộ phận tốt lành tức khắc được ghép cho người bệnh có nhu cầu, mang lại đời sống gần như bình thường cho họ. Trong vài ba năm thì hình骸 liên tục được mổ xẻ, nghiên cứu mang lại những hiểu biết về chữa trị, phòng ngừa nan bệnh.

Với hình骸 để nghiên cứu, đơn vị thu nhận sẽ ướp xác với formaldehyde chích vào mạch máu để các mô bào được cất giữ, tránh hư rữa. Đó là lý do thân xác phải toàn vẹn để có thể tẩm liệm ướp giữ. Đôi khi xác cũng được cất giữ bằng cách ướp với chất nhựa dẻo plastic.

Thủ tục hiến xác cũng giản dị. Một văn bản ngỏ ý muốn hiến, ký tên bên dưới với 2 người trưởng thành làm chứng, gửi tới cơ quan nghiên cứu mà mình muốn tặng đỡ. Người hiến tặng cũng ở tuổi thành niên hợp pháp.

Chẳng hạn như:

"Tôi ký tên dưới đây là Nguyễn Văn Trần, 72 tuổi, hiện ngụ tại số 1234 đường Marie Curie thành phố Sơn Lâm, trong tâm trạng rất tinh tảo, sáng suốt, làm giấy này nguyện hiến tặng thân xác tôi, khi mãn phần, cho Bệnh viện của trường Đại học Y Khoa với mục đích góp phần vào sự tiến bộ y khoa học và giáo dục."

Tôi hiểu rằng ý nguyện của tôi cần phải được ban Giám đốc của trường cứu xét và chấp nhận. Trong trường hợp ý nguyện của tôi không được thỏa mãn, thân nhân của tôi sẽ đứng ra lo phần tang chế."

Tôi cũng đồng ý là tất cả hồ sơ Y khoa của tôi được chuyển giao cho trường để hiểu rõ tường tận về tình trạng sức khỏe của tôi."

Tôi cũng ý thức rằng thời gian mà trường xử dụng thân xác tôi cho mục đích y khoa học và giáo dục có thể kéo dài cả 2, 3 năm."

Tôi yêu cầu những ai lo việc hậu sự của tôi thông báo ngay cho trường về sự mãn phần của tôi."

Ngày tháng năm tại địa phương mình đang cư ngụ

Ký tên.

Hai người làm chứng đồng ký.

Và nhớ cho thân nhân biết rõ ý định của mình để tránh trường hợp bất đồng ý kiến sau này. Cũng lưu ý rằng, một lúc nào đó mình không muốn hiến tặng thì chỉ cần viết một văn bản đối ý gửi cho cơ quan thụ hưởng. Các cơ quan này có

thể là Trường Đại Học Y Khoa, các viện nghiên cứu y khoa học.

Y nguyên cần được đơn vị thu nhận đồng ý tùy theo tiêu chuẩn riêng của họ và tùy theo mỗi quốc gia. Chẳng hạn có nơi từ chối nếu người hảo tâm có tiền sử bệnh truyền nhiễm như viêm gan các loại, HIV, lao; phỏng nặng, thương tích trầm trọng, chết đuối, quá mập phì, đói ăn cơ thể bắt đầu rửa hũy, đã có ý định quyền sinh... Có cơ quan chỉ nhận thân xác toàn vẹn, không hư rửa, chưa bị mổ khám nghiệm tử thi, không bị lấy đi một bộ phận để cấy ghép trị bệnh, ngoại trừ giác mạc của mắt.

Người hiến được cấp một thẻ ghi nhận hiến xác để luôn luôn mang theo mình, phòng khi cần khẩn cấp.

Tại Hoa Kỳ, hiến bộ phận có thể thực hiện tại nơi thi bằng lái xe và sẽ được ghi chú trên bằng này.

Trong thời gian nghiên cứu, hình hài sẽ được cơ quan thụ hưởng bảo tồn trang trọng, đảm bảo chân giá trị của người hiến tặng cũng như tôn trọng quà tặng mà người cho đã trao cho.

Sau nghiên cứu, hình hài sẽ được hỏa thiêu và được đưa về cho thân nhân mai táng nếu họ muốn, hoặc sẽ được bệnh viện long trọng rải trên biển cả hoặc trong lòng đất. Cát bụi trở về cát bụi.

Người cho không được hưởng một hiện kim hiện vật nào. Đó là quy luật của chính quyền, để tránh mua bán hoặc kẻ bắt lương đạo mỗ trộm xác. Bệnh viện chi trả phí tổn chuyên trở hình hài tới bệnh viện, nếu không quá xa.

Thân nhân có thể tổ chức lễ phát tang, cầu nguyện trước khi chuyển cho bệnh viện, nhưng lưu ý nhà quan không tắm liệm. Đó là việc mà sau này bệnh viện đảm trách theo phương pháp khoa học thích hợp.

Cũng xin ghi nhận rằng, hầu hết các tôn giáo đều khuyến khích sự hiến xác để phục vụ cho mục đích cao cả khoa học vì đây là một cử chỉ vị tha, bác ái, tử bi.

Kết luận

Để kết luận, xin ghi lại cảm nghĩ của nam ca sĩ Ngọc Sơn, khi ký giấy hiến xác cách đây mấy năm: *"Con người sinh ra từ cát bụi, lia trần thì cũng trở về với cát bụi. Nếu đem thân xác đi chôn vùi trong lúc các trường Y họ thiếu tiêu bản người để thực tập và nghiên cứu khoa học thì phí phạm quá. Tôi muốn phụng sự cuộc sống cả sau khi mình đã chết."*

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



TUỔI ĐỜI

*Tuổi đời bảy chục đã qua
Tám mươi sẽ đến chỉ là thời gian
Hằng ngày niệm Phật tâm an
Câu kinh trì chú hạt tràng lần tay*

*Chân trời mây trắng bay bay
Về nơi vô định mới hay cuộc đời
Cuộc đời cũng chỉ trò chơi
Thăng trầm bao nỗi khóc cười thế thôi*

*Lòng ta bấy nỗi khúc nôi
Giờ chừ buông bỏ cuối đời lạc an
Xuân tàn hạ đã bước sang
Sống trong Chánh niệm an khang từng ngày!*

NHỚ CHÙA

*Không đến Chùa sao lòng ta thấy nhớ
Nhớ làm sao khi vắng tiếng chuông ngân
Nhớ lắm chiếc lá vàng rơi trước ngõ
Nhớ những lúc cầm chổi quét ngoài sân*

*Không đến Chùa sao lòng ta thấy nhớ
Nhớ đồng hương nhớ đạo hữu thân thương
Nhớ cơm Chùa nhớ mùi chay đạm bạc
Nhớ tiếng kinh tiếng kệ nhớ mùi hương*

*Không đến chùa sao lòng ta thấy nhớ
Nhớ tiếng đôi chim hót tận cuối sân
Nhớ đạo hữu chuyện trò sau giờ nghỉ
Nhớ thương sao từng giọt nắng băng khuâng!*

thơ

GIÁC NHÃN THANH TÂM

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

DỪA KHO TIÊU

Savory coconut meat with black pepper

Coconut meat is the white edible part of this fruit. Choose the older kind of coconut for thicker meat. Cut coconut meat into bite-sized pieces. In a skillet, briefly sauté 1/4 cup of chopped leek with 1 tablespoon vegetable oil, then add about 2 tablespoons soy sauce. Add the coconut meat to the mixture; stir evenly. Season to taste with ground black pepper and soy sauce. Garnish with cilantro and enjoy this Vietnamese vegan dish.

Nguyên liệu:

- 1 trái dừa có cơm hơi cứng
- 1 cây boa rô

Cách làm:

- Trái dừa đập ra lấy nước để riêng, nạo cơm dừa cắt miếng vừa ăn.



- Cho dầu vào chảo, phi boa rô cho thơm rồi cho ít nước tương vào.
- Cho dừa đã chuẩn bị sẵn vào kho chung, nêm vừa ăn.

Đầu bếp **Diệu Phương**,
nhà hàng Hoan Hỷ (Saigon)
Ảnh: Đào Ngọc Thạch



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



THIỆN HẢO THÙ VÔ TỶ

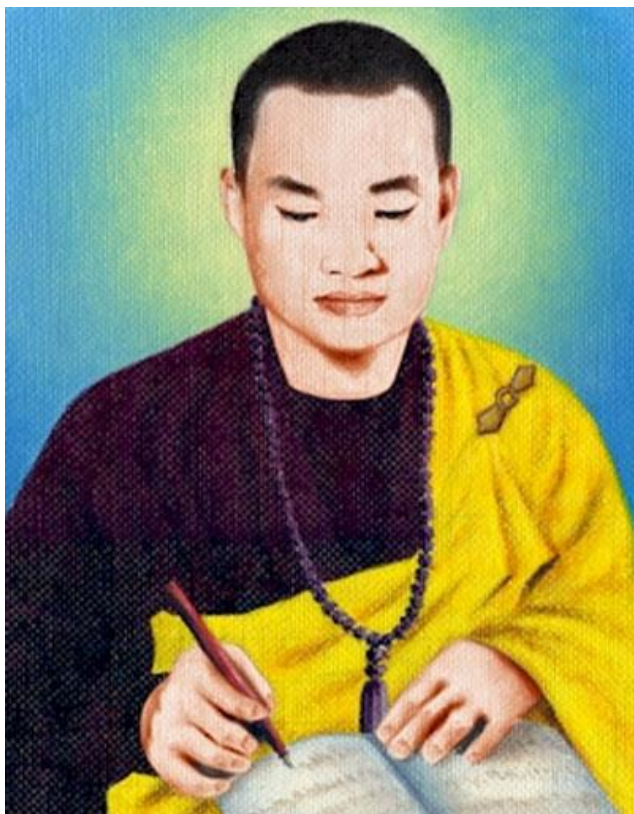
Ngài vốn là con dân của đất võ, bản tánh hiền thiện, nuôi chí xuất trần. Thuở nhỏ làm điều ở chùa làng, khi đủ hai mươi tuổi thì thọ giới tỳ kheo và tinh tấn tu học giới-định-tuệ. Mấy năm sau quốc gia xảy ra pháp nạn, chính quyền kỳ thị và đàn áp Phật giáo khốc liệt, họ có tà tâm tư ý muốn triệt hạ đạo pháp bao đời nay của dân tộc. Ngài xuống đường cùng với Phật giáo đồ đòi bình đẳng tôn giáo và tự do hành đạo, để phản đối chính quyền bất công và đòi thực thi năm nguyên vọng chung của Phật giáo đồ. Ngài đã:

- Chặt ngón trở này quyết tâm bảo vệ chánh pháp.

Chính quyền nhắm mắt làm ngơ, tráo trở và lấp liếm chuyện đàn áp. Đạo pháp và cơ đồ hiểm nguy, noi gương những thánh tử đạo khác, ngài lại:

- Đốt xác thân này soi sáng tâm địa vô minh.

Hy vọng dùng ngọn lửa để soi rọi tâm vô minh của bạo quyền và đây cũng là ngọn lửa vị pháp



ĐẠI ĐỨC THÍCH THIỆN MỸ (1940—1963)

thiệt thân cuối cùng trước khi bạo quyền sụp đổ. Tuổi đời tuổi đạo không bao nhiêu nhưng khí phách kim cương và tấm lòng vì đạo pháp khiến thiên hạ bái phục:

THIỆN HẢO THÙ VÔ TỶ SẠ MÔN TÂM BỒ TÁT HỘ PHÁP THIÊU THÂN NHẬP HÀNG THANH GIÀ
MỸ KHÍ THÂM NẠN TRÌ TU SĨ TƯƠNG TRƯỞNG PHU PHỦ TĂNG HÒA TẠNG DỰ HẠNG HÙNG SỬ.

CHÁNH PHÁP

Thế sự liên li thay đổi, thời cuộc thăng trầm vô chừng. Hậu chiến, con cháu tộc Việt tàn mác khắp nơi, sau một nhóm đông đảo tụ hội về biển tây. Ông tăng đứng ra kêu gọi:

- Dù ở đâu, dù có thể nào đi nữa cũng phải giữ lấy và duy trì cơ nghiệp của Như Lai.

Tăng tục bốn chúng lại dựng chùa đúc chuông sớm tối hành trì. Một vị thức giả vốn con cháu dòng trâm anh thể phiệt lại vừa là cựu tăng sĩ, nhần nhủ:

- Pháp hành là quan trọng nhưng phải có pháp học, dựng chùa là quý nhưng dựng người lập trí còn quý hơn.

Bấy giờ thân sơ, xa gần lại góp phần tạo lập một tờ bảo để truyền bá Phật pháp, duy trì văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc. Tăng tục tùy theo năng lực và tâm lực mà góp trí lực để tạo dựng một cơ quan ngôn luận độc lập, không chịu sự khống chế của ma vương hay bất kỳ thế lực nào:

CHÁNH ĐẠI QUANG MINH CHUYỂN PHÁP HỒNG SÂM CỔ TRUYỀN.

VĂN TUỒNG

Năm ấy ngoại theo ông đi buôn đường phèn, đường cát... ra tận Hải Phòng, vào Sài Gòn, lên Nam Vang... Thiên hạ trách thầy Hương Cả:

- Gã con gái cách tình xa đường chi vậy? Sao không gã gần để nó còn sớm hôm thăm viếng.

Thầy Hương Cả cười:

- Nhân duyên sao biết được? Tùy duyên mà theo thôi.

Ngoại cứng cỏi, giỏi giang, máu khí khải, con gái mà dám đánh xe ngựa, kết bạn toàn dân có nghề, đi đây đi đó khắp miền. Thế rồi duyên số ngắn ngủi, ông mất sớm khi má vừa sanh mấy tháng. Ngoại lại bỗng con về quê. Đêm rằm văn tuồng hát bội ở sân đình, nằm võng hò ru con:

*Bình Định tình qua còn ước yếu
Quảng Ngãi thành bậu bạn bán buồn
Vì đâu xa cách cội xa nguồn
Qua đây thương bậu sao tuồng văn nhanh.*

ĂN Ở THẾ NÀO

Mấy nay dân mạng lẫn dân đời hả hê ra mặt, thậm chí người ta còn mừng như mở hội khi nghe ông thủ té từ lầu cao mà chết, ông đốc bị đụng xe mà toi, bà chủ tịch bị ra tòa... toàn những vị tai to mặt lớn, ông nọ bà kia. Có người thắc mắc:

- Ăn ở thế nào mà dân lại mừng khi quan bị nạn?

Thế rồi có mấy vị tu sĩ kết thân với quan gia cũng bị đem ra đàm tiếu:

- Gần mực thì đen gần đèn thì rạng gần quan thì đỏ gần họ ắt thâm.

Đừng tưởng dân tình khờ dễ lái, coi vậy chứ đáo để lắm, hồng che mắt được đâu. Dân mình xưa nay vẫn có truyền thống: "Nghĩa tử là nghĩa tận" nhưng giờ thì:

*Quan chết thì dân lại mừng
Ở đâu có chuyện là lòng thế chẳng
Ao vàng nộp đỏ tung tăng
Dân cười khi để ở ăn thế nào.*

NHẤT QUẢ ĐẤT

Phương nam Sa Bà có một xứ sở được mệnh danh nơi đáng sống nhất quả đất. Người xứ ấy nhiều kẻ nhếch mép cười ruồi nhưng cũng có một số cả tin ngỡ là thật. Đậu cũng ở trong số này, hôm nọ đi đường thấy dân dừng xe chờ đèn đỏ, bỗng có xe tải từ phía sau húc tới làm mấy mạng chết và nhiều người bị thương. Đậu móc điện thoại kêu cấp cứu thì nghe có giọng khê đặc quắt:

- Mày có biết bố mày là ai không? Dám quấy rầy tao giờ ngủ trưa!

Đậu chưa kịp trả lời bỗng từ đâu hai thằng cô hồn lái xe net pô lướt qua và giựt mất điện thoại luôn. Đậu ôm cái bị bàng khóc hu hu, bỗng mấy tay dân phòng đến công tay đưa về phường dân cho một trận tra hỏi:

- Mày vu cáo bị giựt điện thoại vậy có tang chứng, vật chứng, nhân chứng gì không?

Đậu bủ lu bủ loa một hồi, bọn chúng biết không kiểm soát gì được bèn tổng cổ Đậu ra đường. Trời lại đổ mưa tầm tã, chẳng mấy chốc nước ngập lên tận háng luôn. Đậu lầu bầu:

- Biết vậy hồi lên thành đem theo vỏ lãi thì khỏi tốn tiền tắc xi.

Về quê, kể lại cho vợ nghe. Vợ Đậu cười quang quác vỗ đùi cái đét:

- Zậy mà tivi cứ nói thành đô mình sẽ hiện đại hơn Sing, văn minh hơn Hàn, giàu sang hơn Ý, mỹ thuật hơn Vơ Ni Dơ (Venice). Thành đô mình là nơi đáng sống nhất quả đất!

BÙA

Giang hồ đồn đại xứ quờn có một loại người có đặc dị công năng. Bao tử họ có thể tiêu hóa bất cứ thứ gì, bởi vậy nên họ ăn tạp kinh khủng: Vàng bạc, tiền, đất, xi măng, phân bón, thuốc sâu... nói chung là ăn không thừa thứ gì. Trong số ấy cũng có kẻ kém may mắn hoặc là yếu thế nên bị đem ra làm vật tế thần. Ra tòa, y meo mào:

- Xin lỗi cụ tổng, xin lỗi triều đình, xin hãy thương tưởng đến công lao cống hiến của em mà tha cho!

Nói xong y xùy ra cả mớ bằng khen, Huy chương, huân chương... Tòa sứt sùi cảm động:



- Ăn tạp nào chỉ mình y, cả bầy sâu cùng ăn cơ mà. Y lại có nhân thân tốt, vì vậy tòa quyết định cho y về nghỉ dưỡng một thời gian, sau sẽ tùy nghi bổ dụng.

Giang hồ xem tivi thấy và nghe rõ ràng như thế bèn bảo nhau:

- Y cũng có bùa thật, nhưng quan trọng là xử "tử tế" kéo không y khai toạc ra hết thì bịt mồm sao kịp?

NHÂN TÂM TÙY MẠNG

Năm ấy quốc chủ vốn là vua đậu phộng ở xứ Đào bang. Ông ấy nho nhã, hiền lành và nhân hậu nên người đất Mơ chê:

- Quốc chủ yếu, không xứng với tầm vóc vĩ đại của quốc gia.

Sau có kẻ cục súc, thô lậu và gian trá lên làm quốc chủ. Phân nửa người xứ ấy sướng như điên, rần rật cả lên:

- Quốc chủ là đáng cứu thế, ông ấy sẽ làm cho đất Mơ vĩ đại trở lại.

Thực tế thì lão ta phá nát cả ngoại giao, nội chính, quốc sự; gây oán hận hỗn loạn khắp giang hồ, bắt tay thỏa hiệp với bọn cục súc như lão ấy. Thiên hạ trong ngoài xứ cứ dấm ngực bức tóc mà than vãn:

- Sao người đất Mơ có thể chọn lão ấy làm quốc chủ được cơ chứ?

Bấy giờ có kẻ tùm tùm cười:

- Nhân tâm tùy mạng... mờ.

Nói xong y bỏ đi một hơi không dám đứng lại vì e rằng sẽ ăn đòn của cả hai bên bên và chống.

BIẾT CHẾT LIỀN

Cuối tuần, quán cà phê đông khách, ngoài hiên có hai ông già gốc mít ngồi tâm sự, một ông khoe:

- Dâu lớn của tui làm chủ tiệm nails, dâu kế là bác sĩ thú y, dâu út là nghị sĩ tiểu bang.

Ông già kia cũng tự hào:

- Rể giữa của tui làm nha sĩ, rể út làm dược sĩ.

- Thế thằng rể cả đầu không thấy ông nhắc đến?

- Ờ, thằng đó làm thi sĩ.

- Thế thi sĩ là làm cái giống gì vậy?

- Biết chết liền ông ơi!

Thế rồi hai ông già chiêu ngụm cà phê và cùng lắc đầu quầy quậy.

Steven N
Georgia, 10/22

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH

NGỌN TÓC CỎ CÒN XANH

Tôi giữ riêng cho mình
Sợi tóc mây thời thiếu nữ
Thơm lừng hương bồ kết
Trong chiều gió nổi
Có người say đắm nhìn theo
Thả trôi vãn thơ sâu muộn
Giấu vào đôi bím tóc.

Ngày sợi tóc chẻ làm đôi
Theo chân người một nửa
Nửa kia lạc trôi theo dòng đời
Ru khúc miên trầm
Ngủ yên trong lồng ngực.

Tôi gói nụ hôn theo gió
Bay qua cánh đồng chiều ngược miền kỷ ức
Liu riu rơm rạ nặng lòng
Mong manh sợi khói không tan
Lênh loang tức ngực
Ngọn tóc cỏ còn xanh
Khi mãi lẩn trốn theo nhịp vồng thời gian
Rồi gọi thầm trong tôi
Tóc ơi! Tóc ơi!



HƯƠNG ỒI

Có một chút băng khuâng vừa chớm
Bỗng làm em thức giấc
Phải chăng hương ổi đầu mùa
Quyện trong làn gió se se buổi sớm
Trước hiên nhà thuở ấy
Ủa vào căn phòng bé nhỏ
Một thoáng thu xưa
Rèm cửa lung linh
Hồn quê chạm phỏ
Dịu ngọt.

Chân dung cũ
Chỉ một mình em cất giữ
Sao hương mùa thu chùng chênh đến vậy
Em vô tình
Hay thời gian tự lãng quên
Chưa nở đi xa
Trong khoảnh khắc
Bóng hình em chưa từng bắt gặp
Ngọt ngào trong kỷ ức
Nghe trong tiếng lá rụng
Có mùi hương ổi thơm nồng
Ngày xưa.

LỤC BÁT SEN

Gởi em một nhánh sen hồng
Cuối mùa hoa vẫn trái lòng cùng hương
Trên cành đọng mấy giọt sương
Tinh khôi như thuở vô thường đó thôi.

Gởi người thêm chút niềm vui
Mùa sen vẫn nở bao lời yêu thương
Nước hồ lóng lánh soi gương
Dâng bao nhụy thắm sắc hương cho người.

Gởi lòng đón gió ban mai
Khơi trong gạn đục cho ngày thanh cao
Chuồn chuồn chớm đậu cầu ao
Có con chiến chiến nghiêng đầu hót vui.

Gởi tình rộn rã đất trời
Lòng hoa trinh trắng bên đời lẻ loi
Tôi ngồi nhìn nắng nghiêng soi
Tháng năm trôi mất đâu người hái sen?

Thu nhớ người đứng

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tự đứng lại nhớ người đứng!
Sao không nhớ ai lại đi nhớ
người đứng?

Ở đời đôi khi có những sự việc tưởng chừng vô lý nhưng lại có lý rất vô chừng. Nhạc vàng có câu: *"Người đứng đợi hồi người đứng, từ đây cho đến ngàn sau lòng thương nhớ chẳng hề nguôi..."* Câu ca tuy có sáo ngữ, đại ngôn nhưng rõ ràng cái nhớ người đứng rất khắc khoải trong lòng của nhân vật trong bản nhạc hay cũng chính là tâm tình của tác giả bản nhạc. Ca dao bình dân thì đơn giản hơn nhưng cũng rất tha thiết: *"Gió đầu gió thổi sau lưng / Đa đầu đa nhớ người đứng vô cùng."* Rõ ràng cái nhớ thiết tha biết bao, tưởng chừng "Người đứng" rất xa lạ, mơ hồ nhưng lại nhớ không quên. Người nào không có "Người đứng" để nhớ ắt sẽ cười cợt cái nỗi nhớ nhung này, phải chăng giống như thiền gia thường bảo: "Kẻ nào có uống nước thì mới biết nước nóng lạnh thanh khiết như thế nào; kẻ nào không uống thì trọn không thể biết, dù cho có nói vạn lời cũng không thể biết."

Trời đất bắt đầu hanh hao, nắng vàng nhạt dịu dàng, không khí dịu dịu dần, lác đác những chiếc lá đổi màu sớm... Những lúc này nỗi nhớ "Người đứng" dường như tăng thêm. Đất trời càng se sắt thì lòng người càng man mác nhớ thương. Đời người thọ lắm cũng chừng trăm lần thu, có kẻ vài mươi nhưng cũng có không ít người chưa kịp biết thu là gì. Sinh mệnh, tuổi thọ con người vốn vô thường và mong manh lắm; phước mỏng nghiệp dày, thiện ít ác nhiều, tâm tướng tông sanh chiêu cảm mà ra. Ấy là con người, con vật cũng có những loài sớm sanh tối tử như bọ nước, phù du... ngược lại có những loài sống qua thế kỷ, thậm chí sống hai thế kỷ, tỷ như loài rùa khổng lồ của đảo Galapagos, Aldabra. Ngoài cảnh giới hiện hữu thực tại, còn có những cảnh giới vô hình mà mắt

người không thể thấy, tai không thể nghe chẳng hạn như cảnh giới chư thiên, quỷ thần. Các vị Phạm thiên Đế thích thì tuổi thọ lên đến tám vạn bốn nghìn đại kiếp, cảnh giới của địa ngục thì trường cửu không thể tính đếm được. Tất cả không ngoài nhân duyên, nhân duyên thế nào thì quả báo thế ấy, tất cả không ngoài một niệm tâm. Phật dạy: *"Tâm tạo tác, tâm là chủ tế, nhất thiết duy tâm tạo..."* là thế! Địa ngục thiên đàng không ngoài một tâm. Tâm địa chính là mảnh đất tâm, địa ngục không phải ở trong đất mà chính là ở trong tâm địa.

Mùa thu chỉ chừng ba tháng mỗi năm, đem thời gian ba tháng thu mà so với dòng thời gian vô thủy vô chung thì đó chẳng qua là một dấu chấm nhỏ trên con đường vô tận; từ những dấu chấm nhỏ duyên hợp mà thành thời gian, thành sơn hà đại địa, thành tất cả những cảnh giới. Tất cả do nhân duyên sanh ra thì cũng do nhân duyên mà diệt! Đem thời gian một mùa thu mà áp vào đời một con người thì cũng khá dài, đời người được mấy mươi mùa thu, tuy lý thuyết là thế, thật ra thì mạng sống con người ở giữa hai lần hơi thở mà thôi. Vạn vật ở thế gian vốn vô thường, lúc thiên hạ thái bình cũng có thể cảm nhận được sự vô thường, chứ không cần phải ở trong loạn nạn chiến chinh mới thấy được vô thường. Khi con người đối diện với ôn dịch như hiện tại đang xảy ra thì càng thấu rõ sự vô thường hơn. Có nhiều, rất nhiều người mới hôm qua còn đó mà hôm nay chỉ còn lại một nhúm tro trong hũ sành. Có biết bao nhiêu người bị cách ly và rồi chết âm thầm, thật đúng là độc sanh độc tử độc khứ độc lại. Mạng xã hội lan truyền hình ảnh một người giao hàng chờ sau xe máy một cái sọt bằng nhựa, chứa mấy mươi hũ cốt đi giao

từng nhà, cứ như giao một món hàng vậy! Thật đau lòng, dù có đau lòng cách mấy cũng phải chịu, cái thực tế phũ phàng không thể làm gì hơn được. Cơ dịch Coronavirus đã vắt qua ba mùa thu, không biết khi nào sẽ hết, chẳng một ai biết và cũng chẳng có ai dám khẳng định.

Mùa thu đẹp lắm, ừ thì đẹp đấy! Đẹp đến nao lòng. Mùa thu lúc ôn dịch hoành hành nó vẫn đẹp như đã từng trong quá khứ và vẫn đẹp trong tương lai sắp đến. Mùa thu không lệ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Mùa thu là thế, vốn thế, dù con người có đứt ruột nhớ người thân, tha thiết nhớ "Người đứng" thì cũng chẳng thể làm cho mùa thu đẹp hơn hay xấu hơn.

Từ giữa tháng mười trở đi thì mùa thu vào lúc rực rỡ nhất. Đất trời như gấm hoa muôn sắc bùng lên, có lẽ đây là lúc gấm hoa sĩ thiên nhiên cao hứng tốt độ, không còn bình tâm dùng cọ để tô vẽ từng đường nét nữa. Lúc này tâm hồn gã đã trào dâng không còn kiềm chế nổi, gã tung cả khay màu xuống cây cỏ núi rừng. Thế là sơn hà đại địa bùng lên sắc thu, thế là thu ngập trong hồn người. Một đại tiệc làm no nê thỏa mãn đôi mắt và tâm hồn những gã du tử ở trần gian. Cả một phần thể gian rực rỡ trong muôn hồng nghìn tía, đâu là góc phố tầng cây hay núi rừng sông suối, bờ nước trời mây... Mỗi nơi một cảnh sắc. Bấy giờ trần gian như ống kính vạn hoa mà ngày xưa khi còn bé ai ai cũng từng mê.

Kể cũng lạ thay, khi xuân sang tươi trẻ tràn trẻ hy vọng, hạ về nhiệt huyết cháy lên, sức sống hùng hực. Mùa đông tuyết trắng lạnh lẽo buồn lê thê... thì chẳng nhớ "Người đứng" chi cho mấy. Ấy vậy mà khi thu về lòng lại nhớ "Người đứng" tha thiết! Phải chăng tiếng thiên diêu gọi bầu bay di cư đồng vọng gọi nhớ? Phải chăng bờ nước trời mây phản chiếu tâm hồn gọi lên ảnh cũ? Phải chăng muốn sắc

gấm hoa tái hiện “Bản lai diện mục” của tâm hồn?

Làm người sống ở đời chắc ai cũng đã từng có một thời thương nhớ “Người đứng”. Ai cũng từng có một “Người đứng” để thương nhớ. Gọi là người đứng nhưng trong lòng còn thấy tha thiết hơn cả người thân. Là “Người đứng” nhưng sẵn sàng đứng hết cho “Người đứng”. Nếu là bậc đế vương thì đứng cả ngai vàng, giang san xã tắc. Cổ sử từng ghi những Kiệt, Trụ, U vương cho đến Tống Thần Tông, Đường Minh Hoàng... Với hạng thường dân thì đứng hết trái tim cho “Người đứng”. Trong vô số người đứng hết cho “Người đứng” và những cái đứng đó có thể làm tổn quốc hại dân, chí ít tàn gia bại sản, thân bại danh liệt, thất thế mạng vong... Riêng bọn nghệ sĩ mà thương nhớ “Người đứng”, dâng hết cho “Người đứng” thì lại hóa hay, lúc ấy đời có thêm những bản nhạc xuất sắc, những áng văn hay, những vần thơ tha thiết, những bức tranh tuyệt tác, những pho tượng lưu danh hậu thế...

Mùa thu nhớ người đứng cũng là phải lẽ, ai mà đếm được bao nhiêu lá đổ trong mùa thu? Bao nhiêu lá là bấy nhiêu thương nhớ người đứng. Mùa thu rực rỡ muôn sắc gấm hoa, ấy là đỉnh cao của quá trình phát triển, là lúc chín muồi của cây cỏ thiên nhiên, tất cả chín tới, tất cả bùng lên nhan sắc để rồi tàn lụi trước khi đông về. Mùa thu như ngọn đèn phụt sáng lên rực rỡ trước lúc cạn dầu. Mùa thu như người thiếu phụ đầm thắm nồng

nàn đạt đến cao độ của nhan sắc và năng lượng nhục cảm trước khi trở về già. Tuổi xế tàn thu tác động đầy nỗi nhớ “Người đứng” lần cuối trước khi quên lãng ở tuổi già. Nếu mùa xuân, mùa hạ hái hoa cỏ đại tết vòng cho em đội đầu, thì mùa thu lang thang trong muôn sắc, đập lá vàng mà nhớ “Người đứng”. Khi nhạc sĩ Phạm Duy viết lời Việt cho bài hát Pháp: *“Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo, em nhớ cho mùa thu đã chết rồi, mùa thu đã chết, em nhớ cho...”* Thật ra thì mùa thu đâu có chết mà trái tim và tâm hồn người thương nhớ “Người đứng” “Chết”. “Chết ở trong lòng một ít” - Xuân Diệu.

Mùa thu ở chốn phồn hoa độ hội như Paris, Luxembuorg, Praha, New York, Kyoto... Cảnh sắc hòa với kiến trúc cảnh quan nhân tạo, tạo nên những mảng màu tương phản nhưng đẹp đến nao lòng. Mùa thu ở chốn thiên nhiên hoang sơ: Gatlinburg, Colorado, Yellow Stone... thì cảnh sắc thiên nhiên như một biển màu sắc, những con đường xuyên qua núi rừng cứ ngỡ như đường hầm xuyên qua cõi địa đàng. Đi trong cảnh sắc thiên nhiên muôn sắc ấy, lòng nào không lay động, không nao nao nhớ “Người đứng”? Nếu không nhớ “Người đứng” thì “Người đứng” ấy đúng thật là người đứng rồi hoặc là chẳng phải “Người đứng.” Bảo là “Người đứng” nhưng chẳng đứng chút nào, từ tâm hồn, từ trong tạng thức đầy ắp những kỷ niệm, những hạt giống từng

kiếp nào đó âm thầm trôi dạt. Chẳng có cái gì hay sự việc gì mà bảo là tự nhiên cạ, nó có nhân duyên, có gốc rễ, có hạt giống ngủ ngầm tiềm ẩn lâu rồi, chỉ chờ khi đủ duyên thì nó khởi dậy mà thôi!

Cây phong lặng lẽ thả những chiếc lá đầy sắc màu rực rỡ vào lòng thu, chiếc lá chao nghiêng trong làn gió thu miền man như con bướm Monarch, từng đám lá đầy sắc màu xào xạc cuốn theo cơn gió tung khắp đồng cỏ. “Con nai vàng ngơ ngác” hay tác giả bài thơ ngơ ngác? Ngơ ngác vì sắc thu, hơi thu hay ngơ ngác vì thu mà nhớ “Người đứng”? Có lẽ cũng không cần phải trả lời, nói nữa e mất cả mùa thu.

Mùa thu ở Đào bang nói riêng hay xứ cờ hoa nói chung thường gắn liền với hình ảnh lá phong, chùm ngô khô, quả bí ngô ngô nghĩnh hay hình nộm bù nhìn cười toe toét... Mùa thu là lúc mùa màng bội thu, mùa gặt hái, mùa tích trữ để chuẩn bị đón mùa đông.

Đất trời se se lạnh, gió thu mơn man thổi, nắng nhẹ hanh hao, lá vàng rơi rơi, chim trời tha thiết gọi bầy, lòng người nao nao theo. Mình đã đến nơi này, đã có mặt trong đời, đã sống với mùa thu, đã thương nhớ “Người đứng.” Bao nhiêu dấu ấn in đậm trong tâm hồn, những hạt giống này gieo vào trong tạng thức dù là vô tình hay cố ý thì nó vẫn còn đó. Đó là lý do mà mình gặp lại và sẽ còn gặp lại nữa. Mùa thu đẹp hay mùa thu thương nhớ người đứng ấy là do mình diễn ra, riêng thu vẫn cứ là thu, chẳng đẹp chẳng xấu, chẳng thương chẳng ghét, chẳng nhớ chẳng quên, thậm chí chẳng đến chẳng đi. Nó chỉ là sự biến đổi, là chuyển biến, là phần đoạn và biến dịch mà thôi. Nhà thiền bảo hãy nhìn nó như là nó, nhìn nó đúng thật nó, như thị (look as is)!

Mùa thu là thế, mùa thu như thế, mùa thu vốn vậy! Nó mặc kệ thời gian, nó cũng chẳng cần anh họa sĩ, nhạc sĩ hay văn thi sĩ ca ngợi. Thu cứ rực rỡ muôn hồng nghìn tía mỗi khi mùa lên. Mùa thu có thương nhớ người đứng ấy cũng chỉ là sự diễn dịch của những gã du tử ngơ ngẩn sự đời.

TIỂU LỤC THẦN PHONG



MUÔN ĐỜI HIỆN HỮU

Cõi đời biển cả nương dâu
Khiến hồn thơ cũng vương sầu xót xa
Trót mang nợ cảnh yên hà
“Dương xuân triệu ngã...” tỉnh đà trót quen (*)

Gửi thân trong cõi lụy phiền
Yêu thương, đau xót vừa nghiêng lại đây
Vui khi hội ngộ sum vầy
Buồn khi hải ngã chia tay... lệ sầu

Lặng yên càng đặc càng dày
Hồn thêm xao động đời bay vạn trùng
Tay thôi chẳng thể ngáp ngừng
Ghi lời tâm sự chưa từng trao ai

Cảnh thu gợi nỗi u hoài
Ngoài hiên gió thổi bồi hồi lá rơi
Trăng khuya giấc ngủ khôn rồi
Phòng khuya bỗng rộn muôn lời phải ghi

Mênh mang đất trời huyền vi
Thi vốn đã có từ thời Tổ Tiên
Thơ còn chuyển tải đạo Thiền
Kinh thi, Pháp Cú mang nhiều chất thơ

Ngoài vòng ngôn ngữ Tây – Đông
Muôn đời hiện hữu bên dòng nhân sinh
Vì thơ vốn dĩ đa tình
Thi nhân đối cảnh sinh tình nước non
Còn mây bay lượn lưng trời
Là còn thơ, nhạc, văn chương trên đời!



(*) Lý Bạch có câu:

“Dương xuân triệu ngã dĩ yên cảnh
Đại khôĩ giả ngã dĩ văn chương.”

Tạm dịch:

Khí xuân cảnh khôĩ mời ta
Trời cao, đất rộng cho ta mượn tình.

thơ

DIỆU VIÊN

TỪ BI TRONG HÀNH ĐỘNG

Thích Nữ Hạnh Từ

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nói đến đạo Phật là nói đến từ bi, lòng từ bi, tâm từ bi, tâm thương yêu, tâm thương xót, lòng nhân từ, lòng khoan dung độ lượng, v.v... Tinh thần từ bi của đạo Phật thật rộng khắp vô biên và không phân biệt kẻ sang người hèn, kẻ thân người sơ, cấp bậc, giai cấp, màu da, sắc tộc, tôn giáo, v.v... Tinh thần từ bi đó ban rải đến khắp muôn loài chúng sanh, từ các loài động vật, muông thú cho đến cỏ cây hoa lá, núi rừng, thiên nhiên hoang dã, v.v...

Như thế, nói đến đạo Phật chính là nói đến đạo từ bi, hay từ bi là căn bản của đạo Phật. Nhưng từ bi đó luôn luôn được đặt trong hành động cụ thể chứ không phải chỉ là lời nói suông. Ngay từ ban đầu, Đức Phật cho thấy là lời nói của Ngài thường đi đôi với việc làm (tri hành hợp nhất). Ngài tuyên bố rằng: *"Ta làm những gì Ta giảng nói và giảng nói những gì Ta làm"* (1). Ngài cũng khuyên bảo các đệ tử của mình hãy làm y như Ngài.

Trong kinh Saccaka, hay kinh Kalama thuộc Trung Bộ, điều Đức Phật luôn quan tâm đó là sự nhất quán giữa lời nói và hành động. Ngài chỉ trích những đạo sư, nhà ngoại đạo, nhà tranh luận nói và làm không hợp nhất, trước sau không giống nhau, ngụy biện, quanh co với mục đích tự khen mình chê người để thu hút quần chúng (2). Do đó, nếu ai đó khẳng định một tuyên bố là sự thật nhưng hành động như thể nó là sai hay chỉ đúng một phần thì hành động đó được xem là mâu thuẫn với tuyên bố đã đặt ra.

Tuy nhiên, trong đạo Phật, từ bi luôn đi cùng với trí tuệ, trí tuệ soi sáng bản chất của sự vật hiện tượng. Đức Phật cho biết trong Kinh Vương Tử Vô Úy rằng: *"Như Lai tuyên bố đúng lúc những lời mà Ngài biết là chân thật, hiện hữu, lợi ích, dù người nghe có ưa thích hay không ưa thích, dễ chịu hay khó chịu."* (3)

Lập trường của Đức Phật là nói và làm những gì đưa đến lợi ích cho mọi người, dù điều đó không được ưa thích, khó nghe, nhưng nếu nó có ích thì

Ngài vẫn nói. Tính thực nghiệm trong giáo pháp của Phật luôn là chủ đề xuyên suốt và bao quát. Nó không chỉ liên quan đến những vấn đề chân thật, lợi ích, đồng thuận, dễ chịu đối với mọi

người, mà đôi khi cần phải tuyên bố những vấn đề gai góc, khó chịu nhưng sẽ là tốt đẹp cho mọi người miễn là có thể nhổ trừ những khối đau lâu dài như thể lấy ra một cái xương bị mắc kẹt trong cổ họng của một đứa trẻ vì lòng thương và an ổn cho nó.

Ngược lại, những gì không đưa đến lợi ích hay sự giải thoát thì Đức Phật không bao giờ thảo luận. Ví dụ cho thấy, các vấn đề về siêu hình (kinh Kalama) Đức Phật hầu như không đề cập. Rồi Ngài lấy ví dụ "một người bị trúng mũi tên độc" (kinh Malunkya-putta) để nói lên tính cấp bách của khổ đau và cần mau chóng diệt trừ nó.

Đức Phật ra đời cũng vì lòng thương tưởng đối với tất cả chúng sanh mà thiết yếu nhất là loài người. Vì sao Ngài thương tưởng chúng sanh như thế? Bởi vì Ngài biết rằng, nhân sanh thống khổ. Chúng sanh do vô minh lầm lạc, chịu đau

khổ trong chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời lẫn trong lục đạo, chịu cảnh luân hồi khổ sở, không nhận ra được chân lý sự thật, phải chịu cảnh đời sanh lão bệnh tử. Do đó, trách nhiệm của bậc giác ngộ là "độ nhất thiết khổ ách", nghĩa là khiến cho mọi người luôn được hạnh phúc an lạc.

Như vậy, từ bi là động lực chính khiến Đức Phật từ bỏ hoàng cung, xuất gia tìm đạo, giáo hóa chúng sanh. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới dạy rằng từ bi là hạnh của Bồ tát; còn đối với Bồ tát tại gia là giới. Còn theo kinh Hoa Nghiêm, từ bi chính là bản chất của Bồ đề tâm, vì thế tất cả Bồ tát đều coi Bồ đề tâm là lý do tồn tại của Bồ tát. Người phát Bồ đề tâm là để thành tựu Phật quả và giáo hóa chúng sanh. Đây chính là đường đi của Bồ tát.

Từ bi trong đạo Phật luôn đi liền với tinh thần bất hại, bất bạo động (ahimsa): không làm tổn hại, không làm thương tổn chúng sanh hay loài





vật nào. Do đó mà Đức Phật chế ra Năm giới cho người Phật tử thọ trì, tu tập cũng là tinh thần từ bi bất hại. Giới thứ nhất dạy rằng, không chỉ không giết hại chúng sanh mà còn không gây đau khổ cho chúng như là đánh đập, ngược đãi chúng sanh, mà phải có thái độ thương yêu chúng sanh. Giới thứ hai cho chúng ta biết ngoài việc không lấy cắp đồ vật của cải của người khác, mà còn không xúi dục hay vui theo khi thấy người khác có hành vi trộm cắp. Giới thứ ba quy định về việc không tà dâm chính là sự tôn trọng không xâm phạm trinh tiết của người khác cũng như vì sự an ổn cho gia đình họ. Giới thứ tư là ngoài việc tuân giữ không nói dối, lường gạt gây đau khổ và tổn hại cho người khác mà còn phải giữ gìn những điều đi kèm như nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác sẽ làm đau khổ rất lớn cho người khác. Ngoài ra, giới thứ năm tuy không trực tiếp gây tổn hại đến người khác nhưng sẽ gây ra sự thiếu sáng suốt, mất kiểm chế do hành vi say xỉn không làm chủ được mình mà gây ra biết bao hậu quả nặng nề, có khi lại phạm hết bảy cấm giới như thường thấy trong kinh điển đề cập.

Tinh thần bất bạo động là không làm tổn hại ai, dù họ có thù nghịch, có ý đồ xấu ác với ta. Câu chuyện tôn giả Punna (Phú-lâu-na) đi giáo hóa phương xa đã nói lên điều đó khi tôn giả trả lời những chất vấn của Phật:

"- Nay Punna, Sunaparanta là xứ hung bạo. Nếu họ mắng nhiếc, nhục mạ thì ông phải làm sao?

- Dạ, bạch Thế tôn, con nghĩ là họ thật hiền thiện vì họ không dùng tay đánh đập con.

- Nếu họ đánh đập ông, thời ông nghĩ sao?

- Con nghĩ, họ còn hiền thiện vì không dùng đất đá ném con.

- Nếu họ lấy đất đá ném ông thì sao?

- Con nghĩ, họ thật hiền thiện vì không lấy gậy đánh đập con.

- Nếu họ lấy gậy đánh đập ông thì sao?

- Con nghĩ, họ thật hiền thiện vì không lấy dao gươm đánh đập con.

- Nếu họ dùng dao gươm giết hại con thì con nghĩ sao?

- Con nghĩ là họ thật hiền thiện, vì như vậy sẽ sớm kết thúc thân giả tạm, ưu phiền, nhàm chán và ô uế này."

Từ bi bất hại đó lan rộng không chỉ con người và các loài động vật, mà còn cả với cỏ cây hoa lá

(thực vật, thiên nhiên) trên hành tinh này: không vô cớ chặt phá cây cối, đào bới đất đai, phá rừng, đốt rẫy... làm ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài chúng sanh, hủy hoại sinh thái và làm ô nhiễm môi trường sống của tất cả chúng sanh mong muốn được sống trong môi trường an toàn, tốt đẹp.

Tuy nhiên, vì loài người đã khai thác đến mức tột cùng của nó cho sự phát triển, khiến cho không một thứ gì có thể bảo tồn một cách bền vững và an toàn cho tất cả chúng sanh. Hơn nữa, những tranh chấp, xung đột xuất phát từ những đòi hỏi quá mức từ lòng tham của con người đã dẫn đến rất nhiều tranh chấp, xung đột, chiến tranh... càng làm hủy hoại và phí phạm tài nguyên sống đã trở nên ít ỏi trong thế giới ngày nay.

Với tinh thần ban vui cứu khổ của đạo Phật, các phong trào hòa bình, các tổ chức từ thiện, cứu tế, giúp đỡ nạn nhân chiến tranh và giúp giải quyết các hậu quả nặng nề của nó v.v... đã phát khởi một cách mạnh mẽ từ nhu cầu thực tế khổ đau của con người gắn liền với tinh thần từ bi của đạo Phật.

Tóm lại, từ bi trong hành động luôn là vấn đề cốt lõi của đạo Phật. Mọi hành vi cử chỉ luôn xuất phát từ tâm từ bi. Từ đó, mọi việc làm đều nhằm đem lại lợi ích cho mọi người, sống vị tha, đồng cam cộng khổ, cảm được cái khổ của mọi người, lấy tâm từ bi làm trọng yếu. Từ bi như thể là tinh thần lợi tha của Bồ tát, là con đường hành Bồ tát đạo, hướng đến Phật quả và giáo hóa chúng sanh. Từ bi trong hành động luôn là ý thức của một bậc minh sư soi sáng chính mình. Mọi lời nói, cử chỉ, việc làm đều nhằm giúp cho những người đệ tử của mình luôn phát khởi thiện tâm, niềm hân hoan và phát khởi trí tuệ nhằm tháo gỡ những vướng mắc và khúc mắc cho họ. Tinh thần từ bi đó là tinh thần từ bi không tham cầu, luôn bình đẳng từ căn bản là không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh của một vị tỷ kheo đệ tử của Phật.

1) Itivuttaka.122: yathāvādī tathākārī, yathākārī tathāvādī.

2) Kinh Saccaka; Kinh Kalama.

3) Kinh Abhayarājakumāra. M.i.395.



The Story of Mara (i.e. Devil/Satan)

Dhammapada, Verse 351 & 352

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (351) and (352) of this book, with reference to Mara who had come to frighten Samanera Rahula, son of Gotama Buddha.

On one occasion, a large number of bhikkhus arrived at the Jetavana monastery. To put up the guest bhikkhus, Samanera Rahula had to go and sleep near the door, just outside the chamber of the Buddha. Mara, wanting to annoy the Buddha through his son, took the form of an elephant and encircling the head of the samanera with his trunk made an alarming noise hoping to frighten him. But Rahula was unmoved. The Buddha, from his chamber, knew what was happening, and said, "O wicked Mara! Even a thousand such as you would not be able to frighten my son. My son has no fear, he is free from craving, he is vigilant, he is wise."

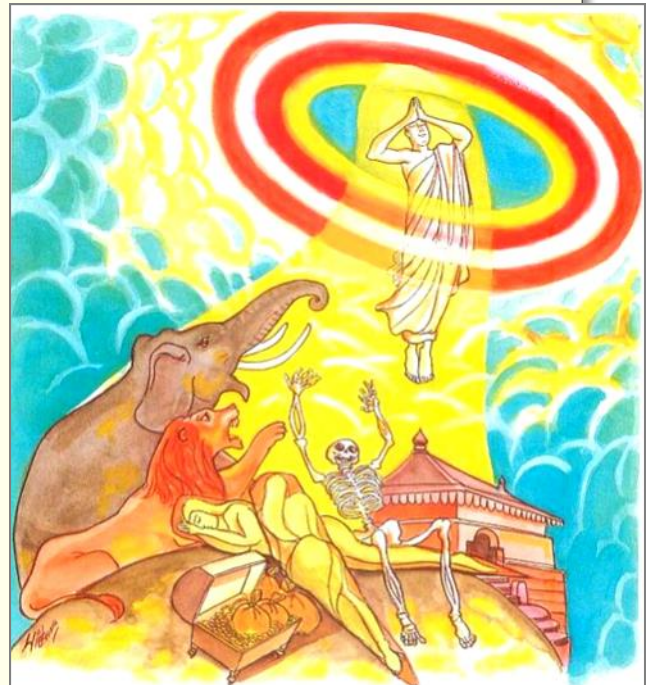
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 351: He who has attained arahatship is free from fear, free from craving, and free from moral defilements. He has cut off the thorns of existence (such as lust). This is the last existence (for him).

Verse 352: He who is free from craving and from attachment, who is skilled in the knowledge of the significance of terms, who knows the grouping of letters and their sequence is indeed called "one who has lived his last, a man of great wisdom, a great man."

Hearing the above words, Mara realized that the Buddha knew about his tricks and instantly disappeared.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Without trembling, craving or blemishes, with one's end reached, this is the last bodily form.

351. *Niṭṭhaṅgaṭṭhā asantāsi
vītataphā anahaṅgaṇā
acchindī bhava-sallāni
antimā'yaṃ samussayā. (24:18)*

One who's fearless, reached the End,
of craving and of blemish free,
who has becoming's thorn plucked out,
has this, a final body.

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI VỚI THẾ HỆ TRẺ

Thanh Nguyên

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đạo Phật có mặt ở thế gian này cũng đã hơn hai mươi lăm thế kỷ. Ban đầu chỉ trong vùng Bắc Ấn, rồi dần dần phát triển khắp lục địa Ấn và các nước Đông Nam Á. Ngày nay thì có mặt khắp năm châu. Mỗi chủng tộc có cái tiếp cận và nhìn nhận đạo Phật với lăng kính văn hóa của mình, có nhiều pha trộn và thay đổi để phù hợp với truyền thống, tập quán và căn cơ của địa phương; tuy nhiên cái căn bản và cốt lõi thì vẫn giữ. Hầu hết các quốc gia và dân tộc trên thế giới đều công nhận đạo Phật là một tôn giáo tử bi, hòa bình.

Ở Việt Nam, có không ít người cả bình dân lẫn trí thức vì thiếu hiểu biết hay hiểu biết lệch lạc mà cho rằng Phật giáo lạc hậu, cổ hủ và mê tín... Có lẽ họ nhìn vào những điểm bị gán ghép, thêm bớt, pha tạp trong đạo Phật như: xin xăm, bói toán, coi ngày giờ, trục vong, cúng sao, giải hạn... Ngoài ra cũng có một bộ phận người vì quan điểm chính trị mà cho Phật giáo là tôn giáo có tính chất mê hoặc. Ở phương tây hiện nay có một hiện tượng ngược lại, Phật giáo đang được xem như một làn gió mới, một hơi thở trong lành đang làm nhiều người tìm đến và cảm nhận được sự hòa bình và an lạc. Mấy mươi năm nay đang thu hút một số khá đông người Âu - Mỹ tìm hiểu, tu học

và thực hành, tiêu biểu như những người thực hành pháp môn "Hiện pháp lạc trú" ở Làng Mai, những người tu theo Mật tông Tây Tạng và một số theo trường phái Nam tông. Làng Mai đã và đang là một hiện tượng mới mẻ, rất nhiều người Âu-Mỹ-Phi theo tu học. Họ tìm được hạnh phúc trong phút giây hiện tại, họ xả bỏ những căng thẳng của đời sống vật chất; họ tìm được niềm vui và ý nghĩa sống.

Đạo Phật hay như vậy, tuyệt vời như vậy nhưng với những thế hệ người Việt sinh ra và lớn lên ở hải ngoại thì lại có vấn đề ngôn cách đặt ra. Các em không đọc và hiểu được tiếng Việt và với cách thức hành lễ cổ truyền thì hoàn toàn không thích hợp với các em. Các em có đến chùa thì cũng là đi cùng ông bà cha mẹ và đó là sự thúc ép chứ chẳng phải thật tâm các em muốn đi. Có lẽ đạo Phật Việt Nam ở hải ngoại cần có một sự thay đổi để phù hợp với tình hình và hoàn cảnh mới. Phật giáo từ xưa đến giờ luôn luôn có sự thích nghi với hoàn cảnh mới, môi trường mới, đó là tính khế cơ khế lý, tính bốn thổ hóa, địa phương hóa của Phật giáo.

Phật giáo Việt Nam hải ngoại cần có những vị thầy, những vị huynh trưởng, những bậc đạo sư



Sinh hoạt giới trẻ tại Tu viện Pháp Vương
(Escondido, California) thứ Bảy hàng tuần

biết tiếng Anh, vì thế hệ trẻ chỉ biết tiếng Anh, còn tiếng Việt chỉ biết nói chứ không đủ để đọc và hiểu. Phật giáo Việt Nam hải ngoại cần có những thiện nguyện viên giỏi tiếng Anh và hiểu biết căn bản giáo lý, vì thực tế cũng có nhiều người rành tiếng Anh nhưng thiếu kiến thức Phật pháp và ngược lại có khá nhiều người đủ kiến thức Phật pháp nhưng không rành tiếng Anh. Mô hình Làng Mai và cách hành hoạt của Làng Mai là một thành công tốt đẹp, đã đem Phật giáo đến với người bản địa, độ được rất nhiều người, kể cả trẻ em, thiếu niên... Làng Mai đã tạo ra một môi trường sống, hành đạo rất tuyệt vời và có ảnh hưởng lớn đến người Âu-Mỹ, gây nên một sức đồng cảm rộng lớn và đã thu hút nhiều người tìm về ngôi nhà Phật giáo.

Với lớp trẻ sinh ra và lớn lên ở hải ngoại thì những nghi lễ bó buộc cứng nhắc, những hình thức sinh hoạt truyền thống không thể độ được các em, những buổi tụng kinh bằng tiếng Việt chỉ làm cho các em thêm chán vì chẳng hiểu gì. Chúng ta có thể tổ chức những buổi dã ngoại, cắm trại, sinh hoạt cuối tuần... thông qua đó truyền cảm hứng về Phật pháp cho các em, dạy giáo lý thông qua những câu chuyện đời thường, lồng giáo lý vào những tình huống tự nhiên của cuộc sống mà không nhất thiết phải là ở chánh điện trong chùa. Có lẽ nên dùng cả hai ngôn ngữ để bổ sung cho nhau, dạy tiếng Anh để các em hiểu và nắm được giáo lý căn bản, nói tiếng Việt để tập cho các em giữ gìn cái truyền thống. Những khóa lễ ở chùa nên có khóa lễ tiếng Anh cho các em, vì nếu xếp chung với lớp lớn tuổi nói tiếng Việt thì các em không thể tiếp nhận được gì. Chúng ta có thể linh hoạt việc dạy giáo lý cho từng lứa tuổi, ví dụ như khi dạy về ngũ giới của Phật tử, với những em còn quá nhỏ thì không thể nói về giới tà dâm, chỉ cần dạy các em bốn giới: không sát sanh, không nói dối, không ăn cắp, không xài chất gây nghiện là đủ...

Những buổi thuyết pháp hay tụng kinh theo lối cũ thì không thể độ được lớp trẻ, các em nhìn vào chỉ thấy chán chứ không thấy thích. Không thể nói tánh Không, Bát nhã hay những vấn đề thâm sâu, mà hãy áp dụng Phật pháp vào những vấn đề của thời đại, chẳng hạn như: Phật giáo với môi trường, Phật giáo với những vấn đề căng thẳng của xã hội, Phật giáo sống hòa bình, yêu thương, tôn trọng sự sống muôn loài; bảo vệ môi trường chính là từ bi là yêu thương vì cứu lấy môi trường sống của muôn loài... Phật giáo với những vấn đề chất gây nghiện, giúp các em nhận thức được sự nguy hại của nó, những thứ ấy sẽ tàn phá hủy hoại cả thể chất lẫn tinh thần. Phật giáo với những vấn đề công bằng xã hội, chống kỳ thị màu da, giới tính, giàu nghèo... Vận dụng kiến thức Phật giáo để truyền bá và hướng dẫn các em thay vì bắt các em đọc tụng theo người lớn trong khi các em không hiểu gì. Nói với các em những câu nói hay những trích dẫn hay ví như: "Không có giai cấp trong khi nước mắt cùng mặn và dòng máu cùng đỏ", "Sự giàu nghèo hay cao thấp, đẹp hay xấu, thông minh hay chậm lụt đều là kết quả của những gì mình đã làm, đã nói và đã nghĩ quá khứ..."

Tự do – dân chủ là mục tiêu đấu tranh của nhân loại, hiện tại cũng là một vấn đề nóng bỏng. Phật giáo rất tự do và dân chủ. Đức Phật dạy: "Ai

cũng có Phật tánh và đức tướng của Như Lai; Ai cũng có khả năng thành Phật". Nội câu này thôi cũng đủ thể hiện tinh thần tự do, bình đẳng và dân chủ tuyệt vời trong Phật giáo. Địa vị Phật quả là tối thượng, tối tôn mà còn đạt được thì hưởng gì những vấn đề nhỏ nhặt khác, chỉ cần ta cố gắng phấn đấu, học hành và thực hành những gì Phật dạy. Đạo Phật tự do và dân chủ tuyệt đối, không bắt buộc ai phải theo và mọi người có thể rời bỏ nếu không thích. Đạo Phật không bắt mình phải tin một cách mù quáng mà khuyến khích tìm hiểu, kiểm nghiệm trước khi tin.

Những thế hệ trẻ sinh ra ở hải ngoại, đời sống vật chất đầy đủ, học hành thoải mái, được gia đình, nhà trường và xã hội bảo vệ... nên các em chưa thể cảm nhận hay hiểu được chữ khổ, thay vì dạy khổ để thì ta dạy các em sống chánh niệm và tỉnh thức. Khi mình lái xe thì chỉ tập trung lái xe, không thể xài phone, nhắn tin hay xem MV... Đi chơi với bạn bè thì nhớ giữ chánh niệm để nói không với những lời rủ rê thứ xài chất gây nghiện. Chánh niệm giúp các em xả những căng thẳng nếu có. Những buổi dã ngoại, cắm trại hay những buổi sinh hoạt cuối tuần ở chùa có thể dạy các em ngồi đếm hơi thở trong vòng mười phút. Thông qua những buổi sinh hoạt, giải thích sơ để các em hiểu về ý nghĩa của lá cờ Phật giáo, ý nghĩa của việc dâng cúng hương, hoa, đèn, nước... Hãy biến bài kệ: "*Chư ác mạc tác/chúng thiện phụng hành/ tự tịnh kỳ ý/ thị chư Phật giáo*" thành những bài học đơn giản, cụ thể và thực tế để hướng dẫn các em. Có lẽ các bậc thiện tri thức, các huynh trưởng, quý thầy... nên hợp sức biên soạn một tài liệu căn bản về đạo Phật bằng tiếng Anh để làm kinh nhật tụng hay cầm nang cho Phật tử trẻ ở hải ngoại.

Có một vấn đề cũng cần nói đến, trong lúc Phật giáo khá cứng nhắc và nặng hình thức trong việc truyền bá thì các tôn giáo khác lại tích cực và hết sức linh hoạt trong việc chiêu dụ và truyền bá giới trẻ. Họ xông xáo đến từng nhà, gặp từng người để chiêu dụ, họ đem theo tài liệu biên soạn bằng cả hai thứ tiếng, tiếng Anh và ngôn ngữ gốc của di dân; thậm chí họ còn đem cả phương tiện vật chất và những hình thức sinh hoạt khác để lôi kéo người trẻ. Thiết nghĩ chúng ta cần phải linh hoạt hơn, thực tế hơn để phù hợp với lớp trẻ.

Phật giáo Việt nam hải ngoại cần quan tâm đến giới trẻ, bồi dưỡng giới trẻ, truyền bá đến giới trẻ thay vì chỉ lo xây dựng cơ sở vật chất như bấy lâu nay. Những người thuộc lớp lớn tuổi dần dần mai một mà giới trẻ không được bồi dưỡng để tiếp nối thì e rằng Phật giáo hải ngoại sẽ dần dần xa lạ với những thế hệ sinh sau.

THANH NGUYỄN
Ất Lăng thành, 10/22



DUY TUỆ THỊ NGHIỆP

*Trong Kinh Phật Bát Đại Nhân Giác
Có tám điều Phật dạy trong Kinh,
Muốn là Giác Ngộ Đại Nhân,
Ghi lời Phật dạy thực hành tu tâm.*

*Kinh Nhân Giác có ba điều chính,
Người chân tu phải khắc ghi lòng.
Trí Huệ luôn nhớ quan tâm,
Giác Ngộ Trí Kiến mới là Thượng Nhân.*

*Tám điều dạy trong Kinh Nhân Giác,
Có ba điều quan trọng sau đây:*

1. “Thường Niệm Tri Túc” hàng ngày
2. “An Bàn Thủ Đạo” vui trong cảnh nghèo.
3. “Duy Tuệ Thị Nghiệp” nêu cao,
Ba điều chính yếu luôn thường ghi tâm.

“THƯỜNG NIỆM TRI TÚC” là gì?

*Sống biết đủ, an vui cảnh đạo,
Chuyện công danh, vật chất chẳng màng,
Tiền tài, tình cảm đeo mang!
Trần gian vạn thứ cũng đều diệt-sinh!*

*Sống tâm niệm tri túc / tiện túc,
Lòng an vui đạm bạc thanh nhàn,
Trí Huệ điều chỉnh quan tâm.
Vật chất được/mất chỉ là phù du!*

“AN BÀN THỦ ĐẠO” là chi?

*Sống an phận dù trong cảnh khó!
Tâm không tham, không đắm, không cầu,
Công danh nào sá chi đâu!
Thong dong ngày tháng, vui trong tâm mình.*

“DUY TUỆ THỊ NGHIỆP” nghĩa gì?

*Điều chính yếu: Duy Tuệ Thị Nghiệp,
Kim chỉ nam cho bậc tu hành,
Trí Huệ tỏa sáng Chân Tâm,
Sự nghiệp Đại Giác mới là Thượng Nhân.*

THẾ GIAN ẢO ẢNH

*Người chân tu vẫn hằng thường biết,
Chuyện thế gian muôn kiếp vô thường!
Sanh-Trụ-Hoại-Diệt luôn luôn,
Vật chất danh lợi chỉ là phù vân!*

*Pháp thế gian sanh sanh / diệt diệt
Nhu sương rơi, tuyết phủ trên cành,
Nhu làn mây trắng mong manh!
Nhu ngàn bọt biển tan vào đại dương!*

CHÂN TÂM BẤT DIỆT

*Riêng chỉ có CHÂN TÂM BẤT DIỆT,
Đó chính là SỰ NGHIỆP NGƯỜI TU
Chân Tâm bất diệt bất sanh,
Thường hằng sáng suốt...
Trong tâm mọi người.*

*Chân Tâm thì vô hình vô tướng,
Là Niết Bàn, Phật Tánh, Chơn Như
Niết Bàn ngay tại tâm mình
Hòa trong vũ trụ bao trùm mọi nơi...*

thơ HOÀNG THỰC UYÊN

AZ, 10/2022



Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

(tiếp theo)

Chỉ có mình Dũng lên xe, vừa là tài xế, vừa là cảnh sát áp tải chúng tôi từ trại giam Sài-gòn sang trại giam Biên Hòa. Hình thức dẫn độ không được kỹ lưỡng như vậy kể cũng khá đặc biệt, chẳng rõ lý do gì. Có lẽ vì tù nhân là hai ông thầy tu mà công an biết rõ là chẳng phải loại dữ dẫn, bạo động.

Xe chuyển bánh rời sân trại. Cổng trại bít bùng được anh công an từ bót gát kéo ra hai bên. Thế giới bên ngoài với người xe tấp nập hiện ra trước mắt tôi như cảnh tượng trên một màn ảnh. Cảnh tượng của một cuốn phim mới được chiếu lần đầu. Tôi cơ hồ quên mất rằng tôi chưa được trả tự do nên được nhìn cảnh vật bên ngoài đã ham hố, thấy hân hoan tươi mắt trong lòng vô cùng. Nhưng khi ngang chợ Bà Chiểu, nhìn đám đông đông đảo bao lam lũ chen chúc bán mua trên những ngã chợ bụi bặm, nỗi đau lòng trước cái khổ của người dân bất chợt quay trở lại, trùm lấp ngay ảo giác hạnh phúc được nhìn ngắm ngoại cảnh của tôi. Tôi biết, không có tôi, đời vẫn thế. Dù tôi đang ở chùa, ở nhà bà Bàng, trốn ra nước ngoài, hay chấp nhận vào tù, thì đời vẫn thế. Cái nghiệp dĩ nặng nề nào đó đè xuống thân phận của nước tôi, khiến cho

nghìn năm, rồi trăm năm, rồi mấy chục năm nay, dân tôi cứ thế mà khổ. Phải chăng đó là một thứ định mệnh không thể chống trả, không thể hoán cải? Hừm, thực ra có cái gì trên thế gian này mà lại không thể chuyển dịch được đâu kia! Sông cạn, núi mòn. Bao nhiêu dâu bể thăng trầm đã diễn ra. Bao nhiêu mây trắng mây đen đi ngang bầu trời này rồi hóa kiếp trên những núi thẳm, đồng xanh khác nhau. Thế mà, từ những năm gần đây, thời gian như cô kẹo lại. Cái gì cũng có vẻ chết cứng. Xác thân, cảm giác, tư tưởng, ý chí và nhận thức của con người thời nay như bị đặc quánh lại thành một thứ hắc ín dẻo nhèo. Cái màu đen của hắc ín, chỉ nhìn thấy thôi, đã có ngay cảm giác là khó gột rửa. Ừ, đất nước này, con người này, như vậy đó. Hình như họ không bao giờ được sống trong hiện thực. Họ chỉ sinh ra để sống cho một thứ lịch sử đã chết, hay sống cho một thứ tương lai xán lạn moi móc trong chính cái lịch sử đã chết đó. Tôi có cảm tưởng rằng, dù gì đi nữa, họ vẫn vật vờ, nghèo đói, khổ đau. Vẫn nghi kỵ, che giấu, giả dối. Vẫn ần ần chịu đựng để sống. Vẫn giả đờ tin tưởng chế độ để được yên thân... Cái xã hội này sẽ vẫn như thế, dù mười năm hay hai mươi, ba mươi năm sau, khi tôi bước ra khỏi trại

giam với cái lưng còng xuống và mái tóc bạc phơ.

Có ngõ thoát nào chăng? Tôi nhìn hai tay bị còng của mình và tủm tỉm cười một mình. Dũng đang lái xe, nhìn kiếng chiếu hậu, thấy tôi cười, liền hỏi:

"Cái gì đó anh Khang?"

"Không có gì," tôi đáp.

Im lặng một lúc, Dũng nói:

"Anh Khang à, tôi thật tiếc là anh trở thành một can phạm của nhà nước đó nghe."

"Sao vậy?" tôi cười hỏi lại.

"Cái vụ ở Long Thành, thực ra anh đâu có liên can gì nhiều đâu, phải không? Vậy mà anh lại bỏ chùa trốn về Sài-gòn, đi lang thang thế nào đó để rồi vào bót công an Sài-gòn. Thật đáng tiếc. Phải chi lúc đó, cùng với những người khác trong lực lượng Phục quốc, anh thành khẩn ra đầu thú trình diện với chúng tôi thì có thể giờ này anh được tự do rồi, mặc chi phải trốn tránh để rồi trở thành can phạm!"

"Ồ, tưởng anh nói gì chứ chuyện trở thành can phạm thì chẳng sao. Có làm có chịu, tôi chẳng ăn hận gì. Còn nói rằng trình diện thì được tha sớm, chuyện đó chẳng có gì bảo đảm, mà cũng chẳng phải là nghĩa cử gì đẹp để cho lắm. Xưa nay, chỉ có cái thiện bị cái ác bao vây tiêu diệt chứ có cái thiện nào lại đi đầu hàng cái ác đâu kia! Huống chi lại được anh trối chung với một ông thầy tu như thầy Thiện Đắc, chờ đi trên phố

chợ để nhìn thiên hạ, giờ lại ngang qua những đồng lúa xanh ngắt như thế kia, thì còn gì vui thú cho bằng chứ!”

Thiện Đặc bật cười:

“Phải rồi, thú vị quá đi chứ! Tôi thì chẳng làm gì, tôi bị bắt oan; nhưng bị trói chung với thầy Khang này trên một chuyến xe, tôi cũng hãnh diện lắm.”

“Anh nói gì mà vớ vẩn quá, chẳng trúng trật vào đầu cả!” Dũng nhăn mặt nói.

Thiện Đặc cười cười, tiếp tục nói giọng cợt:

“Này nhé, tôi nghĩ rằng các anh cứ bắt hết mấy ông thầy tu trên khắp đất nước, từ bắc vào trung, từ trung vô nam, cứ thầy tu là bắt bỏ tù, như vậy may ra đất nước yên bình ngay. Giống như thời ông Diệm đó mà, cứ việc bắt hết thầy tu, bắt tới đức Tăng thống và các vị lãnh đạo tối cao của Phật giáo, thì tự nhiên đất nước phải có thay đổi.”

“Nói nhảm! Nhà nước ta có hiến pháp hẳn hoi, đâu phải muốn bắt ai thì bắt. Quyền tự do tôn giáo để đâu mà làm ba cái chuyện tào lao đó. Chúng tôi chỉ bắt mấy ông thầy chùa chống phá tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhà nước mà thôi.”

“Ồ, té ra là vậy! Nhưng sao lại có sự chống phá cái tiến trình xây dựng ấy nhỉ?” Thiện Đặc hỏi.

“Ai mà hiểu nổi mấy ông,” Dũng nói, “thôi cứ vào tù đi rồi biết tại sao. À, anh Khang, nếu cái công nó xiết tay anh đau, anh cho tôi biết để tôi dùng xe lại, nói cho anh một chút. Đừng ngại nhé, đau cứ nói là đau.”

“Không sao,” tôi đáp.

Tôi có cảm tưởng là Dũng cố tình tỏ vẻ thân thiện với tôi và cũng thẳng thắn biểu lộ ác cảm đối với Thiện Đặc. Chẳng rõ có lý do hay âm mưu chính trị nào không. Hay chỉ vì tôi có số may mắn lâu nay? Cái số may của tôi nó lạ lùng như vậy: ít khi nào tôi bị người khác ghét. Đã có khi tôi làm cho kẻ nào đó giận, ghét, gây gổ... nhưng rồi trước sau gì họ cũng không còn ghét tôi nữa. Họ nhìn tôi, nói chuyện với tôi, rồi từ từ, họ cũng mến. Tôi có nhiều bạn bè, một phần cũng do cái may mắn này.

Xe chạy thêm một đoạn xa mà cả ba người trên xe chẳng nói một lời nào nữa. Nâng chiều có vẻ gay gắt, nhưng khi phủ xuống trên đồng ruộng bát ngát, lại trở thành một tấm lụa vàng

mềm mại phất phơ, trôi lướt về hướng sau xe. Những cây bạch đàn và dương liễu cũng rủ xuống những cành lá dài lê thê, vẫy tay từ giã tôi để cuốn theo nắng lụa mà trôi về hướng nghịch chiều với chiếc xe. Bầy trẻ chơi đùa vô tư chạy lớn tớn trên bãi đất rộng. Mấy cô thôn nữ cúi húi dọn cỏ hay cấy mạ non dưới ruộng, thấy xe chạy qua thì ngưng tay, ngược nhìn. Một chàng nông dân trẻ tuổi, giơ tay vẫy chào, chẳng cần biết người trên xe là ai. Từng dáng người, từng bụi lúa, từng bờ ruộng, từng nhánh lá, từng mảng mây, từng đốm nắng... lần lướt vụt qua, vụt qua, vừa thấy đó đã mất hút về phía sau. Tôi không rõ chúng đã từ bỏ tôi, hay chính tôi đã cảm lạnh giả biệt chúng.

Dù sao ngồi bên cạnh Thiện Đặc, tôi rất vui mà cũng vừa đau lòng cho anh ấy. Tôi muốn nói với Thiện Đặc nhiều điều, nhưng dĩ nhiên là không nói được. Tôi đành lấy ngón tay út, khoèo nhẹ đầu gối Thiện Đặc. Hai cườm tay bị còng nhưng các ngón được tự do, tôi lấy ngón tay trỏ phải, vẽ lên đầu gối Thiện Đặc một mặt trăng tròn. Thiện Đặc gật gù, chẳng rõ anh có hiểu đúng ý tôi không. Tôi không nhẫn nại Thiện Đặc bắt cứ điều gì thuộc về chuyện khai cung. Tôi chỉ muốn anh luôn được an lạc, sống trọn với lý tưởng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Về mặt mặt trăng chỉ là gợi đến anh một lời chúc tụng mà thôi.

Nhưng Dũng lạnh lùng: chỉ nhìn thái độ và ánh mắt của Thiện Đặc qua kiếng chiếu hậu mà anh biết ngay là tôi hoặc Thiện Đặc có ra dấu hiệu gì với nhau. Anh hỏi lớn:

“Gì vậy anh Khang?”

“Có gì đâu,” tôi đáp.

“Anh đừng làm dấu hiệu gì hết nghe anh Khang, như vậy tốt hơn. Hờ, tôi thật đáng tiếc là phải bắt anh trong hoàn cảnh này. Tôi đã nói với anh khi nãy rồi, anh Khang. Tôi nói thực đó. Tôi nghĩ, một người tuổi trẻ có học như anh, nếu góp sức với chúng tôi trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì hay biết mấy. Đảng này, anh lại đi con đường phản động quá. À, anh Khang, anh có biết là ngày 30-4 vừa qua, kỷ niệm mười năm giải phóng, tại quảng trường Biên Hòa có triển lãm và trưng bày hình ảnh các tổ chức phản động đã bị nhân dân phát hiện và công an phá vỡ trong mười năm qua tại tỉnh Đồng Nai không? Chắc, ở quảng trường có trưng bày vụ án Phục quốc mà anh liên can nữa đó. Ngôi chùa Long Quang của anh trên kinh tế mới lại được triển lãm như là một trong những cơ sở đầu não của lực lượng Phục quốc. Có điều là thiếu cái hình của anh thôi, nên người ta cứ đoán mò, nghĩ rằng anh là sư cụ nào đó ở Long Thành! Tôi thì biết tuổi anh trong hồ sơ truy nã rồi, có điều tôi vẫn chưa tin là thật. Cho đến khi nãy, gặp anh ở T20, tôi mới thực sự tin đó. Anh trẻ thật chứ hả? Vậy mà ông Lương tin tưởng, nghe lời anh quá cỡ! Lâu nay anh có gặp ông Lương không? Trần Văn



Lương đó. Không à, hừ, chứ không phải là anh và ông ấy sát cánh với nhau để bày thêm những trò chơi khác sau vụ Long Thành sao?”

Tôi im lặng. Lòng người phức tạp, phiền toái quá! Mỗi khi này nói *anh đâu có liên quan gì nhiều đâu* rồi bây giờ lại nghi ngờ là có quan hệ mật thiết với lãnh tụ Phục quốc. Tôi không muốn nói thêm một câu nào nữa, đưa mắt nhìn qua cửa kiếng.

Ruộng lúa mới cấy. Ngon mạ vừa gượng đứng được đã ươm xanh cả một vùng loang loáng nước. Nắng chiếu chọc thủng lớp mây mù, rơi xuống ruộng ruộng sóng sánh. Mấy con cò trắng thung thình nhón đưa những cẳng chân cao nghều, bước qua bước lại trên ruộng lúa, đầu ngoắc bên này lại ngoắc bên kia. Một con cò ngóng cổ đưa cái mỏ dài ngoẵng lên trời cao để nuốt mồi hay uống nước, trông như một đạo sĩ ngửa mặt mà cười với mây xanh. Bất chợt tôi nhớ hai câu thơ của thiền sư Không Lộ. *Hữu thời trực thượng cô phong đàn h. Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư*. Đôi lúc ngẫm lý hội cái vẻ nhiệm mầu của thế tính, sáng khoái vô cùng tận trong lòng mà chẳng biết tỏ cùng ai, chẳng biết nói câu gì với nhân gian mộng mị, bèn vạch gai vén cỏ, leo lên tận chóp núi hoang, gõ đầu những tảng đá tro vơ phới mình trong sương sớm, bật cười một chuỗi làm run lạnh cả hư không tịch mịch. Ôi thống khoái siêu tuyệt làm sao nụ cười vô ngôn hui quạnh ấy.

Từ câu thơ của Không Lộ, tôi hứng cảm nhớ về ngôi chùa Long Quang trên vùng kinh tế mới. Ở đó tôi có một thảo am nhỏ đặt tên là Phương Thảo Am, nằm sát bìa rừng, giáp ranh một đồng lúa mênh mông của nông dân xã kế cận. Trên bờ ruộng có một cây trà đã chết khô không còn chiếc lá nào, nhưng nó to lớn hùng vĩ quá, ai cũng kiêng dè, không dám đến gần. Cây trà cách chỗ tôi chừng hai trăm thước. Khoảng đó ít người qua lại. Thỉnh thoảng mới có bầy chim hay vài con quạ đảo cánh lướt qua, nhưng cũng chẳng buồn đậu lên những nhánh cây quắt queo đó. Chỉ có một con cú mèo to lớn, như một con đại bàng ngạo nghễ, độc chiếm cây trà. Chiều chiều, tôi thường ra đứng ở hiên sau, nhìn hoàng hôn phủ xuống ruộng những vết hồng cuối ngày; và trong khi người trong làng nhìn cây trà với kẻ kinh sợ

thì tôi nhìn nó như một gã điên cô độc, đứng bên bờ cỏ biếc chờ đợi ai. Con cú đậu trên vai gã điên ấy cũng là một "nhân vật" khó hiểu. Hình như nó đến bên gã điên để thăm lặng an ủi gã, hoặc để được gã điên cảm thông niềm cô đơn kinh tợn của nó. Tôi thương gã điên ấy lắm và tôi cũng thương con cú mèo nữa. Nhưng một chiều nọ, khi nắng vừa tắt, sương lam buổi đầu đông sa xuống sớm, phủ khắp nơi, khiến cho rừng hoang và đồng rộng liền lạc nhau trong một thế giới mù mù mịt mịt. Tôi đứng nhìn một chốc thì thấy trước mắt mình, chỉ còn là một bãi sương hay một bãi sông lênh láng màu sữa. Thấp thoáng trong bãi sương, cây trà vẫn đứng yên, con cú mèo vẫn đậu yên. Tôi chạy vù đến hướng cây trà. Cỏ, gai chẳng chịt nịt lấy chân tôi. Tôi khó khăn lắm mới leo lên được một cái gò nhỏ, nhưng rồi cũng té lăn khỏi đó, lồm cồm ngược dậy. Cây trà vẫn đứng yên. Con cú vẫn đứng yên. Không có lỗi đến gần cây trà, tôi đứng lại giữa một khoảng đất trống, sinh lớp nhóp dưới chân. Tôi đứng đó, ngược nhìn lên. Cây trà vẫn đứng đó. Con cú vẫn đứng đó. Bỗng dưng, một nỗi cô đơn hay một niềm hạo khí khó hiểu rừng rừng bốc dậy muốn tuôn thành lời, nhưng tôi chẳng biết phải nói gì, bèn hét lên một tiếng lớn, chọc thủng màn sương mù mịt. Cây trà vẫn đứng đó, con cú vụt vỗ cánh bay đi. Tôi có thể nhìn thấy từng mảng sương loang đi dưới sức đập cánh mạnh mẽ của nó. Chỉ thoáng chốc, con cú mèo chìm khuất giữa rừng sương. Còn lại cây trà sừng sững đứng đó. Nó nhìn tôi. Tôi nhìn nó. Giữa chiều sương cô tịch. Nhưng càng nhìn nó, tôi càng thấy nó bé nhỏ làm sao! Lần đầu tiên tôi đánh đuôi được con cú mèo. Và lần đầu tiên, tôi thấy cây trà không còn là một gã điên cô độc nữa. Nó có vẻ là một cụ già bi quan, an phận, lặng lẽ đếm từng ngày rơi xuống theo màn sương sớm chiều. Từ đó, tôi trở thành con đại bàng cao ngạo, độc chiếm khoảng rừng hoang, một mình xông lên tận chóp đỉnh của niềm cô tịch để sục tìm ý nghĩa của con đường giải thoát.

Nghĩ đến chuỗi cười Không Lộ, lại nhớ tiếng hét của mình

đạo đó nơi bãi sương, trong tôi lại có một cái gì đó động dậy; ban đầu chỉ như một cành hoa lay mình trước cơn gió nhẹ trưa hè, nhưng càng lúc nó càng động mạnh hơn, như một khối nham thạch sùng sục trong lòng núi lửa. Tôi ý thức được, đó là một thứ khát vọng cuồng ngồng của bản ngã, muốn bày tỏ cái bất toàn bất lực của nó. Nó không bằng lòng với sự tồn hữu của nó trong thế gian, hay sự tồn hữu của thế gian ở trong nó. Nó loay hoay muốn tìm một ngõ thoát trong khi chính nó lại tự giam nhốt nó bằng cái nhận thức sai lầm rằng: nó tự hữu một cách biệt lập với mọi sự mọi vật trên thế gian. Vung vẩy, lật lầy trong cái vòng mâu thuẫn buồn cười đó, nó trở thành gã điên cô đơn, đi tìm cái gì không biết, chờ đợi cái gì không biết. Gã điên muốn nói một điều gì. Hoặc muốn viết ra một điều gì. Mà không làm được. Gã điên ấy không đủ bản lĩnh buông được một chuỗi cười thương thừa như Không Lộ để xé toạc mọi thứ ngừ ngờ văn tự mà chạm đến thực tại tối hậu. Gã điên ấy chỉ biết lăm ba lăm bầm vài thứ ngừ ngừ vụn vặt, què quặt, mà mỗi lời mỗi tiếng buông ra, chỉ khiến hằn thêm thất vọng, thất vọng...

Nhìn lại mình với hai tay bị còng và mười mấy thước dây điện quấn quanh, trối chung với một nhà tu có khuôn mặt khắc khổ, hiền lành, ẩn nhẫn, bất chợt, một cách vô thức, tôi buột miệng bật lên một tiếng cười khá lớn. Chẳng rõ Thiền Đắc hiểu gì về tiếng cười ấy, cùng cười theo tôi. Và chúng tôi cười nghiêng ngả.

"Cái gì vậy? Các anh cười gì? Các anh muốn gì?" Dững hỏi với giọng hơi hoảng hốt.

Thấy chúng tôi chẳng nói gì mà chỉ cười từng chuỗi dài, Dững tập xe vào lề đường, dừng hẳn, rồi quay lại nhìn kỹ tay chân chúng tôi, nhìn các gút dây điện.

"Các anh âm mưu gì đây? Đừng có hòng trốn thoát nghe. Có ra khỏi chiếc xe này cũng không thoát khỏi được mạng lưới của chúng tôi đâu. Đừng có mạnh tâm trốn chạy mà thiệt thân!"

Nói rồi, Dững rú ga cho xe chạy thật nhanh. Anh có vẻ bồn loạn trước những chuỗi cười khó hiểu của hai nhà tu bị trối.

Đúng, Đúng nói đúng. Có phá được cái vòng tay và sợi dây trời để thoát khỏi chiếc xe này, tôi cũng không thoát khỏi được cái thiên la địa võng của công an, của xã hội, của những bóng sắc dịu dàng quyến rũ liễu trai, của Như Như hay của Mộng Huyền, của nhân loại, của thế gian, của cõi luân hồi nghiệp chướng, và của chính những triển phước cột trời tự ngã tôi.

Đất nước và con người hôm nay là như thế: luôn luôn muốn tranh cãi, chống trái, chen ép nhau; và cứ khi nào suy vi thống khổ cùng tận thì lại có những thầy tu Phật giáo bị bắt trời, giam vào tù. Thầy tu như tôi muốn gì đây? Tại sao cứ phải đứng đây, cứ phải lên tiếng, cứ phải đòi hỏi sự thật và công lý... để rồi lần lượt hết thầy đến trò, hết người này đến người kia, thế hệ này sang thế hệ khác, hy sinh máu xương hoặc vướng vào vòng tù tội. Thầy tu chúng tôi đâu biết làm chính trị! Người ta làm chính trị bằng khối óc, chúng tôi làm chính trị bằng con tim. Chúng tôi chỉ có tấm lòng. Thấy thương thì phải hành động. Thấy bất bình thì phải can. Thấy ai làm một thì biết là một, nghe

ai nói hai thì biết là hai. Đâu có ngờ thế sự rối rắm, chẳng phải chỉ đi theo một chiều giản đơn như tâm hồn ăn chay quét lá của người ở chùa. Cho nên mới có chuyện tôi là nạn nhân bị bội phản bởi Hàn, hay bởi ông thầy Tư. Thật thà đến độ khổ khạo là con người của thầy tu. Con người đó không biết hại ai nhưng luôn luôn làm cho kẻ ác phải sợ và muốn hủy diệt.

Bởi thế, dù gì đi nữa, tôi vẫn cứ thấy thương và tội nghiệp cho những người đã vì lý do tồn tại của họ mà phải hại tôi: đồng thời cũng thấy rằng, tất cả những gì tôi từng làm và đang nhận chịu hôm nay, đều chỉ là bước khởi đầu cho một hành trình dài vô hạn. Hành trình đó là lối thoát chung cho mọi người, nhưng mỗi người sẽ phải bước đi bằng, đôi chân trần với tất cả niềm cô đơn lạnh lẽ của chính mình.

Và trong niềm cô tịch ấy, tôi biết rằng ngộ thoát duy nhất cho một con người để tiến đến sự toàn thiện và vượt khỏi những thống khổ, không phải chỉ là con đường nỗ lực đập vỡ tất cả những ước định ràng buộc của ngôn từ và biểu tượng

trần gian, mà còn phải xóa sạch luôn cả những vết tích huyền mộng đã tạo tác hoặc vẽ vời nên cái gọi là ngộ thoát nữa.

Dù tốc độ xe tăng nhanh hơn trước, cảnh tượng hai bên đường, qua cửa kính trong ngần, như được tinh lọc kỹ càng, đã hiện hữu trước mắt tôi một cách sắc nét, tinh xảo hơn. Bờ đất vàng. Ngọn lúa xanh. Cây dương rủ lá. Những nông phu cúi gập lưng xuống ruộng đồng. Màng mây xa. Ráng nắng hồng. Tất cả vụt đến rồi vụt đi, nhưng luôn luôn tinh anh, mới mẻ, một cách tráng lệ, huy hoàng...

Tôi nhìn xuống hai cổ tay bị còng chặt của mình lần nữa. Không thấy buồn. Chỉ thấy một niềm bình yên lặng lẽ. Tôi mỉm cười. Rồi bằng ngón tay trở tự do cử động, tôi vẽ thêm trên đầu gối của Thiện Đức một mặt trăng thật tròn.

HẾT

(Mời đón đọc truyện dài Cởi Trói 1, tức Phương Trời Cao Rộng 4 trong kỳ báo tới)



Công chúa Ly Cầu

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

- Em cài thêm hoa lên mái tóc cho ta.

- Chà công chúa đẹp quá!

Hoa Nô thốt ra câu nói ấy trong khi nàng cúi xuống cài đôi chim sẻ nam toàn kim cương lên đôi cấm hải của công chúa.

Trước điện Quỳnh La, 50 vị Phạm Chí đã túc trực sẵn sàng; hai hàng ngự lâm quân đứng nghiêm như tượng; mấy chục nàng cung nữ xiêm y rực rỡ, tiếng lục lạc vàng dưới mấy chục chân tròn trắng cùng tiếng xao xuyến chạm vào nhau hòa thành một điệu nhạc lạ mà hay.

Tất cả đang chờ công chúa. Bỗng tiếng vọi thối lên để dẹp đường, người ta đều đổ dồn đôi mắt vào chính điện. Bức rèm nhung tơ màu hồng lạt thêu đôi phụng hoàng bằng kim tuyến lay động. Công chúa, một con người ngọc đài các bước ra.

Những ai đứng sau xa phải kiêng chân lên mới nhìn rõ công chúa để mà thì thầm khen ngợi cái sắc đẹp đoan trang lộng lẫy của nàng, cũng như thầm phục đức khiêm tốn của con người đẹp khi đi ngang qua hàng ngự lâm quân người đã cúi đầu kính cẩn đáp lễ.

Đây là một buổi lễ hành hương của công chúa Ly Cầu con vua Ưu Điền.

Cũng giờ phút ấy, trong ngày hôm ấy, ở Tịnh xá Trúc Lâm các vị đại đệ tử của Đức Thế Tôn sau thời thanh đán xả thuyền định rồi. Các Ngài phân phó nhau đi khắp thực theo lệ thường.

Trước khi ra đi, Trưởng lão Xá Lợi Phất bắt đầu chú nguyện: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều thâm hiểu pháp Tứ đế, y theo tu hành và thành tựu quả vô sanh. Đại đức Mục Kiền Liên: Tôi nguyện tất cả chúng sanh đều tránh khỏi sự ma chướng, phát tâm bồ đề cầu đạo vô thượng. Tôn giả Đại Ca Diếp: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều phát thiện tâm, tu hành giải thoát hưởng phước vô lượng,

thành tựu đạo quả. Thánh giả Tu Bồ Đề: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh thâm hiểu vạn pháp như huyền trừ sạch tâm chấp trước, cầu chứng quả Niết bàn. Tôn giả A Nan: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh bỏ dữ làm lành, đầy đủ phước đức hiện sống tâm hôn ly dục, khi thác được sanh về các cõi an vui... cho đến Ngài A Nan Luật Đà, ngài Phú Lâu Na, La Hầu La... mỗi Ngài đều có chú nguyện cho chúng sanh trước khi ra đi.

Xe giá công chúa vừa ra khỏi cửa thành phía Bắc thình lình nghe tiếng hô lớn: "Dừng xe", bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng đều kinh ngạc, có một vị Trưởng lão trong bọn Phạm Chí ra thưa: "Tôi thấy xa xa ở bên cửa phía đông có một đoàn đệ tử của Cù Đàm (chỉ Đức Phật) đương hướng về ngà này. Nếu chúng ta gặp những người ấy chắc là có việc không hay, xin công chúa hãy truyền cho lui xe về ngà khác." Nghe tâu, công chúa để ý ngó xa quả thấy những vị tu hành ấy khoan thai trong chiếc áo vàng, đỉnh đặc và giải thoát làm sao, lòng nàng bỗng nhiên kính mến lạ. Sự thông cảm đến với công chúa một cách đột ngột, nên chẳng những nàng không cho lui xe mà còn truyền xe giá ngừng hẳn lại, rồi công chúa xuống kiệu để chờ đón đoàn người đức hạnh kia.

Bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng như bộ máy bị phanh, không một lời thưa lại.

Đoàn người ly dục đương từ từ đi đến, bước đi thong thả nhẹ nhàng trong im lặng, phải chăng ý niệm của người đương mãi chú nguyện cho chúng sanh và cử chỉ oai nghi ấy còn quan tâm ái hộ loài sấu kiến.

Đầu đoàn là Trưởng lão Xá Lợi Phất vừa đến nơi thì công chúa quỳ sụp xuống cúi đầu đánh lễ, tất cả bọn tùy tùng bắt giác cũng sụp xuống quỳ theo.

Đoàn người cao khiết ấy, cứ im lặng đi qua, cho đến khi công chúa ngẩng lên và nhìn theo chỉ còn thấy những tà áo vàng bay nhẹ nhẹ.

- Ua, công chúa hành hương ở miếu Kỳ Bà sao mãi đến bây giờ vẫn chưa về? Trẫm phiền khanh truyền người xuống điện Quỳnh La xem thử.

Buổi hành hương của công chúa bị về trễ, vua Ưu Điền ở nhà lo ngại.

Từ khi Hoàng hậu Băng Sa thăng hà, để lại cho nhà vua một nỗi nhớ nhung vô hạn và một người con gái yêu quý vô cùng. Vua cha đã cố động tình thương con cả cha lẫn mẹ, thêm vào đó những đức hạnh cao quý của công chúa, nên đức Vua để ý lo cho con từng cử chỉ.

Ngoài việc làm người con hiếu, công chúa còn giúp vua cha nhiều ý kiến lành mạnh để trị nước an dân, nhờ vậy mà các nịnh thần tham quan ô lại không mọc lên, nên nhà vua tận hưởng thái bình, mà dân chúng thời ấy thật đã sống đúng nghĩa an cư lạc nghiệp. Vì thế nhà vua đối với công chúa chẳng những yêu quý mà còn kính nể như một người bạn vậy.

Nhà vua đã ngoài 60 tuổi, không có con trai, Ngài vẫn canh cánh bên lòng ước ao được người rể quý để ký thác non sông lúc tuổi già. Nhưng công chúa không bao giờ nghĩ đến chuyện trăm năm, nên mặc dù đã 19 tuổi mà vua cha cũng không dám đã động đến lương duyên của con.

Sau buổi lễ hành hương hôm ấy, công chúa trở về thăm cung, chỉ xuất gia bằng manh nha trong lòng người đẹp.

Thời ấy có bà Đại Ái Đạo là Ma Ha Ba Xà Ba Đề, Di Mẫu của Đức Thế Tôn đã xuất gia lãnh đạo một đoàn thể Ni Lưu (phái nữ tu sĩ) hiện an trú tại Kiêu Đàm Tịnh Xá. Công chúa xin phép vua cha được thường thường đến hỏi đạo với Ngài.

Một hôm công chúa đem ý

nguyện cầu xuất gia thừa với Di Mẫu nhưng công chúa đã thất vọng, vì theo qui luật nhà Phật thì phải có sự thỏa thuận của gia đình, việc ấy công chúa chắc chắn không bao giờ được vua cha cho phép.

Chỉ cầu giải thoát, lòng thương cha già đương phân tranh, thì Di mẫu đã tìm cho nàng một giải pháp vẹn toàn là có thể thực hiện hạnh xuất gia của bậc Thượng Nhân (nghĩa là thân gia, tâm cầu xuất gia tam giới).

Vâng lời Di Mẫu, công chúa như phảng được mỗi tơ lòng, nàng liền thực hành theo hạnh Bồ Tát tại gia.

Công chúa ngày nay không còn trang điểm như xưa, nàng ăn mặc thô sơ theo lối tu hành. Đồng thời nàng đã tìm nhiều phương tiện đưa vua đến yết kiến Đức Thế Tôn, nhờ vậy mà vua Ưu Điền cũng trở thành một Phật tử chân chánh và tận lực phục vụ đạo. Và chẳng cao hạnh của người ai lại phủ nhận?

Vì vậy, cung điện Quỳnh La nay đã biến thành một tịnh thất trang nghiêm thuyên vi. Mỗi tháng cứ đến ngày trai công chúa lại thỉnh Di Mẫu vào cung truyền giới "Bát quan trai" và đi

nhiên tất cả cung nữ đều thừa nhận theo tu tập thuần thành.

Mấy kho châu báu là tư sản của vua cha cho để chờ ngày xuất giá, công chúa đã đem ra bố thí cho dân nghèo. Nàng tâu vua cha mở mang nền kinh tế, dạy dân nghề nghiệp thiện, công chúa đứng lên mở các trường huấn luyện đạo đức cho phái phụ nữ, nhất là người khéo áp dụng Phật pháp vào lối sống của dân chúng. Công chúa chủ trương các viện dưỡng lão, tế bần và lập một bệnh viện mà nàng phát nguyện tự thân săn sóc bệnh nhân.

Công chúa Ly Cầu là người đầu tiên tham gia công việc xã hội ở nước Ấn Độ thời ấy vậy.

Nàng vui với đạo say với việc làm: năm năm qua đều đều như thế. Một hôm, người ta khê nê khiêng đến một bệnh nhân bệnh tình trầm trọng, người bệnh phung lác lở cùng cả mình, một chứng bệnh khốc liệt đã ăn cụt mười ngón tay chân, còn chảy nước cùng mình, mặt mày lở loét trông rất dễ sợ.

Bệnh nhân rên la thảm thiết, mới thoát trông thấy con người đáng thương kia, công chúa phải rung mình nghĩ đến

khi tay mình đụng nhằm để tắm rửa săn sóc. Nhưng lòng từ bi cứu khổ đã thắng, đôi bàn tay tròn thuần thuần như ngọc chuốt từ từ khoát nước nhẹ nhẹ rửa cho bệnh nhân, tay công chúa lầy lụa nước ghê, bệnh nhân thì giẫy giụa quằn quại nàng phải ôm đỡ bệnh nhân và không nhẫn tâm được, công chúa đã tràn đầy đôi mắt lệ, nàng phải nhắm lại để rơi hai giọt nước mắt từ bi.

Nhưng khi mở mắt, thì lạ thay bệnh nhân đầu mắt mà trước mắt nàng ánh sáng chói lòa Đức Như Lai uy nghi đứng như pho tượng độc tôn. Công chúa sung sướng quá nàng sụp xuống đánh lễ Phật. Tất cả nhân dân trong bệnh viện lúc bấy giờ tâm hồn nhẹ nhàng, bao bệnh nhân đều thoát khỏi bệnh khổ.

Đức Như Lai tán thán công hạnh của công chúa và thuyết lý "Tứ Diệu Đế" cho nàng nghe, công chúa liền chứng quả Tu Đà Hoàn và tất cả chúng hội nghe pháp đều chứng được lý dục.

Thế Quán

*"Dầu xây chín đợt phù đồ,
Không bằng làm phúc cứu cho
một người"*

